

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose

Sách Giáo Khoa Việt Ngữ Cấp 8

Ấn bản 8.8 1983-2019

Họ và tên học sinh _____

Lớp _____ **Khóa** _____

Thầy/Cô phụ trách _____

Số phòng học _____

***Thương người như
thể thương thân.***



Sách Cấp 8, ấn bản 8.8 1983-2019
Tài liệu giáo khoa
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang - San Jose xuất bản.
Tháng Chín, 2019.

Liên lạc, thư từ và ý kiến xin gởi về:

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose
P.O. Box 32563
San Jose, CA. 95152

Điện thoại: (408) 647-5147
E-mail: admin@vanlangsj.org
Website: <http://www.vanlangsj.org>

Mục Lục

- Nội Quy.			iv
- Lời Mở Đầu.			v
- Định Nghĩa.			vi
- Những Nguyên Tắc Viết Chính Tả.			vii
- Chữ Cái và Cách Phát Âm.			xi
- Tiêu chuẩn cho học sinh cấp 8			1
- Bài ôn cấp 7			2
- Bài 1:	<input type="checkbox"/> Tôi Đi Học.	<input type="checkbox"/> Nhà Ta.	6, 11
- Bài 2:	<input type="checkbox"/> Chợ Bến Thành.	<input type="checkbox"/> Cần Phải Học.	12, 17
- Bài 3:	<input type="checkbox"/> Khúc Đàn Chiến Thắng.	<input type="checkbox"/> Cơ Quan Nào Cần Nhất.	18, 23
- Bài 4:	<input type="checkbox"/> Bình Định Vương Lê Lợi.	<input type="checkbox"/> Lòng Mẹ.	24, 29
- Bài 5:	<input type="checkbox"/> Sự Tích Chùa Long Giáng.	<input type="checkbox"/> Rượu Là Thuốc Độc.	30, 35
- Bài 6:	<input type="checkbox"/> Đạo Hiếu Của Người Việt.	<input type="checkbox"/> Đứa Trẻ Mồ Côi.	36, 41
- Bài 7:	<input type="checkbox"/> Tình Quê.	<input type="checkbox"/> Buổi Chiều Mùa Gặt	42, 47
	<input type="checkbox"/> Bài Thi Mẫu Giữa Khóa.		48
- Bài 8:	<input type="checkbox"/> Thăm Nha Trang.	<input type="checkbox"/> Anh em Hòa Thuận.	49, 54
- Bài 9:	<input type="checkbox"/> Hai Bà Cháu.	<input type="checkbox"/> Một Buổi Chiều.	55, 60
- Bài 10:	<input type="checkbox"/> Mẹ.	<input type="checkbox"/> Trong Phòng Khách.	61, 66
- Bài 11:	<input type="checkbox"/> Nguyễn Trãi.	<input type="checkbox"/> Đối Với Họ Hàng.	67, 72
- Bài 12:	<input type="checkbox"/> Lời Xưa.	<input type="checkbox"/> Làm Cơm.	73, 78
- Bài 13:	<input type="checkbox"/> Nhà Bác Học Thomas A. Edison.	<input type="checkbox"/> Một Thứ Quà Của Lúa.	79, 84
- Bài 14:	<input type="checkbox"/> Cách Ăn Ở.	<input type="checkbox"/> Thương Yêu Đồng Loại.	85, 90
	<input type="checkbox"/> Bài Thi Mẫu Toàn Khóa.		91
- Ngữ vựng đã học.			92
- Tài Liệu Tham Khảo.....			104
- Quốc Ca Việt Nam.....			105
- Văn Lang Hành Khúc.....			106
- Ngôi Trường Văn Lang.....			107
- Việt Nam Việt Nam.....			108
- Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ			109

Nội quy dành cho học sinh và phụ huynh thuộc TRUNG TÂM VIỆT NGỮ VĂN LANG SAN JOSE

- 1- **Học sinh phải đi học đúng giờ và liên tục**, học sinh đến lớp trễ quá 15 phút, phải có phụ huynh đích thân dẫn tới văn phòng gặp Ban trật tự để nhận giấy phép vào lớp.
- 2- **Học sinh nghỉ học**, phụ huynh phải xin phép trước với Thầy, Cô giáo, gọi vào điện thoại Trung Tâm hoặc đến gặp Ban trật tự trình bày lí do nghỉ học vừa qua. Học sinh nghỉ liên tiếp 3 lần mà không có lí do chính đáng, không xin phép cũng như không có phụ huynh đích thân dẫn tới gặp Ban trật tự thì coi như tự ý thôi học.
- 3- **Học sinh bắt buộc phải mặc đồng phục** (áo trắng có phù hiệu Văn Lang). Học sinh không được về sớm quá 5 lần trong một khoá học. Ban trật tự sẽ không giải quyết cho học sinh xin về sớm nếu người xin phép không phải là người đứng tên trong đơn xin nhập học hay sau 1 giờ trưa (trừ trường hợp khẩn cấp)
- 4- **Học sinh phải giữ kỉ luật trong lớp**, lễ phép với Thầy, Cô, tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của Thầy, Cô và hòa nhã với bè bạn. Học sinh vi phạm kỉ luật và tỏ ra thiếu lễ độ sẽ bị cảnh cáo, nếu còn tái phạm sẽ không được tiếp tục theo học tại Trung Tâm.
- 5- **Học sinh phải tham dự đầy đủ các kì thi trong khóa học** (nếu không tham dự đầy đủ các kì thi sẽ đương nhiên ở lại lớp. Các trường hợp xin thi trước hoặc sau đều không được chấp nhận). Học sinh phải hoàn tất những bài tập do Thầy, Cô đã cho và nộp lại đúng kì hạn. Học sinh vắng mặt 5 lần dù có lí do chính đáng cũng không được lên lớp trong khóa tới.
- 6- **Học sinh phải giữ vệ sinh chung của trường và lớp học**, tuyệt đối không được ăn uống trong lớp học, đi chuyên, lấy cắp đồ đạc, sách vở cũng như trợ huân cụ của lớp học. Mọi sự thất thoát có bằng chứng phụ huynh phải chịu trách nhiệm hoàn trả theo trị giá của từng món và học sinh sẽ không được tiếp tục theo học.
- 7- **Học sinh không được mang giày có bánh xe** trong khuôn viên nhà trường và **các loại đồ chơi vào lớp học** bao gồm: đồ chơi bằng hình (game cards), máy chơi điện tử (Ds Lite, Dsi v.v..), máy hát (ipod, Mp3...) nếu bị bắt gặp chơi trong giờ học lần đầu sẽ bị cảnh cáo và thông báo đến cha mẹ. Nếu tiếp tục học sinh sẽ được cho thôi học. Những trường hợp mất mát nhà trường không chịu trách nhiệm.
- 8- **Cấm Mang Vũ khí**, học sinh tuyệt đối không được mang vào lớp học hay khuôn viên nhà trường gậy gộc, các vật dụng bén nhọn, chất nổ, ma túy cũng như vũ khí. Ban điều hành có trách nhiệm báo cáo với sở cảnh sát mà không cần thông báo cho phụ huynh.
- 9- **Đưa Đón Học sinh**, để an toàn tuyệt đối cho chính con em mình, phụ huynh phải đón con em đúng giờ và chỉ đưa đón con em mình trong khuôn viên nhà trường. Tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của Ban trật tự về vấn đề giao thông lúc đưa cũng như lúc đón, xin hoà nhã với người hướng dẫn. Mọi ý kiến, xin liên lạc cùng Ban điều hành để được giải quyết.
- 10- **Phụ huynh không được theo con em vào lớp học** nếu không có sự đồng ý của Ban điều hành. Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose có mọi thẩm quyền xử dụng hình ảnh và video được thu trong tất cả các sinh hoạt của Trung Tâm.
- 11- **Học phí** của học sinh sẽ không được hoàn trả sau 2 tuần nhập học (với bất cứ lí do gì)

Lưu ý: Nếu vi phạm các điều trên, Trung tâm sẽ áp dụng các biện pháp kỉ luật cho học sinh bao gồm: chép phạt, không cho ra chơi, mời phụ huynh đến trường hoặc bị đuổi học vĩnh viễn

Phụ Huynh kí tên:

LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay con em chúng ta rộn rã đến trường vào mỗi cuối tuần để tìm về nguồn cội Việt Nam. Vì vậy, Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose cố gắng biên soạn bộ sách giáo khoa tiếng Việt "Chúng Em Cùng Học" gồm 10 tập.

Mục tiêu nhằm khuyến khích các em biết đọc, biết viết tiếng Mẹ thân thương và thấm nhuần phong tục tập quán cùng lịch sử của tổ tiên. Sách được soạn từ dễ đến khó: từ cấp lớp 1 đến cấp lớp 10. Mỗi tập gồm có bài học trong lớp và bài làm ở nhà. Ngoài ra còn có hai kì thi giữa khóa và cuối khóa để kiểm nhận trình độ học vấn của các em.

Thời gian để hướng dẫn sửa bài làm ở nhà và học bài mới tại lớp là 2 giờ 30 phút, không kể 30 phút ra chơi trong một buổi học.

Về cách phát âm chữ cái và ráp vần, chúng tôi áp dụng theo cuốn "Cẩm Nang Sư Phạm" do công trình biên soạn chung của nhiều nhà giáo khả kính và giàu kinh nghiệm trong ban đại diện các Trung Tâm Việt Ngữ miền Nam California. Tập sách này đã được tái bản tháng 7 năm 1996.

Về cách viết tiếng có I (ngắn) hay Y (dài), chúng tôi căn cứ vào cuốn "Tự Điển Việt Nam" của hội Khai Trí Tiến Đức do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931, trong khi chờ đợi một chuẩn mực chính tả chung trong tương lai.

Nhân dịp này, kính mong quý văn, thi sĩ cũng như quý giáo chức rộng lòng cho phép chúng tôi được dùng những bài văn, thơ của quý vị để làm tài liệu giảng dạy. Và mặc dù đã cố gắng nhiều, chúng tôi ước mong quý vị có nhiệt tâm với tiếng Việt chỉ giáo những thiếu sót để cho bộ sách "Chúng Em Cùng Học" ngày được hoàn hảo hơn.

Xin quý vị nhận nơi đây lời tri ân chân thành của chúng tôi.

Trân trọng,

Ban Tu Thư
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose,
California, U . S . A.

ĐỊNH NGHĨA

- I - CHỮ** Chữ là dấu hiệu viết ra, chắp lại với nhau để biểu thị tiếng nói.
Tiếng Việt có 23 chữ cái:
a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, x, y.
- II - ÂM** Âm là giọng. Âm có âm trầm (tức là giọng thấp) và âm bổng (tức là giọng cao).
Để ghi âm tiếng Việt, chúng ta có nguyên âm, phụ âm đơn và phụ âm ghép:
- 12 nguyên âm: *a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư, y.*
- 17 phụ âm đơn: *b, c, d, đ, g, h, k, l, m, n, p, q, r, s, t, v, x.*
- 11 phụ âm ghép: *ch, gh, gi, kh, ng, ngh, nh, ph, qu, th, tr.*
- III - VẦN** Vần, do một nguyên âm đứng một mình, hay ghép với một hoặc nhiều âm khác mà thành. Vần có thể là một tiếng hay một phần của tiếng. Vần đôi khi không có nghĩa.

Thí dụ: *a, o, ui, iêt, ong, iêng, ươm* v. v. . .
- IV - TIẾNG** Tiếng do một nguyên âm đứng riêng hay do nhiều âm ráp lại mà thành. Tiếng đôi khi không có nghĩa.

Thí dụ: *A! bông hồng đẹp quá.*
Câu này có năm tiếng.
- V - TỪ** Từ do một hay nhiều tiếng ghép lại. Từ có từ đơn và từ ghép. Từ luôn luôn có ý nghĩa.

Thí dụ: - *A, ba, nhà* là ba từ đơn.
- *Học sinh, thầy giáo, cô giáo, máy bay trực thăng* là bốn từ ghép.

Những Nguyên Tắc Viết Chính Tả

(Thầy cô tùy nghi áp dụng các dấu trong khi giảng dạy)

A- Vị trí chung cho các dấu giọng.

1) Những từ chỉ có một nguyên âm mang dấu mũ hay không có dấu mũ --- **a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư** ---, thì dấu giọng được viết ở nguyên âm ấy như :

- Ăn **quả** nhớ **kẻ** trồng cây.
- **Gần** mực thì đen, **gần** đèn thì rạng.

2a) Nếu từ có hai nguyên âm đứng sau phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm đầu như :

- Chị **Thùy** bỏ **kẹo** vào **túi** áo.
- **Cái** răng **cái** tóc là vóc con người.

Trường hợp phụ âm ghép “qu” thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm sau như :

- Chị đói **quá** nên ăn hết đồ ăn của em.
- Ăn **quả** xanh dễ bị đau bụng.
- **Quý** vị làm ơn cúi đầu khi làm lễ.

2b) Nếu từ có hai nguyên âm, một mang dấu mũ và một không có dấu mũ, thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm có dấu mũ như :

- Anh đừng có **quở** cháu **tội** nghiệp.
- Bảy **giờ** đã quá sáu **giờ** chiều.
- Cúng **giỗ** ở bên này phải **lựa** ngày **bày** trẻ không đi làm.
- **Quế** đóng **thuế** trễ nên bị phạt

3) Nếu từ có hai nguyên âm ở giữa hay đằng trước phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm sau như :

- Cụ **Toàn** thích ăn **oản**.
- **Nước** **Việt** Nam có ba **miền** : Bắc, Trung, Nam.

4) Nếu từ có ba nguyên âm thì dấu giọng ở vào vị trí nguyên âm giữa như :

- Hãy yêu thương **người** đồng **loại**.
- Ông bà **ngoại** em có lòng **đoái** thương **người** **thiếu** ăn, **thiếu** mặc.

5) Nếu từ có ba nguyên âm ở giữa phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm cuối như :

- Em nghĩ **chuyện** **huyền** thoại là **truyền** **thuyết** không có thật.
- **Quyển** sách đó nói về các vua nhà **Nguyễn**.

B- Quy tắc về dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) trên các từ láy.

Đặc biệt áp dụng cho các từ láy thì dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) được đánh dấu theo quy tắc sau đây:

1) Dấu hỏi (?).

Một trong hai tiếng của từ láy không có dấu () hoặc có dấu sắc (´) thì tiếng còn lại phải được đánh dấu hỏi (?) như :

- Thoai thoải, chăm chỉ, mát mẻ, rải rác ...

2) Dấu ngã (~).

Một trong hai tiếng của từ láy có dấu huyền (`) hoặc có dấu nặng (•) thì tiếng kia phải được đánh dấu ngã (~) như :

- Bị bỡ (lội), dễ dàng, rộn rã, nghĩ ngợi

* Áp dụng quy tắc này qua câu thơ:

**“Em Huyền (`) mang Nặng (•) Ngã (~) đau
Anh Không () Sắc (´) thuốc Hỏi (?) đau chỗ nào” .**

Tuy nhiên cũng có một số ít từ láy thuộc vào trường hợp ngoại lệ và cũng có một số từ ghép Hán Việt không theo quy tắc trên như :

- Ngoan ngoãn, Sửa soạn, Đầy đủ, Bồi bổ, Hỏa hoạn, Thở thán

C- Viết chính tả với chữ i và y.

Vào năm 1931, hội Khai Trí Tiến Đức cho xuất bản bộ “Việt Nam Tự Điển” tại Hà Nội. Kể từ đó đến nay chúng ta được biết nhiều nhà văn, nhà giáo đã góp ý kiến hoặc viết sách, viết báo theo chuẩn mực chính tả đề cập trong bộ tự điển này.

Gần đây một nhà văn bày tỏ thêm ý kiến như sau:

“Việt Nam Tự Điển” của hội Khai Trí Tiến Đức, do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931 phân biệt khá rõ rệt trường hợp nào viết với chữ I và trường hợp nào viết với chữ Y.

Những hội nghị về chữ quốc ngữ, điển hình là “Hội Nghị Thống Nhất Ngôn Ngữ” (1956) hay những ủy ban chuyên môn nghiên cứu về chữ quốc ngữ để nêu ra nguyên tắc chính tả, như “Ủy Ban Điển chế Văn tự” (1973) đều nhấn mạnh cần sử dụng bộ “Việt Nam Tự Điển” của hội Khai Trí Tiến Đức làm tiêu chuẩn. Tiếc là không mấy ai chú ý đến những lời khuyến cáo này. Để rồi vẫn viết sai nhiều chữ mà tưởng là mình viết đúng. Trong đó có trường hợp lẫn lộn giữa chữ I và chữ Y. Lâu dần, sự sai lầm đó trở nên phổ quát hầu như không thể nào sửa lại được nữa cho những người quen dùng.

Nay chúng tôi biên soạn bộ sách giáo khoa “Chúng Em Cùng Học”. Ban Tu Thư của trường Việt Ngữ Văn Lang San Jose dựa theo nguyên tắc chính tả trong bộ tự điển của hội Khai Trí Tiến Đức để giúp các em bớt khó khăn khi ráp vần và viết chính tả với chữ I và chữ Y.

Xin nêu ra đây những nhận định tiêu biểu :

I. Về chữ i.

Chỉ viết chữ **i** khi **i** ngắn là nguyên âm duy nhất trong một tiếng hay một từ như :

Trước kia viết:

lý do
địa lý
đi ty nạn
một tỷ đồng
v. v. . .

Nay sẽ viết:

lí do
địa lí
đi tị nạn
một tử đồng

II. Về chữ **y**.

Chỉ viết chữ **y** dài trong những trường hợp sau đây :

1. Tự nó (chữ **y**) là một tiếng có đủ nghĩa như :

chú y	ngồi y
y kiến	y phục
y lại	v. v. . .

2. Tuy **y** và **i** đồng âm nhưng khác nghĩa khi ráp vần. Cho nên vần mà có nguyên âm **y** dài phải được sử dụng chính xác, không thể viết lẫn lộn với nguyên âm **i** ngắn được như :

● Từ có vần:

nước cháy (ay)	không thể viết
ngày nay (ay)	không thể viết
say túy lúy (uy)	không thể viết
cô Thúy (uy)	không thể viết
v. v. . .	

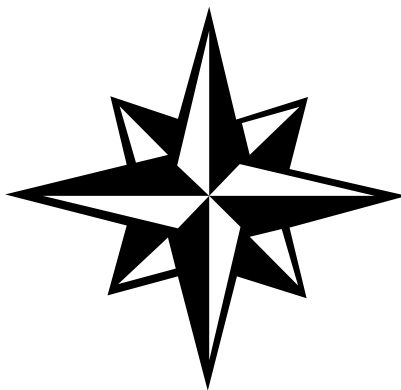
● Từ có vần:

nước chái (ai)
ngày nai (ai)
say túi lúi (ui)
cô Thúi (ui)

3. Với **y** dài hay **i** ngắn của danh từ riêng về người, về địa danh v. v. . . trước sau không thay đổi như :

Nguyễn Ngu Í	(tên nhà văn)
Lý Thường Kiệt	(tên một danh tướng)
Mỹ Tho	(tên một tỉnh)
Mỹ Quốc	(tên một nước)
v. v. . .	

Chúng tôi hi vọng con em chúng ta sẽ không còn bối rối khi nào viết **i** ngắn và khi nào viết **y** dài.



23 CHỮ CÁI TIẾNG VIỆT

A a	B b	C c	D d	Đ đ	E e	G G	H h
I i	K k	L l	M m	N n	O o	P P	Q q
R r	S s	T t	U u	V v	X X	Y y	

THÊM DẤU

* Dấu mũ: **^** * Dấu á: **ˇ** * Dấu móc: **ʼ**

CÁCH PHÁT ÂM CHỮ CÁI CÓ THÊM DẤU

A a	Ă á	Â ớ	B bờ	C cờ	D dờ	Đ đờ	E e
Ê ê	G gờ	H hờ	I i	K ca	L lờ	M Mờ	N nờ
O o	Ô ô	Ơ ơ	P pờ	Q quờ	R rờ	S sờ	T tờ
U u	Ư ư		V vờ	X xờ	Y i-cờ-rét		

Chú ý: - Chữ *k* chỉ ghép với ba nguyên âm: *i, e, ê* (*ki, ke, kê*)

- Chữ *c* ghép với các nguyên âm còn lại: *a, o, ô, ơ, u, ư* (*ca, co, cô, cơ, cu, cư*)

012 nguyên âm đơn

A	Ă	Â	E	Ê	I
<i>a</i>	<i>á</i>	<i>ớ</i>	<i>e</i>	<i>Ê</i>	<i>i</i>
O	Ô	Ơ	U	Ư	Y
<i>o</i>	<i>ô</i>	<i>ơ</i>	<i>u</i>	<i>Ư</i>	<i>i-cờ-rét</i>

11 phụ âm ghép

CH	GH	GI	KH
<i>chờ</i>	<i>gờ-hát</i>	<i>giờ</i>	<i>khờ</i>

NG	NGH
<i>ngờ</i>	<i>ngờ-hát</i>

NH	PH	QU	TH	TR
<i>nhờ</i>	<i>phờ</i>	<i>quờ</i>	<i>thờ</i>	<i>trờ</i>

Chú ý: - Phụ âm ghép **gh** chỉ ráp được với các nguyên âm *e, ê, i*.
 - Phụ âm đơn **g** ráp được với các nguyên âm *a, i, o, ô, ơ, u, w*.

Tiêu Chuẩn cho Học Sinh Cấp 8

- Tập đọc, chính tả, tìm đại ý, giải nghĩa và đặt câu
- Điền vào chỗ trống
- Đối thoại: đức dục, phong tục, tập quán, trang phục, quê hương, lễ lộc, gia tộc, gia đình, thức ăn Việt Nam
- Học thuộc lòng
- Đồng nghĩa, phản nghĩa
- Văn phạm (danh từ chung, danh từ riêng, đại danh từ, động từ, tính từ)
- Tập làm văn (tả cây cối, tả cảnh)
- Kể chuyện cổ tích, sự tích Việt Nam
- Việt sử (Lê Lợi, vua Lê Thánh Tông và Nguyễn Trãi)
- Địa lí Việt Nam (Vịnh Hạ Long, Thánh Địa Mỹ Sơn, Cố Đô Huế)
- Học đếm số: đánh vần số, viết từ ra số.
- Ca dao. tục ngữ Việt Nam.
- Làm bài và nộp bài đầy đủ và đúng kì hạn do thầy cô yêu cầu
- Hoàn tất 2 kì thi : học kì 1 và học kì 2

BÀI ÔN CẤP 7

● Tập Đọc - Chính Tả.

Quê Hương Tôi

Nước tôi ở miền Đông Nam châu Á. Một dải *non sông gấm vóc* từ ái Nam Quan đến mũi Cà Mau.

Trường Sơn là bức thành cao, nhìn về biển Đông dạt dào sóng vỗ. Gió mùa, mưa nắng thuận hòa. Cỏ cây, hoa trái bốn mùa xanh tươi. Ruộng đồng *bát ngát phì nhiêu*. *Tài nguyên* phong phú khắp trong ba miền . . .

Dân tộc tôi từ thừa Hùng Vương dựng nước, đã hơn bốn ngàn năm lịch sử oai hùng. Nào chống giặc xâm lăng từ phương Bắc, nào mở mang bờ cõi tiến về phương Nam. Tổ tiên tôi đã chịu bao gian lao nguy hiểm, đã đổ ra bao nhiêu mồ hôi, nước mắt, xương trắng, máu đào trên mảnh đất thân yêu này!

Ngày nay, dù ở nơi đâu, người Việt Nam vẫn hướng lòng về quê hương yêu dấu. Niềm tin và *hi vọng* cho tự do, no ấm của đồng bào vẫn luôn luôn bùng cháy trong tâm tư mỗi người.

Giải nghĩa:

- *Non sông gấm vóc*: Ý nói đất nước đẹp và quý giá. - *Bát ngát*: Rộng lớn, bao la. - *Phì nhiêu*: Đất tốt, nhiều màu mỡ. - *Tài nguyên*: Nguồn lợi thiên nhiên như đất đai, hầm mỏ . .
- *Hi vọng*: Trông mong, mong chờ.

Đại ý:

Tìm đại ý bài trên.

Câu Hỏi:

- Nói vị trí của nước Việt Nam ?
- Những đặc điểm của địa lí Việt Nam ?
- Những đặc điểm của lịch sử Việt Nam ?
- Người Việt Nam ở xa quê hương nghĩ gì ? Hi vọng gì ?

● Phân biệt tiếng:

đơ	→	đơ bản	giơ	→	giơ tay	vơ	→	bơ vơ
xâu	→	xâu chuỗi	sâu	→	răng sâu	râu	→	râu mép
rộng	→	áo rộng	rộn	→	bận rộn	rợn	→	rùng rợn
giai	→	giai nhân	dai	→	dai sức	rai	→	lai rai
chiều	→	buổi chiều	triều	→	thủy triều			
chí	→	báo chí	trí	→	trí khôn	thí	→	thí sinh

khăn → khăn lau	khanh → ái Khanh	khen → ban khen
Than → than đá	thân → bạn thân	thanh → Thanh vắng
lú → lú lo	nú → nú kéo	tú → tú tít
nhạc → nhạc sĩ	nhật → nhật màu	nhật → chủ Nhật
thăm → thăm viếng	tham → tham ăn	thâm → Thâm hiểm
lăng → lăng vua	lăn → lăn lóc	lân → múa lân
trong → trong veo	trông → trông đợi	chông → chông chênh

* Thầy cô có thể thêm vào những từ khác liên kết với những vần trên để các em tập đọc

● Bài Tập.

Tìm những từ trên để điền vào chỗ trống dưới đây cho hợp nghĩa:

- 1- Hôm nay mẹ về trễ, em _____ đợi mãi
- 2- Ở Huế có _____ tâm của các vua triều Nguyễn.
- 3- Ông ngoại _____ Tâm học giỏi.
- 4- Lòng mọi người _____ lên một niềm vui mới.
- 5- Học hành để mở mang _____ tuệ.

Đặt câu với những từ dưới đây:

tham : _____

nhạc: _____

nhật: _____

lân: _____

trông: _____

● Văn Phạm

- **Danh Từ:** những từ dùng để nói về người, nơi chốn, con vật, vật, hiện tượng, hay sự việc.
Saigon, San Jose, học sinh, trường học, con chó, cái nhà, gia đình, mây.
- **Danh Từ chung:** những danh từ dùng để nói chung cho tất cả cùng một loại.
Thầy giáo, bảng viết, kỹ sư, bác sĩ

- **Danh Từ Riêng:** những danh từ dùng để chỉ tên riêng của một người, một con đường, một con sông, một nước (quốc gia) . . .

Những danh từ riêng bắt buộc phải được viết hoa.

San Francisco, Hà Nội, Oanh, Hùng, Hoa Kỳ

- **Đại Danh Từ:** Đại danh từ thay thế cho danh từ mà ta không muốn lặp lại hay không muốn nêu ra. Có năm loại đại danh từ: nhân vật đại danh từ, liên thuộc đại danh từ, nghi vấn đại danh từ, chỉ thị đại danh từ và phiếm chỉ đại danh từ
Tôi, ta, nó chúng mình, các anh, ai, ấy...

Bài tập: Hãy viết: 1 câu có danh từ chung
 1 câu có danh từ riêng

● Việt sử

Trần Quốc Tuấn và Trận Bạch Đằng

Trần Quốc Tuấn là một đại danh tướng của nhà Trần. Ông được **phong tước** Vương nên thường được gọi là Hưng Đạo Vương.

Năm 1283, quân Mông Cổ bên Tàu tràn qua đánh nước ta lần thứ hai. Vua Trần Nhân Tông thấy **khí thế** giặc quá mạnh có ý muốn **đầu hàng** để dân đỡ khổ. Hưng Đạo Vương tâu: “Nếu bệ hạ muốn hàng, xin hãy chém đầu tôi trước”. Chính nhờ tinh thần quyết chí này mà quân ta đánh đuổi được quân Mông Cổ ra khỏi nước. Đến năm 1287, quân Mông Cổ lại đem quân sang đánh nước ta lần thứ ba. Tại sông Bạch Đằng, Hưng Đạo Vương cho đóng cọc sắt nhọn xuống lòng sông. Đợi nước lên quân ta mang thuyền nhỏ ra **kiêu chiến**, dụ giặc qua chỗ đóng cọc. Đến lúc nước xuống, quân ta quyết đánh khiến giặc rút lui và bị cọc sắt đâm lủng chiến thuyền chìm hết. Quân ta phục sẵn ở hai bên bờ sông tràn ra đánh khiến quân giặc chết rất nhiều, quân Mông Cổ **đại bại** phải rút chạy về nước.

Ngoài tài **dụng binh**, Hưng Đạo Vương còn lâu thông kinh sử và có nhiều mưu lược. Ông đã thảo ra bộ “**Binh Thư Yếu Lược**” và bộ “**Vạn Kiếp Bí Truyền**” để dạy các tướng sĩ cách tác chiến và dùng mưu.

Giải nghĩa:

- **Phong tước:** Ban cho chức tước, quyền hành. - **Khí thế:** Sức mạnh tinh thần.
- **Đầu hàng:** Xin chịu thua, phục tùng. - **Kiêu chiến:** Giả vờ đánh để khiêu khích.
- **Đại bại:** Thua to, thua trận hoàn toàn. - **Dụng binh:** Tài điều khiển quân sĩ, tài bày mưu đánh trận.

Câu hỏi:

**Thầy cô đặt một vài câu hỏi liên quan đến Hưng Đạo Vương và Trận Bạch Đằng cho các học sinh nhớ lại bài học*

- 1- Trần Quốc Tuấn được phong tước vương và gọi là gì ?
- 2- Ông tâu gì khi vua Trần Nhân Tông muốn hàng ?
- 3- Muốn đánh bại quân Tàu trên sông Bạch Đằng, ông dùng mưu gì ?
- 4- Trần Quốc Tuấn soạn thảo những bộ sách gì để dạy tướng sĩ ?

● Địa lí.

Quặng Mỏ

Việt Nam có nhiều quặng mỏ như:

Mỏ than có nhiều ở Hòa Gai, Đông Triều, Cái Bàu, Nông Sơn. Mỏ than non ở Tuyên Quang, Lào Cai, Hòa Bình, Ninh Bình, Cao Bằng. Than bùn ở vùng U Minh, Cà Mau.

Mỏ sắt ở Thái Nguyên, Lào Cai, đảo Cái Bàu, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, đảo Phú Quốc. Gần đây, người ta vừa tìm thấy một mỏ sắt có phẩm chất rất cao ở vùng Thanh Nghệ Tĩnh.

Mỏ kẽm ở Bắc Cạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang.

Mỏ thiếc ở Cao Bằng.

Mỏ phốt-phát ở Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai, Thanh Hóa, quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.

Mỏ vàng ở Sơn La, Thừa Thiên, Quảng Nam.

- Câu hỏi:

**Thầy cô đặt một vài câu hỏi liên quan đến bài “Quặng mỏ” cho các học sinh nhớ lại bài học*

- 1- Vùng nào có nhiều mỏ than ở Việt Nam ?
- 2- Ở vùng Thanh Nghệ Tĩnh, người ta vừa mới tìm được mỏ gì ?
- 3- Quần đảo Trường Sa có mỏ gì ?
- 4- Tại Việt Nam vùng nào có mỏ vàng ?

● Luận Văn.

- Tả đồ vật

- Tả Động vật

Thầy cô ôn sơ qua cho các em cách thức tả một món đồ hay tả một con vật. Phác họa một dàn bài mẫu:

- 1- **Mở bài.** Giới thiệu món đồ em sẽ tả
- 2- **Thân bài.** Viết tổng quát hình dáng, màu sắc, công dụng ... về món đồ
- 3- **Kết luận.** Ý nghĩ hoặc tình cảm của em đối với đồ vật này.

Bài tập: Hãy tả cuốn sách học Việt Ngữ của em.

BÀI MỘT

● Chính tả.

Tôi Đi Học

Hàng năm, cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và, trên không, có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại **nao nức** những kỉ niệm **hoang mang** của buổi tựu trường.

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy, nảy nở trong lòng tôi như mấy cánh hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng. Những ý tưởng ấy, tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi chưa biết ghi và ngày nay, tôi không nhớ hết; nhưng mỗi lần thấy một em nhỏ rụt rè theo mẹ lần đầu tiên đi đến trường, tôi lại thấy lòng tung bùng rộn rã.

Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi, dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên tôi thấy lạ. **Cảnh vật** xung quanh tôi đều thay đổi, vì chính trong lòng tôi đang có sự thay đổi lớn : hôm nay tôi đi học.

Thanh Tịnh

Giải nghĩa:

- **Nao nức**: Rộn ràng, xôn xang. - **Hoang mang**: Sợ sệt và bối rối. - **Cảnh vật**: Những gì bày ra trước mắt ta.

● Bài tập.

I - Câu hỏi: (bài mẫu)

1. Tìm xuất xứ bài trên ?
Bài “Tôi Đi Học” được viết bởi Thanh Tịnh .
2. Cứ vào cuối thu, tác giả lại nhớ tới gì ?
Cứ vào cuối thu, tác giả lại nhớ đến buổi tựu trường đầu tiên .
3. Tại sao ngày đầu tiên đi học, tác giả không ghi những ý tưởng của mình lên giấy ?
Ngày đầu tiên đi học, tác giả không ghi những ý tưởng của mình lên giấy vì tác giả không biết ghi và không nhớ hết .
4. Mỗi lần thấy một em nhỏ rụt rè theo mẹ đến trường, tác giả lại thấy lòng mình thế nào ?
Mỗi lần thấy một em nhỏ rụt rè theo mẹ đến trường, tác giả lại thấy lòng tung bùng rộn rã và nhớ lại những kỉ niệm về buổi học đầu tiên .
5. Tìm đại ý bài trên.
Vào cuối thu, tác giả nhớ đến buổi học đầu tiên của mình .

II - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: NGÀY, NGÀY hay NGÀY

- 1- Trần Quốc Tuấn là vị anh hùng dân tộc, _____ có công đánh thắng quân Mông Cổ.
- 2- Học sinh được nghỉ học _____ thứ Bảy và Chủ Nhật.
- 3- Khi say sòng, chúng ta cảm thấy _____ ngật, khó chịu.
- 4- Hôm nay em gắng học để _____ mai nên người hữu ích.
- 5- Một loại sâu hóa bướm gọi là con _____ .
- 6- Em bé hay làm phiền, quấy phá thì gọi là em bé hay _____ ngà.

Đặt câu:

ngày Tết - ngày ngật - ngại khó

III - Thêm dấu trên các tiếng in nghiêng:

- 1- Đi một *ngay* đàng, học một sàng *khon*.
- 2- Râu hùm, hàm én, mày *ngai*
- 3- Vai năm tấc rộng, *than* mười thước cao.
- 4- *Ngay* nắng chóng trưa, ngày mưa *chong* tối.
- 5- Ngày *thang* như thoi đưa.
- 6- Thân em như lá Đài Bi,
Ngày thì *dai* nắng, đêm thì dầm *suong*.

Đặt câu:

Viết mỗi câu có tiếng: NGÀY, NGÀY và NGÀY

Giải nghĩa:

- *Ngày ngật*: Chóng mặt, hơi say. - *Ngại khó*: Sợ khó khăn. - *Mày ngài*: Lông mày đậm giống như mình con ngài. - *Ngày mai*: Ngày sau trong tương lai. - *Ngày ngày*: Hàng ngày.

• Ca dao.

1- Ghé vai gánh đỡ sơn hà,
Sao cho tỏ mặt mới là trượng phu.

2- Trăng mờ còn tỏ hơn sao,
Tuy rằng núi lở còn cao hơn gò.

● Việt sử.

Lê Lợi

Năm 1407, quân Minh (người Trung Hoa) mượn cớ đánh nhà Hồ để lấy lại cơ nghiệp cho nhà Trần. Sau khi đánh bại Hồ Quý Ly, quân Minh lấy hết sách vở, tài vật và bắt cả người tài giỏi của ta đưa về Tàu. Nhà Minh bắt đầu đặt chánh sách đô hộ và thu thuế. Dân chúng sống rất là khổ sở.

Bấy giờ ở làng Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa có một nhà nông giàu có tên là Lê Lợi. Ông có tính hào hiệp, khảng khái hay giúp đỡ người nghèo khó. Thấy quân Minh càng ngày càng hà hiếp dân chúng, Lê Lợi bèn chiêu mộ hào kiệt, khởi nghĩa ở Lam Sơn. Ông được nhiều người tài giúp đỡ, trong số đó có Lê Lai và Nguyễn Trãi. Cuộc kháng chiến kéo dài suốt 10 năm (1418-1428) mới thành công.

Lúc đầu, Lê Lợi bị thua luôn. Ba lần ông phải rút quân về Chí Linh và chịu nhiều gian khổ. Sau ông đánh thắng được nhiều trận nên người theo càng ngày càng đông. Các tướng Tàu tên là Vương Thông bị vây ở Tây Đô, Liễu Thăng bị chém ở Chi Lăng. Quân Minh lần lượt tan rã, phải rút về nước.

Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi vua lấy hiệu là Lê Thái Tổ, đóng đô ở Thăng Long và đặt tên nước ta là Đại Việt.

Giải nghĩa:

- **Đô hộ:** *Nắm giữ và điều khiển tất cả bộ máy chính quyền.* - **Chiêu mộ:** *Tập hợp người để làm một việc gì.* - **Hào kiệt:** *Người có tài năng và chí khí hơn người bình thường.* - **Hà hiếp:** *Lấn áp, đè nén bằng quyền lực.* - **Khởi nghĩa:** *Tập hợp lực lượng nổi dậy, lật đổ chế độ đang đô hộ.*

Câu hỏi:

- 1- Quân Minh lấy cớ gì sang xâm chiếm nước ta ?
- 2- Dưới sự cai trị của người Trung Hoa, dân chúng ta sống như thế nào ?
- 3- Ông Lê Lợi chống quân Minh trong bao lâu ?
- 4- Khi lên làm vua, ông Lê Lợi đặt tên nước ta là gì ?

● Bài hát vui

Kết Dây Thân Tình

Ngô Mạnh Thu

Từ muôn nơi ta về đây sum họp.
Môi cười rất tươi và mắt thật xanh.
Dù sơ giao bây giờ ta nên gần.
Nắm tay cùng kết mối dây thân tình.

Nào ca lên. Nào vui lên. A!

Bài làm ở nhà 1

• Học đếm số.

1	một	11	mười một	21	hai mươi mốt
2	hai	12	mười hai	22	hai mươi hai
3	ba	13	mười ba
4	bốn	14	mười bốn	25	hai mươi lăm
5	năm	15	mười lăm
6	sáu	16	mười sáu	31	ba mươi mốt
7	bảy	17	mười bảy
8	tám	18	mười tám	35	ba mươi lăm
9	chín	19	mười chín
10	mười	20	hai mươi	101	một trăm lẻ (linh) một

• Bài tập.

A. Đọc con số và viết thành chữ số:

1	<u>một</u>
11	<u>mười một</u>
21	_____
31	_____
41	_____
51	_____
90	_____
101	_____

B. Đọc chữ số và viết ra con số:

Năm	<u>5</u>
Mười lăm	<u>15</u>
Hai mươi lăm	_____
Ba mươi lăm	_____
Bốn mươi lăm	_____
Năm mươi lăm	_____
Tám mươi lăm	_____
Chín mươi lăm	_____
Một trăm lẻ (linh) năm	_____

- **Chép lại và thêm dấu.**

Lòng Yêu Nước

... Lòng yêu nước là lòng yêu thương đồng bào, gan bó voi xù sò, dân tộc của mình. Lòng yêu nước là một điều rất thiêng liêng và cao quý. Ngay xưa, khi quan Tàu xâm lấn nước ta. Nhà vua triệu tập các bô lão để bàn kế chống giặc. Một thiếu niên, vì nhỏ tuổi không được tham dự, phải đứng ngoài cửa. Khi nghe kể lại sự tàn ác của quan giặc, cau cam phẫn đến độ đã bốp nát qua cam đang cam trong tay lúc nào không hay. Sau đó, cau đã tụ tập họp và cam đầu một đoàn thiếu niên anh dũng đi đánh giặc. Đoàn quan đã lập được nhiều chiến công hiển hách.

Đó là anh hùng tí hon Trần Quốc Toản, tuổi vua mười sáu. Một tấm gương cao cả về lòng yêu nước trong lịch sử nước nhà.

*Chúng Em Cùng Học - Cấp 8,
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang*

- **Bài tập.**

- Trong những từ sau đây, hãy chép lại từ nào được coi là viết đúng chính tả:

Cháu yêu bà	hay	Cháu iêu bà
xứ sở	hay	xứ sở
Một thiếu niên	hay	Một thiếm niên
Tấm gương soi	hay	tấm gương soi
Quân giặt	hay	quân giặt
Xâm lăng	hay	sâm lăng

- **Tập đọc.**

Nhà Ta

Hai tiếng “Nhà Ta” nghe êm dịu và **gọi lên** biết bao hình ảnh đẹp. Chính ở đó, mẹ mong đợi các con sau giờ tan học. Cha sung sướng trở về sau một ngày làm việc vất vả.

Chính ở đó, anh em chúng ta **quây quần** vui chơi với nhau. Mỗi khi đau yếu, chúng ta được các người thân yêu **săn sóc, nâng niu**. Cũng chính ở đó, cha mẹ và anh em cùng chia sẻ niềm vui mừng, sung sướng hoặc những nỗi khổ đau trong cuộc sống.

Sung sướng thay chúng ta có một mái nhà, cũng như chim kia có tổ vậy!

Theo Phương Mai

Giải nghĩa:

- **Gọi lên:** Nhớ đến. - **Quây quần:** Tụ họp lại, xúm xít lại trong không khí thân mật, đầm ấm. - **Săn sóc:** Trông nom chu đáo, tận tình. - **Nâng niu:** Chăm chút, yêu quý.

- **Tập làm văn:**

Hãy tả “Gia đình em”, dài 150 từ trở lên.

- **Tập chép & Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần và chép mỗi bài một lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc và chính tả:

“Tôi Đi Học” và “Nhà Ta”



BÀI HAI

◆ Bài giảng - Chính tả.

Chợ Bến Thành

Bến Thành bán đủ thứ hàng,
Rẻ tiền, *xa xỉ, cáм vàng bên nhau.*
Qua hàng đồ sứ, đồng, thau,
Đến hàng thịt cá, gạo rau, vịt gà,
Đẹp tươi nhất dãy hàng hoa !
Đông vui nhất dãy lụa là, đồ thêu.
Nón khăn, giày dép rất nhiều,
Đi quanh chợ ngắm bao nhiêu mặt hàng.
Mời rao *mà cả* vang vang,
Bên ngoài xe cộ, đầy *đàng* ngược xuôi.

Nguyễn Hữu Bào
(Thơ Tuổi Thơ)

Giải nghĩa:

- **Chợ Bến Thành:** Tên của một chợ thuộc thành phố Sài Gòn, Việt Nam. - **Xa xỉ:** Hàng lòe loẹt, không cần thiết. - **Cám vàng bên nhau:** Ý nói hàng tốt hay đắt tiền được bán liền bên hàng rẻ tiền hay hàng xấu. - **Mà cả:** Mặc cả, trả giá thấp hơn giá người bán nói. - **Đàng:** Đường đi.

• Học đếm số

100	một trăm
101	một trăm lẻ (linh) một
1.000	một ngàn (nghìn)
năm 1999	năm một ngàn chín trăm chín mươi chín
100.000	một trăm ngàn
150.000	một trăm năm mươi ngàn
1.000.000	một triệu
1.100.000	một triệu một (một triệu một trăm ngàn)
154.000.000	một trăm năm mươi bốn (tư) triệu
1.000.000.000	một tỉ
1.200.000.000	một tỉ hai (một tỉ hai trăm triệu)
10.000.000.000	mười tỉ
16.500.000.000	mười sáu tỉ rưỡi (mười sáu tỉ năm trăm triệu)

• **Bài tập.**

I - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: RANH, RẰNG hay RẰN

- 1- Các con phải nhớ lời _____ dạy của mẹ cha.
- 2- Má đưa em đi nha sĩ để trám _____ .
- 3- Ải Nam Quan là _____ giới giữa Trung Hoa và Việt Nam.
- 4- Không ai ưa kẻ _____ mãnh.
- 5- _____ của lưới cửa rất sắc bén.

Đặt câu:

lời răn - ranh mãnh - hàm răng

II - Thêm dấu trên các tiếng in nghiêng:

- 1- Răng *can phải lưới*.
- 2- Hời cô tát *nuoc* bờ ao,
Làm *rang* mà đổ cả sao trên trời.
- 3- Có *rang* thì lấy răng nhai,
Không răng nướu gặm *chang* sai miếng nào.
- 4- Thừa rằng bác mẹ em *ran*,
Làm thân con *gai* chớ ăn trầu người.

Đặt câu:

Viết mỗi câu có tiếng : **RANH, RẰNG** và **RẰN**

Giải nghĩa:

- **Răn dạy:** Dạy bảo. - **Ranh giới:** Biên giới. - **Ranh mãnh:** Tinh ma, quỷ quái, hay chọc phá kẻ khác.

• **Câu đố vui sử kí.**

*Anh hùng phá Tống bình Chiêm,
Giúp vua nhà Lý giữ yên cõi bờ.
Lưu truyền hậu thế bài thơ,
Nức lòng quân sĩ phát cờ tiến lên !*

• **Luận văn.**

Tả cây cối

Phần mở bài:

Giới-thiệu cây em sắp tả, nghĩa là nói em thấy cây đó ở đâu, dịp nào v.v...

Phần thân bài:

Tả hình-dáng cây : tốt tươi hay cằn cỗi ? Giống hình cái gì (nếu có) ? Cao chừng bao nhiêu ?

Rồi tả từng phần : gốc, thân, cành, lá, hoa, quả (nếu có). Nếu cây phải tả "quen thuộc" đối với em thì có thể nói đến sự thay đổi của nó theo từng mùa (thời kì ra hoa, kết trái, mùa rụng lá...).

Sau hết nói ích lợi của cây. Cũng nên biết là có nhiều thứ cây, thứ hoa, còn có ý nghĩa như cây trúc tượng trưng cho người quân tử, hoa sen tượng trưng cho vẻ cao quý, trong sạch, cây liễu tượng trưng cho vẻ yếu đuối, mềm mại...

Phần kết luận:

Nếu cây tả là của em thì có thể nói cảm tình của em đối với cây ấy, hoặc ý nghĩ, kỉ niệm mà cây ấy gợi ra cho em.

Dàn Bài Mẫu : Tả một cây hoa hồng.

Mở bài: Cây hoa hồng ở đâu ? Do ai trồng ?

Thân bài:

- a) Hình-dáng : Cây hồng lớn hay nhỏ ? Có xanh tốt không? Hoa màu gì ?
- b) Tả từng phần : Gốc, thân, cành, lá, hoa, mùi thơm, đẹp . . .
- c) Ích lợi : Làm cho cảnh nhà thêm đẹp .

Kết luận: Cảm tình của em đối với cây ấy, hoặc hoa hồng tượng trưng cho tình thương yêu . . .

Bài làm ở nhà 2

• Câu hỏi:

Trả lời các câu hỏi theo bài “**Chợ Bến Thành**”

1. Tìm xuất xứ bài “Chợ Bến Thành” ?
2. Hàng hóa ở chợ trưng bày ra sao ?
3. Qua hàng đồ sứ, đồng thau rồi đến hàng gì ?
4. Dãy hàng nào đẹp tươi nhất ?
5. Tiếng gì vang vang ?
6. Bên ngoài chợ như thế nào ?
7. Tìm đại ý bài “Chợ Bến Thành”.

• Bài tập.

1- Đọc chữ số và viết ra con số.

- 1) Một trăm lẻ (linh) năm _____
- 2) Một trăm lẻ (linh) chín _____
- 3) Một trăm mười một _____
- 4) Ba trăm bốn mươi một _____
- 5) Một ngàn chín trăm chín mươi tám _____

2- Đọc con số và viết thành chữ số.

- 1) 2.000 _____
- 2) 2.001 _____
- 3) 10.000 _____
- 4) 100.000 _____
- 5) 1.000.000 _____
- 6) 1.100.000 _____
- 7) 1.000.000.000 _____
- 8) 1.500.000.000 _____

- **Chép lại và thêm dấu.**

Nhà Cửa Nội Tôi

Đay nha cua noi toi,
Nen gach voi tuong voi,
Tren mai lop ngoi đo,
Nha *cát* đa lau roi.
Truoc nha co trong hoa,
Sau nha co ao ca,
Co cả cay an trai,
Đẹp nhất may *vòng cà*.

Tài liệu Bộ Quốc Gia Giáo Dục, V.N.C.H.

Giải nghĩa:

- *Cát*: Dựng lên. - *Vòng cà*: Luống cà.

- **Bài tập.**

1- Chép lại theo bài trên :

- a). Hai câu với tiếng có dấu hỏi.
- b). Một câu với tiếng có dấu ngã.

2- Trong những từ sau đây, hãy chép lại từ nào được coi là viết đúng chính tả:

Xây các nhà cửa	hay	xây cát nhà cửa
Trồng cây	hay	chồng cây
Quả cam	hay	quả cam
Tập viết	hay	tập viết
Kĩ cang	hay	kĩ càn
Gói mỳ	hay	gói mì

- **Tập đọc & Chính tả.**

Cần Phải Học

Ai cũng cần phải học. Có học thì sự hiểu biết mới rộng, việc làm mới **đạt được kết quả** tốt. Người không học thì chỉ biết tay làm, chân chạy, đầu đội, vai mang. Người có học có thể làm việc mau lẹ và nhẹ nhàng hơn nhờ vào sự khôn ngoan của khối óc. Cùng một nghề, một việc làm mà kết quả của người có học và người không học hơn kém nhau rất xa. Vì thế, việc học **cần thiết** đối với tất cả chúng ta, nhất là **giới trẻ**.

Theo Trần Trọng Kim

Giải nghĩa:

- **Đạt được:** Có được. - **Kết Quả:** Sự thành tựu của một việc làm - **Cần thiết** Rất cần phải có mới được. - **Giới trẻ:** Nhóm người trẻ tuổi.

- **Tập làm văn:**

Tả cây hoa hồng (bài dài ít nhất 200 từ).

- **Tập chép & Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần và chép mỗi bài một lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc và chính tả:

“Chợ Bến Thành” và “Cần Phải Học”



BÀI BA

◆ Chính tả.

Khúc Đàn Của Chiến Thắng

Tad Lietz là một em bé Việt Nam được sinh ra thiếu mất cánh tay trái. Em bị bỏ rơi ngay lúc mới **chào đời** và sống trong một **cô nhi viện** ở Sài Gòn.

Năm lên 3 tuổi, em được hai ông bà Jeffrey và Mary Lietz nhận làm con nuôi đưa về sống ở thành phố Appleton, tiểu bang Wisconsin. Khi mới đến Hoa Kỳ, em chỉ nặng 16 cân Anh. Mắt em nhìn không rõ. Em không thể ngồi dậy hoặc đi lại được. Em gào khóc suốt đêm vì bị **nhiễm trùng** ở tai.

Một thời gian sau, em được hội Shriners nhận **điều trị** và **huấn luyện** tại một bệnh viện của hội ở Chicago. Shriners là một hội thân hữu quốc tế giúp một hệ thống bệnh viện chăm sóc bệnh nhân miễn phí. Nơi đây, em mơ ước trở thành một tay chơi đại vĩ cầm nổi tiếng. Vì thiếu mất cánh tay trái, em phải dùng bàn tay phải bấm dây đàn và kéo đàn bằng bàn chân trái. Trong đại hội toàn quốc của hội Shriners ở Boston, Tad Lietz mới 12 tuổi đã làm cho mọi người cảm động đến rơi nước mắt khi nghe em **trình tấu** nhẹ nhàng bản nhạc chủ đề của phim "Titanic" trên chiếc trung hồ cầm.

Mỗi nốt nhạc của em là một chiến thắng đối với **tật nguyên** và số mệnh . . . Em phát biểu: “Bạn chỉ có một cuộc đời mà thôi, vậy hãy làm cho **hữu dụng**”.

*Phỏng theo Việt Mercury số 77, ngày 14-7-2000
(Nguyễn Tuấn Hùng dịch)*

Giải nghĩa:

- **Chào đời:** Sinh ra. - **Cô nhi viện:** Nhà nuôi trẻ mồ côi. - **Nhiễm trùng:** Bị vi trùng gây bệnh. - **Điều trị:** Chữa bệnh. - **Huấn luyện:** Giảng dạy và luyện tập. - **Trình tấu:** Trình diễn bản đàn trước khán thính giả. - **Tật nguyên:** Tàn tật. - **Hữu dụng:** Có ích.

• Câu đố vui địa lí.

*Sông nào ở chốn cổ đô,
Nước trong leo lẻo, lững lờ êm trôi.
Chuông khuya thông thả từng hồi,
Mùi thơm còn với Đất, Trời ngàn năm.*

• Bài tập.

I - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: GIAN hay GIANG

- 1- Bác em mới cất một _____ nhà.
- 2- Ngày nay, không còn có nhiều người đứng ven đường xin đi quá _____.
- 3- Một thế kỉ là khoảng thời _____ một trăm năm.
- 4- Mẹ em dặn phải thành thật, đừng bao giờ _____ dối.

- 5- _____ sơn của nước Việt Nam từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau.
 6- Công việc làm có _____ khổ thì khi thành công mới thấy sung sướng.

Đặt câu:

phi thuyền không gian - gian lận - giang sơn

II - Thêm dấu trên các tiếng in nghiêng:

- 1- Cây cao thì **gio** càng lay,
 Càng cao danh **vong**, càng dày gian truân.
- 2- Ba gian nhà rạ **loa** xòà,
 Phải duyên coi tợ chín tòa **nha** lim.
- 3- Miệng ăn măng trúc, **mang** mai,
 Những giang cùng nứa, lấy ai **ban** cùng.
- 4- Giang hồ quen thói **vay** vùng,
 Gươm đàn **nra** gánh, non sông một chèo. (Nguyễn Du)
- 5- Không còn lo **bay**, lo ba,
 Một đời gian khổ cho qua một **đoi**.
- 6- Lấy chồng gánh **vac** giang sơn **nha** chồng.

Đặt câu:

Viết mỗi câu có tiếng : **GIAN** và **GIANG**

Giải nghĩa:

- **Giang tay ra:** Giang tay nắm vào nhau. - **Giang sơn:** Sông và núi, đất đai của một nước. - **Gian nhà:** Ngôi nhà nhỏ. - **Gian dối:** Dối trá, gian xảo. - **Gian khổ:** Vất vả và khổ sở. - **Giang hồ:** Phiêu lưu, nay đây mai đó. - **Lòà xòà:** Lòng thông, xỏ xuồng. - **Giang:** Một loại tre.

• **Văn phạm.**

Danh Từ (Học ôn)

Danh từ là tiếng dùng để gọi người, loài vật, đồ vật hay sự việc v. v ...

Có hai loại danh từ:

1- Danh từ chung dùng để gọi những người, những con vật, những đồ vật cùng một loại.

Ví dụ: *Nông phu, con trâu, quyển sách, công việc.*

2- Danh từ riêng dùng để gọi riêng một người, một con vật, một con sông, hay một quốc gia.

Ví dụ: vua *Quang Trung* .

sông *Đông Nai*.

nước *Việt Nam*.

Đại Danh Từ (Học ôn)

Đại danh từ là tiếng để thay thế cho danh từ không muốn lặp lại hay không muốn nêu ra:

Ví dụ: *Hùng chăm học. Anh được thầy khen luôn.*

Hùng : danh từ riêng

Anh : đại danh từ thay cho danh từ riêng "Hùng".

Bài tập :

1- Viết hai câu có danh từ chung.

2- Viết hai câu có danh từ riêng.

3- Tìm đại danh từ trong câu sau đây:

“Tad Lietz là một em bé Việt Nam. Năm lên 3 tuổi, em được hai ông bà Jeffrey và Mary Lietz nhận làm con nuôi”

Bài làm ở nhà 3

• Viết chữ số.

Viết lại cả câu có con số đổi ra chữ số.

- 1- Bé Oanh sinh năm 1997.
- 2- Mai sinh năm 1998.
- 3- Liên, bạn của Mai sinh năm 1987
- 4- Theo dương lịch, năm nay là năm thứ 2000.
- 5- Trong lớp em có 21 học trò.
- 6- Theo dương lịch, một năm có 365 ngày.
- 7- Một ngày có 24 giờ.
- 8- Một giờ có 3.600 giây.
- 9- Em sinh vào ngày 10 tháng 5 năm 1985.
- 10- Em ở nhà số 1107 đường Senter.

Ví dụ:

- 1- Bé Oanh sinh năm một ngàn chín trăm chín mươi bảy.

• Văn phạm.

- 1- Giải nghĩa : danh từ.
- 2- Có mấy loại danh từ ?
- 3- Tìm hai danh từ chỉ đồ vật và đặt hai câu.
- 4- Đặt hai câu có danh từ riêng chỉ người và đại danh từ.

• Câu hỏi:

Trả lời các câu hỏi theo bài “**Khúc Đàn Của Chiến Thắng**”

- 1 - Tìm xuất xứ bài “Khúc Đàn Của Chiến Thắng”?
- 2 - Tad Lietz được sinh ra ở đâu và hoàn cảnh của em ra sao ?
- 3 - Ai đã nhận Tad làm con nuôi và đưa em về sống ở đâu ?
- 4 - Khi mới đến Hoa Kỳ, tình trạng sức khỏe của Tad ra sao ?
- 5 - Em được hội nào nhận giúp đỡ ? Em có mơ ước gì ?
- 6- Tìm đại ý bài “Khúc Đàn Của Chiến Thắng”.

• Chép lại và thêm dấu.

Bác Bảo

Mai niu tay Tâm chỉ về phía trước, nói:

- Nha bác Hai (Bảo) kia kia !

Tâm hỏi:

- Bác Hai là ai ha chi ?

- Bác Hai là anh ruột của Ba !

Ông ba Hiền dẫn hai con bước vào nhà. Bác Bảo trai vui vẻ gọi hai con:

- Nhân, Hạnh ơi! Ra chào chú thím đi con. Bác gái bao Hạnh lấy trái xoài chín đãi hai em.

Hạnh vừa gọt xoài vừa hỏi:

- Sao lâu quá mà em không về chơi ?

Mai đáp:

- Chúng em con phải đi học. Hôm nay nghỉ lễ gia đình em về thăm hai bác và các anh chị.

Giải nghĩa:

- **Đãi:** Mời ăn.

• Bài tập.

1- Em gọi anh của ba em là gì ? Em gọi em trai của ba em là gì ?

Em gọi vợ của chú em là gì ?

2- Viết câu tục ngữ nói về tình gia đình.

3- Trong những từ sau đây, hãy chép lại từ nào được coi là viết đúng chính tả:

Hãy đi về phía trước	hay	hãy đi về phía trước
Chị dẫn em đi chơi	hay	chị dẫn em đi chơi
Bác trai và bác gái	hay	bác trai và bác gái
Trái xoài chín vàng	hay	trái soài chín vàng
Đa đình em	hay	gia đình em
Nghỉ lễ	hay	ghi lễ

- **Tập đọc & Chính tả.**

Cơ Quan Nào Cần Nhất

Đề thử trí thông minh của học trò, thầy giáo hỏi:

- Trong thân thể người ta, **cơ quan** nào cần nhất ?

Tâm giờ tay, đứng lên đáp:

- Thưa thầy, tim quan trọng hơn cả vì tim làm cho máu **lưu thông** nuôi thân thể.

Tuấn không đồng ý nói:

- Con cho là dạ dày và ruột cần hơn tim vì nó làm cho thức ăn được **tiêu hóa**.

Thoại phản đối:

- Theo ý con thì phổi mới là cơ quan chính vì không có phổi ta không thở được và sẽ chết.

Thầy giáo mỉm cười giảng giải:

- Các cơ quan trong thân thể đều cần thiết như nhau. Một cơ quan đau, các cơ quan khác đều bị ảnh hưởng và toàn thân sẽ bị suy yếu. Trong xã hội của chúng ta cũng vậy, người nọ phải nhờ người kia mới sống được.

Theo tài liệu Bộ Quốc Gia Giáo Dục, V.N.C.H.

Giải nghĩa:

- **Cơ quan:** Bộ phận chính trong cơ thể con người. - **Lưu thông:** Máu chảy đi khắp nơi. - **Tiêu hóa:** Biến thức ăn thành chất nuôi dưỡng cơ thể.

- **Tập làm văn:**

Tả cây hoa mận (bài dài ít nhất 200 từ).

- **Tập chép & Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần và chép mỗi bài một lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc và chính tả:

“Khúc Đàn Cửa Chiến Thắng” và “Cơ Quan Nào Cần Nhất”

BÀI BỐN

♦ Bài giảng - Chính tả -- Học thuộc lòng.

Bình Định Vương Lê Lợi

Giặc Minh chiếm đóng nước nhà,
Tham lam tàn ác, dân ta oán hờn.
Bấy giờ ở đất Lam Sơn,
Có ông Lê Lợi *lòng nhơn hào hùng*.
Đứng lên chống kẻ thù chung,
Vì điều *nhân nghĩa, không dung* bạo tàn.
Mười năm kháng chiến gian nan,
Toàn dân chung sức xua tan giặc thù.
Dựng nên tự chủ từ đây,
Nước nhà *hung thịnh* mỗi ngày một hơn.
Quân dân nước Việt nhớ ơn,
Anh hùng áo vải Lam Sơn *đời đời*.

Giải nghĩa:

- *Giặc Minh*: Giặc Tàu. - *Chiếm đóng*: Đem quân đi chiếm đất đai của nước khác. - *Lòng nhơn*: Lòng thương người. - *Hào hùng*: Có khí thế mạnh mẽ và sôi nổi. - *Nhân nghĩa*: Thương người và yêu chuộng lẽ phải. - *Không dung*: Không tha thứ. - *Hung thịnh*: Phát triển tốt đẹp và giàu có. - *Đời đời*: Mãi mãi, luôn luôn.

• Câu đố vui địa lí.

- 1- Sông gì chín nhánh thật dài ?
- 2- Sông gì hiện rõ ở ngoài không trung ?
- 3- Hồ nào nằm giữa đê đê,
Nhận gương thân lúc cơ đồ dựng xong ?

• **Bài tập.**

I - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: HÙNG, HÙNG hay HÙN

- 1- Vua Lê Lợi là một người hào _____ .
- 2- Má em thức dậy lúc _____ đông.
- 3- Ba em _____ vốn với bác Năm để làm ăn.
- 4- Má em không thích _____ hạp với người khác.
- 5- Bà em quạt lửa than cho nóng _____ hực để nướng thịt.
- 6- Em kính phục những bậc anh _____ đã chấp nhận gian khổ để chống giặc.

Đặt câu:

hùng mạnh - hùng sáng - hùn vốn

II - Thêm dấu trên các tiếng in nghiêng:

- 1- Từ rày *khuyen* kẻ có con,
Lựa *ngoui* nhân nghĩa gả còn nhờ sau.
- 2- Chớ tham tiền bạc *cua* người,
Cham làm dè sên một đời lo chi.
- 3- Ông Cả ngồi *tren* sập vàng,
Cả ăn, cả mặc lại *cang* cả lo.
- 4- Ông bếp *ngoi* trong xó tro,
Ít ăn, ít *mac*, ít lo, ít làm.
- 5- Chẳng tham ruộng cả ao *lien*,
Tham về cái *but*, cái nghiên anh đồ.

Đặt câu:

Viết mỗi câu có tiếng : **HÙNG, HÙNG và HÙN**

Giải nghĩa:

- **Hùng đông:** Trời vừa hé sáng. - **Hùn vốn:** Góp chung tiền vốn với nhau. - **Hùn hạp:** Góp chung lại. - **Hùng hực:** Bốc lên mạnh mẽ, liên tục.

- **Địa lí.**

Vịnh Hạ Long

Vịnh Hạ Long là một **thắng cảnh** nổi tiếng ở vùng biển Đông thuộc tỉnh Quảng Ninh, miền Bắc Việt Nam.

Hạ Long là một vịnh kín trong vùng biển rộng có diện tích khoảng 1.600km², có bờ biển **khúc khuỷu** với bãi tắm đẹp - Bãi Cháy - ở ngay trung tâm và cả một thế giới với hàng ngàn đảo lớn nhỏ vây quanh nhấp nhô như lưng con rồng nằm. Các đảo đá vôi này có nhiều hình dạng khác biệt và tùy theo đó có các tên như hòn Cóc, hòn con Voi, hòn Gà Chọi, hòn Mái Nhà . . . Ngoài ra còn có các hang động đẹp có tên gắn liền với **truyền thuyết** như hang Đầu Gỗ (còn gọi là hang Dấu Gỗ), hang Trinh Nữ, động Mê Cung . . . Mặt nước Hạ Long ít khi có sóng lớn. Nước biển trong xanh màu ngọc bích.

Với vẻ đẹp vừa **hùng vĩ**, vừa **duyên dáng** thơ mộng, vịnh Hạ Long đã được UNESCO công nhận là **di sản thiên nhiên** của thế giới.

Giải nghĩa:

- **Thắng cảnh:** Cảnh đẹp nổi tiếng. - **Khúc khuỷu:** quanh co liên tiếp một quãng dài. - **Truyền thuyết:** Truyện dân gian truyền miệng về các nhân vật, kì tích lịch sử. - **Hùng vĩ:** To lớn, tạo nên ấn tượng mạnh mẽ, hùng dũng. - **Duyên dáng:** Có duyên, trông xinh xắn, dễ ưa. - **Di sản thiên nhiên:** Giá trị tinh thần và vật chất về thiên nhiên của văn hóa thế giới.

- **Bài hát vui**

Yêu Mến Mẹ Cha

Hùng Lĩnh

Yêu mến mẹ cha, yêu trên đầu tôi.

Yêu mến mẹ cha trong quả tim này.

Yêu mến mẹ cha yêu trong màu mắt.

Yêu mến mẹ cha trên toàn thân tôi.

Bài làm ở nhà 4

• **Viết lại câu văn.**

Hãy tìm và viết lại cho đúng những câu đã viết sai vì có những tiếng sắp đặt không đúng chỗ.

- 1- Mai có một em trai và một em gái.
- 2- Tên em trai là Tâm.
- 3- Tên là Oanh em gái.
- 4- Oanh theo bà đi chợ.
- 5- Mai cho bà xách giỏ.
- 6- Chớ ăn trái nên cây hư thối.
- 7- Trong nhà em có nuôi vài con vật.
- 8- Con mèo meo meo kêu.
- 9- Gà trống gáy ò . . ó . . o . . o . . .
- 10- ụt ịt con heo kêu trong chuồng.
- 11- Chim sâu ríu rít chuyền cành.
- 12- Con chó Mực cuộn tròn ngủ nằm.

Ví dụ:

- 3- Tên em gái là Oanh.

• **Văn phạm.**

- 1- Giải nghĩa : danh từ chung.
- 2- Tìm hai danh từ chung và đặt hai câu.
- 3- Đặt hai câu có danh từ chỉ vật và đại danh từ.
- 4- Tìm hai danh từ riêng chỉ tên quốc gia và đặt hai câu.

• **Câu hỏi Địa lí:**

Trả lời các câu hỏi theo bài “**Vịnh Hạ Long**”

- 1- Vịnh Hạ Long thuộc miền nào nước Việt ?
- 2- Kể tên vài hòn đảo và tại sao chúng có tên đó ?
- 3- Kể tên vài hang động và giải thích những hang động này có ý nghĩa gì ?
- 4- Tại sao vịnh Hạ Long lại được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên của thế giới ?

- **Chép lại và thêm dấu.**

Chờ Ông Bà Ngoại, Ba Má Dùng Cơm

Cơm đã dọn xong, cau Út bao chau:

- Tâm mời ông ba ngoại, ba ma ăn cơm đi chau !

Ông ba ngoại đang ngồi trên chiếc ghế bành. Ba Tâm đọc bao o gan đo. Tâm lại gan thua:

- Mời ông ba ngoại dùng cơm. Con mời ba dùng cơm.

Ma Tâm đang dọn dẹp ở nhà bếp. Tâm đến gan ma rồi mời:

- Thưa ma nghỉ tay rồi dùng cơm ạ !

Be Oanh lại ban an, kéo ghế ngồi trước mọi người. Tâm cần em lại và nói nhỏ:

- Khoan em, hãy đợi ông ba ngoại và ba ma lên đĩa !

- **Bài tập.**

1- Ba hay má em là con của ông bà ngoại ? Em gọi em gái của má em là gì ? Em gọi em trai của má em là gì ?

2- Viết câu ca dao nói về tình nghĩa gia tộc.

3- Trong những từ sau đây, hãy chép lại từ nào được coi là viết đúng chính tả:

Ông bà ngoại	hay	ông bà ngoại
Chiếc ghế bành	hay	chiếc ghế bành
Tâm dọn dẹp nhà cửa	hay	Tâm giọn giẹp nhà cửa
Nghĩ ngơi	hay	ngỉ ngơi
Cái máy khoan	hay	cái mái khoan
Chó xả rác trong lớp	hay	chó xả rác trong lớp

- **Câu hỏi Việt sử:**

Trả lời các câu hỏi theo bài “**Bình Định Vương Lê Lợi**”

1. Giặc Minh từ nước nào tới ? Họ đến nước ta làm gì ?

2. Ai ở đất Lam Sơn, đứng lên chống quân thù ?

3. Cuộc kháng chiến kéo dài trong bao lâu ?

4. Anh hùng áo vải, ngụ ý gì ?

5. Tìm đại ý bài thơ trên.

Tập đọc -- Học thuộc lòng.

Lòng Mẹ

Những khi *trái nắng trở trời*,
Em đau là mẹ đứng ngồi không yên.
Tìm thầy lo chạy thuốc men,
Vì em sẵn sóc, ngày đêm nhọc nhằn:
Hết bóp trán lại xoa chân,
Lúc li sữa ngọt, khi *cân cam sành*.
Em ho ngực mẹ tan tành,
Em sốt *lòng mẹ như bình nước sôi*.
Em nằm khấn Phật, cầu Trời,
Sao cho chóng khỏi, mẹ cười em vui.

Chiêu Đăng

Giải nghĩa:

- *Trái nắng trở trời*: Thời tiết thay đổi khác thường dễ sinh ra đau ốm (bệnh). - *Cân cam sành*: Một kí lô (2.2 lbs) cam loại vỏ dày và sẵn sùi. - *Em ho ngực mẹ tan tành*: Khi con ho thì mẹ cũng cảm thấy đau ngực như con. - *Lòng mẹ như bình nước sôi*: Lòng người mẹ cũng cảm thấy nóng như bình nước sôi vậy vì người mẹ nóng lòng sốt ruột mong cho con chóng khỏi bệnh.

• Tập Làm Văn:

Dựa theo bài thơ trên, em hãy viết bài “Lòng Mẹ” ở trên bằng văn xuôi dài ít nhất 200 từ.

• Thâu băng.

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần và chép mỗi bài một lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc và chính tả:

“**Bình Định Vương Lê Lợi**” và “**Lòng Mẹ**”

BÀI NĂM

♦ Chính tả.

Sự Tích Chùa Long Giáng

Chùa Long Giáng là một *danh lam thắng cảnh* ở miền Bắc Việt Nam.

Chuyện kể rằng: Vua Lý Nhân Tông có *công chúa* Văn Khôi rất xinh đẹp. Đến tuổi trưởng thành, công chúa chỉ muốn ngày đêm học đạo, tu hành mà không nghĩ đến việc lấy chồng. Sau đó, vì nhà vua có ý kén *phò mã*, công chúa liền đang đêm lên trốn ra khỏi kinh thành, đến xin tu ở một ngôi chùa nhỏ thuộc tỉnh Bắc Ninh. Được tin, nhà vua sai quan quân đến chùa rước công chúa về triều. Công chúa nhất định không nghe. Nhà vua nổi giận, truyền quan quân nổi lửa đốt chùa. Nhưng lạ thay ! Ngọn lửa vừa nhóm bỗng một con rồng vàng hiện lên phun nước, ngọn lửa tắt ngay. Nhà vua nghe tin cả sợ. Từ đó, ngài hết lòng tin theo đạo Phật và cho sửa sang chùa để công chúa ở lại tu hành.

Ngôi chùa này do đó được lấy tên là Long Giáng. Có nghĩa là rồng hiện xuống. Từ đó đến nay, đã bao phen *trùng tu* nhưng kiêu chùa vẫn được giữ nguyên như cũ.

Theo Khái Hưng
(Hồn Bướm Mơ Tiên)

Giải nghĩa:

- *Danh lam thắng cảnh*: Nơi có di tích nổi tiếng hoặc có phong cảnh đẹp. - *Lý Thái Tổ*: Tức là vua Lý Công Uẩn khai sáng nhà Hậu Lý. Trị vì từ năm 1010 đến năm 1028. - *Công chúa*: Con gái vua. - *Phò mã*: Con rể vua. - *Trùng tu*: Sửa sang lại.

• Câu đố.

1- Con gì nhỏ tí, tí, tí,
Mà gây thành dịch hiểm nguy vô cùng ?

2- Bầu gì bao phủ muôn loài,
Không mùi, không sắc mà ai cũng cần ?

• Bài tập.

I - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: GIÁNG, DÁNG hay DÁN

1- Hàng năm, gia đình em mừng Chúa _____ sinh vào ngày 24 tháng 12.

2- Bé Oanh cắt hình và _____ vào vở.

3- Má em có _____ người tầm thước.

4- Nhờ ơn trên _____ phúc, cả nhà em được thoát nạn.

5- _____ đi của Tâm giống ba em lắm.

6- Mọi người _____ mắt lên sân khấu xem múa.

Đặt câu:

dán tem - hình dáng - giáng phúc

II - Thêm dấu trên các tiếng in nghiêng:

1- Hôm nay mừng Chúa *giang* sinh,
Con *dang* lên Chúa tâm tình mến yêu.

2- Non kia ai *đap* mà cao,
Sông kia *bien* nọ ai đào mà sâu.

3- Ai về đường ấy *hom* mai,
Gởi dăm *đieu* nhớ, gởi vài điều thương.

4- Ai ơi chớ *lay* học trò,
Dài lưng tốn *vai* ăn no lại nằm.

5- Anh đi em ở *lai* nhà,
Hai vai gánh vác mẹ *gia* con thơ.

Đặt câu:

Viết mỗi câu có tiếng : **GIÁNG, DÁNG và DÁN**

Giải nghĩa:

- **Giáng sinh:** Ra đời (nói về Chúa Jesus). - **Dán hình:** Dùng keo dính hình vào. - **Dáng người:** Tướng người. - **Giáng phúc:** Ôn trên ban phúc xuống. - **Tâm thước:** Vừa phải, không cao, không thấp. - **Dán mắt:** Nhìn dăm dăm, chăm chú.

- **Việt sử.**

Vua Lê Thánh Tôn và Bộ Luật Hồng Đức

Vua Lê Thánh Tôn (1460-1497) sai ông Thân Nhân Trung và Đỗ Nhuận làm bộ Thiên Nam Đur Hạ Tập gồm 100 quyển, viết bộ hình luật đời Hồng Đức.

Bộ luật Hồng Đức còn được gọi là bộ Lê Triều Hình Luật được các **luật gia** ngày nay cho là rất cấp tiến, rất dân chủ và là một chấm son trong lịch sử tư pháp Việt Nam. Luật Hồng Đức được soạn chú trọng nhiều về xã hội canh nông và đời sống dân chúng thời đó. Các mẫu mua bán nhà, ruộng đất hoặc **khế ước** đã được làm sẵn để dễ dàng cho dân chúng sử dụng trong việc kí kết các giấy tờ.

Lê triều bảo vệ triệt để quyền lợi và an ninh của nhân dân, không bỏ rơi tầng lớp xã hội nào. Có vài trường hợp quá **khắc nghiệt** đối với luật pháp hiện hữu. Trái lại, cũng có trường hợp khinh giảm rất nhân đạo, đáng khen hơn đời bây giờ.

Luật Hồng Đức cũng hết lòng bảo vệ **phong hóa** nên đặt ra nhiều điều khoản để trừng trị những kẻ vi phạm. Thêm vào đó triều đình còn công bố 24 điều răn để giúp dân có một đời sống lành mạnh và đạo đức.

Giải nghĩa:

- **Luật gia:** Người chuyên nghiên cứu pháp luật. - **Khế ước:** Giấy giao kèo về việc mua bán, thuê mướn. - **Khắc nghiệt:** Gắt gao đến mức khó chịu đựng được. - **Phong hóa:** Phong tục, tập quán và nếp sống của một xã hội.

- **Câu đố vui sử kí.**

*Can trường kháng chiến mười năm,
Anh hùng áo vải nhiều lần khôn nguy.
Gian lao nào có quản gì,
Gươm thần trả lại chính vì quốc dân.*

- **Câu đố vui địa lí.**

1- Sông gì ca nhạc nổi lên ?
Sông gì chung của Việt, Miên, Thái, Lào ?

2- Núi gì cao nhất hoàn cầu ?
Núi nào chót vót đứng đầu nước ta ?

Bài làm ở nhà 5

• **Viết lại câu văn.**

Hãy tìm và viết lại cho đúng những câu đã viết sai vì có những tiếng sắp đặt không đúng chỗ.

- 1- Ba má em làm việc vất vả.
- 2- Ở nhà, chúng em chỉ chăm làm bài.
- 3- Ba má vì vui chúng em chăm học.
- 4- Bé Oanh thích nghe bà ngoại kể chuyện cổ tích.
- 5- Gió thổi hiu hiu bé khiến thiu thiu ngủ.
- 6- Bờ biển Việt Nam dài hơn 3.000 km .
- 7- Nghe chói tai còi xe.
- 8- Đom đóm bay lập lòe trong đêm tối.
- 9- Lom khom cụ già chống gậy đi.
- 10- Tiếng lội nước lồm bồm.
- 11- Múi mít và thơm ngọt lịm.
- 12- Hôm nay quá trời đẹp !

Ví dụ:

- 3- Ba má vui vì chúng em chăm học.

• **Văn phạm.**

- 1- Giải nghĩa : danh từ riêng.
- 2- Tìm hai danh từ riêng và đặt hai câu.
- 3- Tìm hai danh từ riêng chỉ tên con sông và đặt hai câu.
- 4- Tìm hai danh từ chung chỉ sự việc và đặt hai câu.

• **Câu hỏi Việt sử:**

Trả lời các câu hỏi theo bài “**Vua Lê Thánh Tôn và Bộ Luật Hồng Đức**”

- 1- Bộ luật Hồng Đức còn được gọi là bộ luật gì ?
- 2- Bộ luật Hồng Đức chú trọng những gì ?
- 3- Có gì đặc biệt trong bộ luật Hồng Đức ?
- 4- Bộ luật Hồng Đức bảo vệ phong hóa Việt Nam ra sao ?

- **Chép lại và thêm dấu.**

Cô Chú, Dì Dượng

- Tâm ơi ! Co Thu, chu Sáu đen chơi kia !

Nghe Mai gọi, Tâm chạy ra chào cô chú. Co Thu vui vẻ hỏi Tâm:

- Ba, ma có ở nhà không cháu ?

Tâm thưa:

- Dạ có ! Để cháu cho ba mẹ cháu hay.

Nói xong, Tâm chạy trước vào nhà. Co chú Sáu thung thàng vào sau.

Tâm kể tại chi nơi:

- Ngộ quá ! Chú Sáu là chồng của cô Thu. Con dượng Ba là chồng của dì mình phải không chi ?

Tài liệu Bộ Quốc Gia Giáo Dục, V.N.C.H

Giải nghĩa:

- *Dượng (hay chú):* Chồng của dì. - *Ngộ quá:* Lạ quá.

- **Bài tập.**

Câu hỏi:

1- Em gọi chồng của cô em là gì ? Em gọi chồng của dì em là gì ? Em gọi em trai của ba em là gì ?

2- Viết câu tục ngữ nói về tình nghĩa anh em.

- **Câu hỏi:**

Trả lời các câu hỏi theo bài “**Sự Tích Chùa Long Giáng**”

1. Tìm xuất xứ bài “**Sự Tích Chùa Long Giáng**” ?

2. Chùa Long Giáng thuộc tỉnh nào ?

3. Công chúa Văn Khôi là con của ai ?

4. Vì sao công chúa bỏ trốn ra khỏi kinh thành ?

5. Nhà vua hay tin, sai quan quân làm gì ?

6. Khi quan quân đốt chùa, có chuyện gì xảy ra ?

7. Tên chùa Long Giáng có nghĩa gì ?

8. Tìm đại ý bài “**Sự Tích Chùa Long Giáng**”.

- **Tập đọc.**

Rượu Là Thuốc Độc

Trong rượu có chất đốt cháy cơ thể, làm mạch máu cứng lại, gan khô, óc *tê liệt*. Vì thế, người uống rượu sẽ mất bình tĩnh, thiếu sáng suốt, không làm chủ được mình.

Người say rượu hay làm nhiều điều xằng bậy, mất *phẩm giá* và *tu cách*. Họ nói năng *lảm nhảm*, chân đi xiêu vẹo, đập phá đồ đạc. Họ hay gây sự, đánh đập vợ con. Say rượu mà còn lái xe thì thật là nguy hiểm. Biết bao tai nạn đã xảy ra vì người say rượu lái xe. Rượu còn ảnh hưởng đến con cái. Cha mẹ nghiện rượu có thể sinh ra con cái ngu đần, điên khùng hay bị *tàn tật*.

Uống rượu hay hút thuốc dễ sinh ghiền, khó bỏ. Tốt hết là ta đừng bao giờ thử uống rượu hay tập hút thuốc lá.

Khuyết danh

Giải nghĩa:

- *Tê liệt*: Không còn hoạt động được. - *Phẩm giá*: Giá trị riêng của con người. - *Tu cách*: Nói về đạo đức của một người. - *Lảm nhảm*: Nói nhiều mà không có ý nghĩa gì. - *Tàn tật*: Bị tật khiến cho mất khả năng hoạt động bình thường.

- **Tập làm văn:**

Em hãy tả cây chanh mà em thấy (bài dài ít nhất 250 từ).

- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần và chép mỗi bài một lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc và chính tả:

“Sự Tích Chùa Long Giáng” và “Rượu Là Thuốc Độc”.

BÀI SÁU

♦ Bài giảng - Chính tả.

Đạo Hiếu Của Người Việt

Người Việt chúng ta rất trọng chữ hiếu. Hiếu với cha mẹ, ông bà, tổ tiên, với người sống cũng như người chết.

Khi ông bà đã ra **người thiên cổ** thì chúng ta vẫn cho là “**sự tử như sự sinh**”, nghĩa là chết cũng như còn sống. Ngày xưa, những thửa ruộng ông bà cày cấy hoặc cây cam, cây bưởi ông bà trồng. Nay con cháu hưởng dùng thì trước khi ăn, mình đem dâng lên bàn thờ để kính ông bà rồi mới ăn. Đó là “**ăn quả nhớ kẻ trồng cây**”.

Trên **binh diện** quốc gia, chúng ta phải hiếu với nước vì nước cho chúng ta những anh hùng ái quốc, những người cai trị giữ gìn an ninh trật tự. Đó là lòng ái quốc.

Trên bình diện **siêu việt**, chúng ta hiếu với trời vì trời ban mọi thứ cho chúng ta: “lạy trời mưa xuống, lấy nước tôi uống” và “**trời sinh, trời dưỡng**” . . .

Vì thế chữ hiếu **bao trùm** tất cả văn hóa Việt. Gọi là thờ trời nhưng thực sự cũng là từ chữ hiếu đối với cha mẹ rồi chúng ta hướng lên cao.

Theo Linh Mục Cao Phương Kỳ

Giải nghĩa:

- **Hiếu:** Lòng kính yêu và biết ơn. - **Người thiên cổ:** người chết. - **Sự tử:** Sự chết. - **Bình diện:** Khía cạnh về sự việc. - **Siêu việt:** Vượt hẳn lên trên những cái thông thường. - **Trời sinh, trời dưỡng:** Trời sinh ra, trời nuôi dưỡng. - **Bao trùm:** Bao phủ tất cả.

• Bài tập.

II - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: DANG hay RANG

- 1- Má em đang _____ cơm dưới bếp.
- 2- Nhà nông phải _____ nắng dầm mưa.
- 3- Tuấn bị bệnh nặng, nên việc học bị _____ dở.
- 4- Tâm thích ăn đậu phộng _____.
- 5- Bà _____ tay ôm bé vào lòng.
- 6- Má bảo: “ _____ ra, kéo bóng nước sôi”.

Đặt câu:

dang cánh - rang rang - dang ra

III - Thêm dấu trên các tiếng in nghiêng:

- 1- Miệng ăn măng trúc, **mang** mai,
Những dang cùng nứa biết ai bạn **cung**.
- 2- Dang tay đánh thiếp sao **đanh**,
Tắm **rach** ai vá tắm lành ai may.
- 3- Tà tà bóng **nga** về tây,
Chị em thơ **than** dan tay ra về.
- 4- Ai ơi chớ **lay** học trò,
Dài lưng tốn **vai** ăn no lại nằm.
- 5- Nuôi con mới **biet** lòng cha mẹ.
- 6- Anh đi em ở **lai** nhà,
Hai vai gánh vác mẹ **gia** con thơ.

Đặt câu:

Viết mỗi câu có tiếng : **DANG** và **RANG**

Giải nghĩa:

- **Dang nắng dầm mưa**: Chịu cực khổ, làm việc dưới mưa và nắng. - **Dang**: Một loại cây leo trên rừng. - **Dan tay**: Nắm tay nhau.

- **Địa lí.**

Phố Cổ Hội An

Thị xã Hội An nằm bên bờ sông Thu Bồn thuộc tỉnh Quảng Nam, miền Trung Việt Nam. Nơi đây, xưa kia đã có một thời nổi tiếng với tên gọi là Faifoo mà các thương gia Nhật bản, Trung Hoa, Bồ Đào Nha, Ý đại lợi đã biết đến từ thế kỉ 16, 17.

Từ thời đó, thương phố Hội An đã thịnh vượng, là trung tâm buôn bán lớn của vùng Đông Nam Á.

Thị xã có những dãy phố cổ gần như nguyên vẹn. Đó là loại nhà hình ống xuyên suốt từ phố nọ sang phố kia. Trong đó có một dãy phố nằm sát ngay bờ sông Hội An. Nhà ở đây toàn bằng gỗ quý. Trong nhà treo **hoành phi, câu đối**. Cột nhà trạm trổ **hoa văn** rất **cầu kì**.

Hội An là một **bảo tàng** sống, khu phố cổ đã được UNESCO công nhận là **di sản văn hóa** thế giới.

Giải nghĩa:

- **Hoành phi:** Biển gỗ khắc chữ Hán thường treo ngang giữa gian nhà để thờ hay trang trí. - **Câu đối:** Đồ trang trí treo thành cặp song song gồm hai tấm bằng gỗ hay vải hoặc giấy dài trên có viết câu đối. - **Hoa văn:** Hình trang trí có tính đặc thù của từng vùng. - **Cầu kì:** Khác thường, không giản dị. - **Bảo tàng:** Lưu giữ những hiện vật có giá trị lịch sử, văn hóa, văn minh. - **Di sản văn hóa:** Giá trị tinh thần và vật chất của nền văn minh thế giới.

- **Ca dao.**

1- Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa,
Miệng nhai cơm búng, lưỡi lừa cá xương.

2- Nữa mai nói được nghiệp nhà,
Trước là đẹp mặt sau là hiển thân.

Bài làm ở nhà 6

- **Viết lại câu văn.**

Hãy tìm và viết lại cho đúng những câu đã viết sai vì có những tiếng sắp đặt không đúng chỗ.

- 1- Bát sạch thì cơm ngon.
- 2- Chăm chỉ chúng em làm bài.
- 3- Ba em sơn tường xanh màu.
- 4- Học sinh chăm ngoan được mọi người mến yêu.
- 5- Em học lịch sử Việt Nam để biết nguồn gốc tiên tổ.
- 6- Bố mẹ nói giỏi học thì không sợ dốt.
- 7- Cả bầu trời tối đen như mực.
- 8- Hôm nay trời oi ả thường khác.
- 9- Sau cơn mưa, cỏ cây như được tắm gội sạch sẽ.
- 10- Vườn sau có chim hót cao chót vót ở trên cây.
- 11- Cụ già lom khom chăm nom khóm tre trúc.
- 12- Sách vở là những người bạn thân của các em học sinh.

- **Văn phạm.**

- 1- Giải nghĩa : đại danh từ.
- 2- Chọn và viết lại 2 đại danh từ trong bài tập “Viết lại câu văn” ở trên.
- 3- Viết hai câu với các đại danh từ vừa chọn.

- **Câu hỏi Địa lí:**

Trả lời các câu hỏi theo bài “**Phố Cổ Hội An**”

- 1 - Thị xã Hội An ở đâu ?
- 2 - Thị xã Hội An đã là trung tâm buôn bán từ thời nào ?
- 3 - Phố cổ Hội An có gì đặc biệt ?
- 4 - Khu phố cổ Hội An đã được cơ quan UNESCO công nhận như thế nào ?

- **Chép lại và thêm dấu.**

Cậu, Mẹ

Tâm đang ngồi chơi trước sân. Con chó Mực sủa vang lên. Tâm vội chạy ra công. Có hai người khách đến. Tâm chạy vào cho má hay.

Khách cùng vừa bước vào nhà. Bà Hiền vui vẻ chào khách và bảo Tâm:

- Cậu Hai con đây là anh ruột của má, còn đây là mẹ Hai của con. Con chào cậu, mẹ đi !

Tâm cúi đầu:

- Thưa cậu Hai, mẹ Hai !

Nói xong, Tâm vui vẻ lấy nước ra mời cậu mẹ Hai.

Tài liệu Bộ Quốc Gia Giáo Dục, V.N.C.H.

Giải nghĩa:

- **Cậu** còn gọi là **bác**: Anh ruột của má. - **Cậu**: Em trai của má. - **Mẹ**: Vợ của cậu.

- **Câu hỏi.**

- 1- Em có mấy người cậu ? Em có mấy người dì ?
- 2- Nhà cậu em ở đâu ? Nhà dì em ở đâu ?
- 3- Em gọi anh của mẹ em là gì ?
- 4- Em gọi vợ của cậu em là gì ?

- **Câu hỏi:**

Trả lời các câu hỏi theo bài “Đạo Hiếu Của Người Việt”

1. Tìm xuất xứ bài “Đạo Hiếu Của Người Việt” ?
2. Người Việt chúng ta quý trọng việc gì nhất ?
3. Con cháu có hiếu với cha mẹ, ông bà nên làm những gì ?
4. Người dân hiếu với nước thì phải làm gì ?
5. Chép những câu ca dao chứng tỏ người Việt thờ kính trời ?
6. Tìm đại ý bài “Đạo Hiếu Của Người Việt”.

- **Hình ảnh quê hương.**

Đứa Trẻ Mồ Côi

Buổi tối mùa đông, gia đình Hải sum họp trong nhà. Bỗng ngoài đường có tiếng rao đậu phộng. Bà Tám bảo con gọi vào mua.

Một đứa bé độ chín tuổi, vai đeo thùng đậu phộng bước vào trong nhà. Trời lạnh mà nó chỉ mặc một cái quần cụt và một manh áo cánh. Thấy nó rét, bà Tám kéo nó ngồi xuống bên cạnh rồi hỏi:

- Ba má đâu mà trời lạnh như thế này em phải đi bán đậu phộng ?

Nét mặt buồn rầu, nó đáp:

- Ba má cháu chết đã lâu rồi. Cháu ở với dì. Nhà nghèo nên cháu phải kiếm thêm tiền.

Bà Tám mở thùng lấy hết số đậu phộng còn lại và đưa cho thằng bé một số tiền khá lớn. Nó cảm động đi ra. Hải nhìn theo cho đến khi bóng nó mờ dần trong đêm tối.

Theo tài liệu Bộ Quốc Gia Giáo Dục, V.N.C.H.

Giải nghĩa:

- **Mồ côi:** Đứa trẻ bị chết cha hay mẹ hoặc cả cha mẹ. - **Sum họp:** Tụ họp lại một cách vui vẻ. - **Đậu phộng:** Còn gọi là đậu phụng hay lạc. - **Áo cánh:** Áo ngắn tay mặc vào mùa hè. - **Cảm động:** Cảm thấy thương (khi thấy cảnh nghèo khổ của người khác).

- **Tập làm văn:**

Hãy viết bài "Đứa Trẻ Mồ Côi" theo ý em (bài dài 250 từ trở lên).

- **Tập chép & Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần và chép mỗi bài một lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc và chính tả:

“Đạo Hiếu Của Người Việt” và “Đứa Trẻ Mồ Côi”.

BÀI BẢY

♦ Bài giảng - Chính tả - Học thuộc lòng.

Tình Quê

Tôi yêu *tha thiết* nước tôi,
Con sông uốn khúc, núi đồi xanh lam.
Lũy tre bao bọc xóm làng,
Dãy cau cao ngát, mái trường thân yêu.
Tôi yêu ngọn gió cánh diều,
Mục đồng ngát ngưỡng nắng chiều nghiêng nghiêng.
Âu ơ tiếng hát mẹ hiền,
Võng đưa kẽo kẹt tôi yên giấc nồng.
Tôi yêu cô lái bên sông,
Nhặt khoan đưa khách, má hồng xinh xinh.
Cong cong tôi nhớ mái đình,
Cây đa bến cũ ân tình mờ sương.
Xa xa mờ bóng *giáo đường*,
Nắng mưa dầm dãi, tiếng chuông vọng về.
Tôi yêu mái rạ xóm quê,
Khói vương vương tỏa *đê mê* cõi lòng.

Hoàng Ngọc Văn

Giải nghĩa:

- *Tha thiết*: Có tình cảm ân cần, đậm đà. - *Mục đồng*: Trẻ chăn trâu. - *Ngát ngưỡng*: Cheo leo, không vững. - *Giáo đường*: Nhà thờ. - *Đê mê*: Say mê, thích thú.

• Câu đố.

1- Xét trong Việt ngữ của ta,
Tiếng nào dài nhất, kể ra xem nào ?

2- Tiếng gì để ngược để xuôi,
Vẫn đọc đúng tiếng, nghĩa thời y nguyên ?

• **Bài tập.**

I - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: HÔNG, HỒN hay HÒNG

- 1- Con phải chăm chỉ học mới _____ được lên lớp.
- 2- Hội _____ Thập Tự lo cứu trợ đồng bào bị bão lụt.
- 3- Các em học sinh có nụ cười _____ nhiên.
- 4- Những kẻ lười biếng thì đừng _____ có cuộc sống no đủ.
- 5- Bé Oanh có đôi má _____ hồng rất đẹp.
- 6- Đang xem phim ma thì bị mất điện, làm em sợ hết _____ .

Đặt câu:

đùng hồng - hồng hào - kinh hồn

II - Thêm dấu trên các tiếng in nghiêng:

- 1- Ai xui má đỏ *hong* hồng,
Đề anh trông thấy đem *long* thương yêu.
- 2- Cái vòng danh *loi* cong cong,
Kẻ mong ra *khoi* người hồng bước vô.
- 3- Thức khuya *moi* biết đêm dài
Ở lâu mới biết là *nguai* có nhân.
- 4- Yêu nhau cau bẫy *bo* ba,
Ghét nhau cau bẫy bỏ ra làm *muoi*.
- 5- Trưởng nam nào có gì *đau*,
Một trăm cái *gio* đồ đầu trưởng nam.

Đặt câu:

Viết mỗi câu có tiếng : **HÔNG, HỒN và HÒNG**

Giải nghĩa:

- **Hông:** Mong. - **Hồng Thập Tự:** Hội Chữ Thập Đỏ. - **Hồn nhiên:** An nhiên. - **Hồng hồng:** Hơi hồng. - **Hồng hào:** Đỏ hồng. - **Danh lợi:** Danh tiếng và lợi lộc cá nhân. - **Bổ:** Xẻ ra.

• Văn phạm.

Động Từ

Động từ là tiếng chỉ việc làm của chủ từ :

Ví dụ :

- Bàng và Thọ **đi** giữa hai hàng máy in.
- Hai anh em **gặp** bé Tâm.

Những tiếng : là, ở, có ... tuy không chỉ việc làm nhưng cũng là động từ.

Ví dụ :

- Thanh niên **là** cột trụ quốc gia.
- Dãy Trường Sơn **ở** Trung phần.
- Việt Nam **có** nhiều thắng cảnh.

Có hai loại động từ:

1- Động từ đơn có một tiếng như : **là, ở, có, đi, gặp, ăn, học, thi, nghĩ...**

Ví dụ :

- Tâm **học** bài.

2- Động từ ghép có hai tiếng như : **đi học, đi chơi, kêu gọi, làm ăn, kiến thiết, sản xuất...**

Ví dụ :

- Mai **đi chơi** với bạn .

Bài-tập :

1 - Tìm động từ trong câu :

“Mực dính lên bàn tay và bết cả lên mặt bé Tâm khiến Bàng và Thọ phải bật cười.”

2 - Viết hai câu có động từ đơn.

3 - Viết hai câu có động từ ghép.

Bài làm ở nhà 7

• **Viết lại câu văn.**

Hãy tìm và viết lại cho đúng những câu đã viết sai vì có những tiếng sắp đặt không đúng chỗ.

- 1- Ông bà sinh ra cha mẹ chúng ta.
- 2- Nhờ có ông bà, gia đình chúng ta như ngày nay mới được.
- 3- Anh chị em trong gia đình là do cùng một cha mẹ sinh ra.
- 4- Thấy con cái hòa thuận, mới vui lòng cha mẹ.
- 5- Họ hàng gồm có : cô, chú, bác . . . bên ngoại và dì, cậu, mợ . . . bên nội.
- 6- Chúng ta không thể ngồi yên sung sướng trong khi đồng bào bị đói khổ.
- 7- Hãy gìn giữ đồ dùng nhà trường cẩn thận vì nó là của chúng ta của cả chung.
- 8- Ngày nay điện thoại cho mọi gia đình là một nhu cầu cần thiết.
- 9- Dù trời mưa bão, mọi người vẫn liên lạc với nhau bằng điện thoại.
- 10- Chúng ta không những gọi điện thoại về Việt Nam mà còn gọi đi khắp các nơi trên thế giới.
- 11- Chó sủa vang thấy người lạ vào nhà mỗi khi.
- 12- Ngựa hí vang trời rồi phi thật nhanh.

• **Văn phạm.**

- 1- Viết hai câu trong đó có đại danh từ.
- 2- Chọn và viết lại 2 câu có động từ đơn trong bài “Viết lại câu văn” ở trên.
- 3- Chọn và viết 2 câu có động từ ghép trong bài “Viết lại câu văn” ở trên.

• Chép lại và thêm dấu.

Con Lợn Đắt

Me toi mua cho toi mot con lon dat.

Con lon dai đo gang tay, beo tron trung truc, toan than nhuom đo. Hai tai va đuoi vat cheo ben mong mau xanh la mạ. Hai mat lim dim, ti hi, đen lay lay. Cai mom do ra như lúc đang chửi ở trong chuông.

Nhung lon cua toi nam yen, khong cura quay, rat ngoan, bon chan quắp lai dưới chiec bung phê phăng li.

Nó có moi mot tat ve phía ben phải, gan cuoi mong, có mot khe ho dai, thẳng, đồng xu chui qua vừa lọt.

Me toi bao:

- Mua ve cho con nuôi đấy !

Theo Nghiêm Toàn

• Bài tập.

1- Tìm tiếng đồng nghĩa:

con lợn, độ chừng, cái mồm

2- Giải nghĩa:

- Béo tròn trũng trực.
- Màu xanh lá mạ.
- Chửi (mồm).

• Câu hỏi:

Trả lời các câu hỏi theo bài “**Tình Quê**”

- 1- Tìm xuất xứ bài “**Tình Quê**” ?
- 2- Hình ảnh diễn tả trong 4 câu đầu là những gì ?
- 3- Hãy viết lại những câu văn diễn tả cảm xúc ?
- 4- Đã có lần nào em về thăm quê ở Việt Nam, em nhận thấy những gì ?
Nếu có hãy so sánh cảnh nơi em ở và cảnh tương tự trong bài ?
- 5- Tìm đại ý bài “**Tình Quê**”.

- **Hình ảnh quê hương.**

Buổi Chiều Mùa Gặt

Cánh đồng lúa chín lóe vàng dưới ánh mặt trời chiều. Từng chổ, ở thửa ruộng nào đã **gặt** rồi, **gốc rạ** lấp lánh như **dát** bạc. Phía xa làng mạc ở chân trời rung động trong ánh nắng.

Tân nằm trên thảm cỏ nhìn lại. Qua kẽ lá lung lay, chàng thấy trời xanh và mát, mùi cỏ và mùi lúa thơm bốc lên chung quanh. Tân cảm thấy cái sung sướng của một người làm xong công việc. Chàng thấy vui vẻ, một mối cảm tình nảy nở giữa tâm hồn Tân và những người thợ gặt giản dị, **mộc mạc** chung quanh chàng.

Trên con đường vào làng, các **lực điền** gánh những gánh lúa vàng nặng trĩu.

Thạch Lam.

- **Bài tập.**

1- Giải nghĩa:

Lóe vàng, nảy nở, giản dị

2- Hãy chép lại theo bài trên:

a- Những câu văn **gợi tả** hình ảnh đồng quê Việt Nam.

b- Những câu văn **diễn tả cảm xúc** của Tân.

Giải nghĩa:

- **Gặt:** Cắt lúa chín. - **Gốc rạ:** Phần dưới thân cây lúa, gàn đất, có rễ. - **Dát:** Làm mỏng kim loại bằng cách đập, cán; gắn từng mảnh trên bề mặt, thường để trang trí. - **Mộc mạc:** Giữ được nguyên tính tự nhiên. - **Lực điền:** Người nông dân khỏe mạnh. - **Gợi tả:** Gợi lên bằng hình tượng cho có thể hình dung được. - **Diễn tả:** Làm cho nội dung, tư tưởng, tình cảm được tỏ rõ bằng ngôn ngữ. - **Cảm xúc:** Rung động trong lòng do tiếp xúc với sự việc gì.

- **Tập chép & Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần và chép mỗi bài một lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc và chính tả:

“Tinh Quê” và “Buổi Chiều Mùa Gặt”.

BÀI THI MẪU GIỮA KHÓA

Thầy cô dùng bài thi mẫu này để soạn đề thi mà các em đã học trong các tuần lễ vừa qua

1. Chính tả.

Viết một trong ba bài tập đọc hay chính tả do thầy cô chỉ định trước cho các em.
Tìm đại ý bài chính tả.

2. Học thuộc lòng.

- Viết một trong hai bài học thuộc lòng:
 - a- Đầu bài:
 - b- Đầu bài:
- Tìm đại ý bài học thuộc lòng.

3. Văn phạm.

- Giải nghĩa danh từ chung và đặt hai câu ví dụ.
- Giải nghĩa đại danh từ và đặt hai câu ví dụ.
- Giải nghĩa động từ và đặt hai câu ví dụ.

4. Tìm từ đồng nghĩa, đặt câu.

Cho 4 từ và đặt 4 câu.

5. Viết số.

Viết con số dưới đây và đổi thành chữ số.

31 - 55 - 105 - 1995 - 10.000 - 1.000.000 - 1.000.000.000

6. Sử kí.

Soạn ba câu hỏi.

7. Địa lí.

Soạn ba câu hỏi.

8. Tập làm văn.

Chọn một trong hai đề sau:

- a- Tả cây cối.
- b- Tả con vật.



BÀI TÁM

◆ Bài giảng - Chính tả.

Thăm Nha Trang

Nha Trang nằm ven bờ biển trung phần là **thành phố du lịch** của Việt Nam.

Tôi đến đây vào một buổi chiều mùa hạ. Giờ này nhiều người đã ra dạo mát ngoài bờ biển. Tuy nhiên phố xá cũng không kém về **náo nhiệt**, nhất là ở phố chợ. Hai bên con đường nhựa thẳng tắp, san sát những **cửa hàng tạp hóa**, cửa hiệu bán **lâm sản** và **hải sản**.

Sau khi đi thăm viện Pasteur, Hải Học Viện, phi cảng, trường Đại Học Hải Quân, tôi ra bãi biển. Trên bãi cát hình **bán nguyệt** nằm dài giữa hai hàng dừa và **phi lao**, những tà áo đủ các màu bay **phất phới**. Ngoài xa, những cánh buồm trắng in trên nền trời trong xanh; những hòn đảo - nhất là hòn Chồng - lô nhô trên mặt nước biển phẳng lặng, thấp thoáng có bóng chim én đi về.

Chiêu Đăng

Giải nghĩa:

- **Thành phố du lịch:** Thành phố có nhiều người tới thăm viếng vì có phong cảnh, đền đài, hoặc các sinh hoạt đặc biệt. - **Náo nhiệt:** Nhộn nhịp, nhiều hoạt động ồn ào. - **Cửa hàng tạp hóa:** Cửa tiệm bán nhiều mặt hàng. - **Lâm sản:** Các vật lấy từ rừng như gỗ, nấm . . . - **Hải sản:** Các vật lấy từ biển như cá, tôm, cua . . . - **Bán nguyệt:** Nửa mặt trăng, ý nói nửa vòng tròn. - **Phi lao:** Loại cây thông trồng để lấy bóng mát và để giữ cát ở các bãi biển. - **Phất phới:** Bay qua lại theo chiều gió.

● Câu đố vui sử kí.

*Cờ lau tập trận, thiếu thời,
Lớn lên Vạn thắng khắp trời uy danh.
Hoa Lư nêu bóng quốc kì,
Trường An nay hãy còn ghi ơn người ?*

• **Bài tập.**

I - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: TIỀN, TIẾNG hay TÍN

- 1- Em cố chăm học để mỗi ngày được _____ bộ.
- 2- Nhà em ở gần xa lộ nên lúc nào cũng có nhiều _____ động.
- 3- Dưới chế độ độc tài, người dân không có quyền tự do _____ ngưỡng.
- 4- Người có _____ nhiệm lúc nào cũng giữ lời hứa.
- 5- Những người tài được _____ cử làm việc chung cho xã hội.
- 6- Tiếng lành đồn xa, _____ dữ đồn xa.

Đặt câu:

tiền lên - tiếng chuông - tín hiệu

II - Thêm dấu trên các tiếng in nghiêng:

- 1- Liệu mà thờ *kinh* mẹ cha,
Đừng tiếng *nang* nhẹ người ta chê cười.
- 2- Người thanh *tieng* nói cũng thanh,
Chuông kêu khê đánh bên thành *cung kêu*
- 3- Dù ai nói *dong* nói tây,
Thì ta cũng vững như cây giữa *rung*.
- 4- Dù ai nói ngả nói *nghieng*,
Thì ta cũng *vung* như kiềng ba chân.
- 5- Học cao không *muon tranh giành*,
Những người ít học ưa sanh sự *phien*.

Đặt câu:

Viết mỗi câu có tiếng : **TIỀN, TIẾNG và TÍN**

Giải nghĩa:

- **Tiến bộ:** phát triển hơn, tốt hơn trước. - **Tín ngưỡng:** Lòng tin, và sự tôn thờ một tôn giáo. - **Tín nhiệm:** Tin cậy mà giao phó công việc. - **Tiến cử:** Giới thiệu người có tài để làm việc. - **Tín hiệu:** Dấu hiệu để thông tin, liên lạc.

• **Luận văn.**

Tả cảnh

Phần mở bài:

Giới thiệu cảnh em sắp tả bằng cách kể lí do, hoàn cảnh nào em có dịp thấy, quan sát cảnh trí đó.

Phần thân bài:

- 1) Trước hết tả tổng quát khung cảnh, thời gian, địa điểm
- 2) Sau đó mới tả tỉ mỉ từng chi tiết của cảnh: trông thấy gì ? (từ trước ra sau, từ trái sang phải, từ ngoài vào trong...), nghe âm thanh như thế nào ? ngửi thấy mùi gì ?
- 3) Sau cùng, kể nhận xét của em khi quan sát cảnh này như: vui, buồn, thích thú, chán ghét, gợi nhớ

Phần kết luận:

Kể cảm tình, cảm tưởng của em khi ngắm cảnh.

Dàn Bài Mẫu

Tả cảnh một cuộc picnic mà em đã tham dự.

Mở bài:

Giới thiệu cuộc picnic này bắt đầu vào khoảng mấy giờ ? địa điểm ở đâu ?

Thân bài:

- 1) Khung cảnh chỗ picnic: mát mẻ hay nóng nực, ánh sáng ra sao ?
- 2) Tả kĩ: bàn ghế, lò nướng thịt, những người tham dự ăn uống, các món ăn, chén đĩa, muống, nĩa
- 3) Cảnh thân mật, vui vẻ: lời nói, tiếng cười, những tiếng động khác xung quanh....

Kết luận:

Cảm tưởng của em đối với cuộc đi picnic này.

Bài làm ở nhà 8

• Điền vào chỗ trống.

Hãy tìm danh từ, động từ hay từ thích hợp để điền vào những câu còn trống.

- 1- Chi sinh năm nào ?
- 2- Tôi _____ năm một ngàn chín trăm tám mươi lăm (1985).
- 3- Tôi không bao giờ _____ rượu, vì uống rượu rất có hại cho _____.
- 4- Tôi cũng không bao giờ hút thuốc lá vì _____ thường gây bệnh ung thư phổi và miệng.
- 5- Chà ! Đêm qua nóng quá tôi không _____ được.
- 6- Năm ngoái, chị tôi đã _____ đại học.
- 7- Ngày nay học tập, ngày mai _____ . (Tục ngữ)
- 8- _____ tay sạch trước khi ăn.
- 9- _____ đang nắng to bỗng mưa lớn.
- 10- Cứ đến mùa hè là ông em hay _____ vườn.
- 11- Đây _____ lớp học của chúng em.
- 12- Lớp chúng em _____ hai mươi một (21) _____.

Ví dụ:

- 3- Tôi sinh năm một ngàn chín trăm tám mươi lăm (1985)..

• Tìm từ, đặt câu.

- 1- Tìm 3 từ ghép có tiếng “học” và đặt ba câu.
- 2- Tìm 3 từ ghép có tiếng “sự” và đặt ba câu.
- 3- Viết hai câu với động từ đơn.
- 4- Viết hai câu với động từ ghép.

• Câu hỏi:

Trả lời các câu hỏi theo bài “Thăm Nha Trang”

1. Tìm xuất xứ bài “Thăm Nha Trang”?
2. Nha Trang thuộc miền nào nước Việt ?
3. Tác giả đi thăm Nha Trang vào mùa nào ?
4. Kể ba nơi tác giả đã đi thăm ?
5. Chép lại các câu văn tả cảnh bãi biển ?
6. Tìm đại ý bài “Thăm Nha Trang”.

• **Chép lại và thêm dấu.**

Công Ơn Cha Mẹ

Vào trong nhà, cô Thu mơ hơp ra. Nhân và Hạnh to mō lai xem. Thay gọi hang, Nhân hoi:

- Cô mua hang đê lam gi, cō Thu ?

Cô Thu đăp:

- Đê may quân áo cho ong noi, ba noi.

Hạnh khoe:

- Cô Thu à ! Ba ma chau moi mua bieu noi ao âm !

- Ong ba đă nuoi nang ba con va cô cuc nhoc lăm. Bay gio, bon phan con phai lo cho cha me!

Nhân noi tiep loi:

- Khi chau lon, chau cung san soc ba ma chau nhu ba va cō lo cho ong ba vay !

Theo tài liệu Bộ Quốc Gia Giáo Dục, V.N.C.H

• **Bài tập.**

Câu hỏi.

1- Trong gia đình, ai lo cơm và áo ấm cho em ?

2- Trong gia đình, ai dạy dỗ em ?

3- Em có được cha mẹ khen lần nào chưa ? Nếu có hãy tả ra.

4- Viết bài ca dao ghi nhớ công ơn cha mẹ (4 câu).

5- Trong những từ sau đây, hãy chép lại từ nào được coi là viết đúng chính tả:

Ngói quà xinh nhật	hay	gói quà sinh nhật
May quần áo	hay	may quàng áo
Khoe khoang	hay	khoe khoang
Biểu nội áo ấm	hay	bíu nội áo ấm
Cha mẹ nui nân các con	hay	cha mẹ nuôi nấng các con
Cha mẹ sẵn sóc các con	hay	cha mẹ sẵn sóc các con

- **Tập đọc -- Học thuộc lòng.**

Anh Em Hòa Thuận

Anh em chung sống một nhà,
Sao cho êm ấm thuận hòa mới nên.
Trên nhường dưới, dưới *kính* trên,
Tránh điều *xích mích*, làm phiền mẹ cha.
Cùng ruột thịt phải đâu xa,
Chớ nên *chia rẽ* người ta chê cười.
“Khôn ngoan *đổi đáp* người ngoài,
Gà cùng một mẹ chớ *hoài* đá nhau”.

Khuyết danh

Giải nghĩa:

- **Hòa thuận:** Sống vui vẻ với nhau, không có cãi cọ. - **Kính:** Tôn trọng người nhiều tuổi hơn mình.
- **Xích mích:** Cãi cọ. - **Chia rẽ:** Làm cho xa nhau, không đoàn kết. - **Đổi đáp:** Trả lời lại, cư xử với người chung quanh. - **Hoài:** Mãi không ngừng.

- **Tập làm văn:**

Tả cảnh một cuộc picnic mà em đã tham dự (bài ít nhất 250 từ).

- **Tập chép & Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần và chép mỗi bài một lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc và chính tả:

“Thăm Nha Trang” và “Anh Em Hòa Thuận”.



BÀI CHÍN

♦ Bài giảng - Chính tả.

Hai Bà Cháu

Hôm nay, Thi, vợ của Đức đi làm trở lại, anh dặn dò mẹ kĩ lưỡng:

- Mẹ nhé, nhớ đúng giờ hãy cho cháu bú một bình sữa. Cứ ba tiếng mới bú một lần. Nó có khóc cũng đừng có bế lên, nó sẽ quen đó.

Bà gật đầu lia lịa:

- Mẹ nhớ, mẹ biết mà !

Bà sung sướng nhìn thẳng bé ngủ mê man, ôm nó lên hôn tới tấp. Hai gò má mịn màng thơm mùi sữa, những sợi lông măng trên cánh tay, trên khuôn mặt bé tí, bà vuốt ve trìu mến mà nhớ tới ngày nào Đức còn bé bỏng bà cũng đã từng áp yêu như thế. Làn tóc đen mượt, đôi môi đỏ chót của đứa bé thỉnh thoảng lại chớp chớp nửa như mỉm cười, nửa đòi ăn, làm bà thấy lòng rạt rào thương mến. Cả buổi sáng bà chỉ xôn vồn ở cạnh nôi thẳng bé, chỉ cần nghe nó “ọ ẹ” một chút là bà đã lật đật lên tiếng ngay “À, bà đây, bà đây”. Chỉ cần nó khóc ré lên đòi ăn là bà đã vội vàng lấy chai sữa để trong tủ lạnh mà mẹ nó đã pha sẵn, đem chung nước sôi cho đỡ lạnh - bà sợ nó lạnh bụng đó mà ! - bế nó trên tay ân cần dỗ dành, hát những câu ru hời từ mấy mươi năm trước bà đã có lần ru:

- Ấu ơ . . . ví dầu cầu ván long đanh

Cầu tre lắc lẻo ờ . . . gặp ghềnh khó đi . . .

Thế là bà quên hết lời dặn dò của Đức, tất cả đều dồn vào thẳng cháu nhỏ đang vồ vập chai sữa bú một cách ngon lành. Bà cảm thấy mình đã làm đúng. “Cha mẹ mà thiệt ác, con người ta còn nhỏ mà bày đặt giờ giấc mới cho ăn. Nó đòi thì cho nó ăn mới mau lớn chớ, phải không thẳng chớ con của bà ?”

Theo Trần Ca Dao
(Bóng Mát)

Giải nghĩa:

- **Ngủ mê man:** Ngủ rất say, không biết gì cả. - **Hôn tới tấp:** Hôn liên tiếp, không ngừng. - **Trìu mến:** Tô sự thương yêu qua cử chỉ, lời nói, hành động. - **Chớp chớp:** Nhóp nhép, chớp miệng. - **Rào rạt thương mến:** Thương yêu rất nhiều. - **Ân cần:** Niềm nở, chu đáo. - **Vồ vập:** Chộp lấy.

• **Bài tập.**

I - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: LONG, LÔNG hay LON

- 1- Những giọt sương sớm _____ lạnh dưới ánh mặt trời.
- 2- Má em mua ba _____ sữa bò.
- 3- Loài chim có _____ vũ.
- 4- Loài có vú thì có _____ mao.
- 5- Áo vua mặc gọi là _____ bào.
- 6- Trông em bé chạy _____ ton thật buồn cười.

Đặt câu:

dạn dò - chi tiết - dễ thương

II - Thêm dấu trên các tiếng in nghiêng:

- 1- Rủ nhau đi cấy đi *cay*,
Bây giờ khó *nhoc* có ngày phong lưu.
- 2- Khác nào quạ *muon* lông công,
Ngoài hình xinh *dep* trong lòng xấu xa.
- 3- Sông sâu còn thể *bac* cầu,
Lòng người nham *hiem* biết đâu mà dò.
- 4- Thức khuya mới *biet* đêm dài,
Ở lâu mới biết là *nguai* có nhân.
- 5- Cha mẹ hiền *lanh* để đức cho con.

Đặt câu:

Viết mỗi câu có tiếng : **LONG, LÔNG hay LON**

Giải nghĩa:

- **Long lanh:** Lóng lánh, nhấp nháy. - **Lông vũ:** Lông của loài chim. - **Lông mao:** Lông của loài vật. - **Lên lon:** Được lên chức cao hơn. - **Phong lưu:** Khá giả, giàu có. - **Nham hiểm:** Ác độc ngầm, không thể biết trước được.

- **Việt sử.**

Võ Bị Thời Vua Lê Thánh Tôn

Từ xưa, nước Chiêm Thành ở phương Nam cũng như Lão Qua (vùng Luang Prabang) và Bồn Man (vùng Trấn Ninh) ở phương Tây thường hòa theo người Trung Hoa để **quấy nhiễu** bờ cõi nước ta, mỗi khi nước ta phải đánh nhau với Trung Hoa.

Thấy vậy, vua Lê Thánh Tôn lo mở mang việc võ bị và tuyển được 30 vạn quân (300.000 người) trong nước để mở cuộc **Nam chinh**.

Vào tháng 2 năm 1470, quân ta chia làm 3 đạo quân: một bọc phía núi, một đi bằng đường biển chặn đường rút lui, còn đạo quân thứ ba từ biển đánh thẳng vào kinh thành của Chiêm Thành. Trong vòng một tháng, quân Chiêm bị thua to.

Sau khi đánh tan quân Chiêm Thành, quân sĩ được nghỉ khoảng 1 năm, ta lại chuẩn bị **Tây chinh**. Đánh tan quân Bồn Man, sau đó tiến đánh Lão Qua cho tới biên giới Thái Lan.

Từ đó trở về sau, các nước Chiêm Thành, Bồn Man, Lão Qua không còn đủ **thực lực** mà hòa theo nước Trung Hoa quấy nhiễu nước ta nữa.

Trên bản đồ hiện nay, nước Chiêm Thành không còn nữa. Nước Bồn Man và Lão Qua được gọi là nước Lào.

Giải nghĩa:

- **Quấy nhiễu:** Phá phách, không để cho yên ổn.
- **Nam chinh:** Đánh nhau về hướng Nam.
- **Tây chinh:** Đánh nhau về hướng Tây.
- **Thực lực:** Sức mạnh thực sự.

- **Ca dao.**

1- Theo đòi cũng thể bút nghiên,
Thua em, kém chị cũng nên hổ mình.

2- Một mai chiếm bảng khoa danh,
Trước là rạng nghiệp sau mình vinh thân.

Bài làm ở nhà 9

• Điền vào chỗ trống.

Hãy tìm danh từ, động từ hay từ thích hợp để điền vào những câu còn trống.

- 1- Chúng em không _____ nguồn gốc Việt Nam.
- 2- Em _____ sách vở _____ sẽ.
- 3- Khoát ì ạch _____ xe.
- 4- Mai _____ nhất lớp tôi vì Mai luôn được điểm A.
- 5- Mẹ em _____ _____ cẩn thận nên không vi phạm luật giao thông.
- 6- Xe ô tô _____ ngày đêm trên xa lộ.
- 7- Tổ tiên ta đã ba lần _____ _____ quân xâm lược trên sông Bạch Đằng.
- 8- Học sinh Việt Nam ở nước ngoài thường được báo chí _____ _____ vì học giỏi.
- 9- Ba má em _____ _____ vì em học _____ .
- 10- Mùa đông đến, em cảm thấy _____ _____ những người không có nhà ở.
- 11- Thầy giáo em _____ _____ cho cả lớp cùng nghe.
- 12- Bạn em đi học sớm vì nhà bạn em _____ xa _____ .

Ví dụ:

- 3- Khoát ì ạch đẩy xe.

• Văn phạm.

- 1- Tìm hai danh từ chỉ thực vật và đặt hai câu.
- 2- Tìm hai đại danh từ và đặt hai câu.
- 3- Tìm hai động từ chỉ hành động và đặt hai câu.
- 4- Tìm hai động từ ghép và đặt hai câu.

• Câu hỏi Việt sử.

Trả lời các câu hỏi theo bài “Võ Bị Thời Vua Lê Thánh Tôn”

- 1- Tại sao vua Lê Thánh Tôn mang quân đánh Chiêm Thành ?
- 2- Hãy tả sơ về trận đánh Chiêm Thành.
- 3- Cho biết lí do quân ta phải đi Tây chinh ?
- 4- Nước Lào ngày trước được gọi là gì ?

• **Chép lại và thêm dấu.**

Quà Giáng Sinh

Phượng gọi qua cửa mình ra trước nhưng cặp mắt chăm chú của các bạn. Và tất cả cùng reo lên một lượt:

- "Ồ ! Búp bê"

Mắt Phượng sáng hơn lên. Một con búp bê thật đẹp, tóc vàng óng, cô bang tím vấn ngang trên đầu, đôi mắt xanh nham mọ được. Búp bê đứng sừng sững ở trên nắp hộp. Nó mặc váy hồng nạm kim tuyến, đi giày trắng. Nó cúi vói Phượng, vói lũ trẻ. Mặt nó hồng hào và cái miệng rất tươi. . .

Bay giờ thì Phượng xem đèn các hộp đựng búp bê. Các hộp giấy dán hoa màu xanh, bước đây đó, trong đó đem lụa và cái gối xinh xinh. Phượng mỉm cười sung sướng.

Theo Nhật Tiến

Giải nghĩa:

- **Vấn:** *Quán chung quanh.* - **Sừng sững:** *Đứng thẳng, đứng trơ ra.* - **Nạm kim tuyến:** *Có gắn chỉ vàng óng ánh.* - **Đệm lụa:** *Lót lụa ở giữa cho êm.*

• **Tập làm văn:**

Tả cảnh mùa thu dài ít nhất 300 từ.

• **Câu hỏi:**

Trả lời các câu hỏi theo bài “**Hai Bà Cháu**”

1. Tìm xuất xứ bài “Hai Bà Cháu”?
2. Đức dặn dò mẹ điều gì ?
3. Theo em, mẹ của đứa bé đi đâu ?
4. Kể chi tiết dễ thương của thằng bé ?
5. Viết tóm gọn 3 chi tiết về việc bà thương cháu.
6. Tìm đại ý bài “Hai Bà Cháu”.

- **Hình ảnh quê hương.**

Một Buổi Chiều

Một buổi chiều về cuối năm, một buổi chiều êm như một *giấc mộng* . . .

Ngoài kia ánh nắng vàng như tiếc ngày cuối cùng của một năm, còn *lãng vãng* trên các ngọn đồi, chòm cây, *lướt thướt* trên những cánh đồng cỏ màu xanh già. Những thôn xóm rải rác dưới chân đồi hay bên bờ con sông trắng cong queo như bị đè nén dưới vẻ to tát của trời đất rộng rãi. Làn khói bốc lên từ nhà dân thổi cơm chiều không có sức lên cao, tỏa ra thành những *mãng* màu lam, ôm ấp lấy mái tranh.

Theo Nhật Linh
(Đoạn Tuyệt)

Giải nghĩa:

- *Giấc mộng*: Những điều thấy trong giấc ngủ. - *Lãng vãng*: Còn quanh quẩn. - *Lướt thướt*: Ý nói còn trải dài một cách yếu ớt. - *Mãng*: Mảnh to.

- **Bài tập**

- 1- Giải nghĩa: cánh đồng cỏ, thôn xóm, tỏa ra.
- 2- Hãy chép lại theo bài trên một câu văn tả cảnh nắng chiều cuối năm.

- **Tập chép & Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần và chép mỗi bài một lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc và chính tả:

“Hai Bà Cháu” và “Một Buổi Chiều”



BÀI MƯỜI

♦ Bài giảng - Chính tả -- Học thuộc lòng.

Mẹ

Mẹ ! Ôi, âu yếm làm sao!
Danh từ này có danh nào đẹp hơn.
Mẹ là sữa, mẹ là cơm,
Mẹ là nguồn sống của con muôn đời.
Ngọt ngào tiếng mẹ bên tai,
Vỗ về giấc ngủ đêm dài lạnh sương.
Chao ôi, thương thiết là thương,
Lời ru như gió đại dương thổi vào.
Nuôi con chẳng ngại tốn hao,
Chăm con, chẳng có lúc nào nghỉ ngơi.
Lo khôn lớn, lo nên người,
Lo mình lo một, lo mười cho con.
Hi sinh từ thuở còn son,
Răng long đầu bạc vẫn còn hi sinh.
Thế gian chỉ một mối tình,
Thiết tha hơn hết là Tình Mẹ Con.

Bàng Bá Lân

Giải nghĩa:

- **Âu yếm:** Biểu lộ tình yêu thương dịu dàng bằng hành động, cử chỉ, lời nói. - **Vỗ về:** An ủi, làm yên lòng. - **Đại dương:** Biển lớn như Thái Bình Dương. - **Hi sinh:** Chịu mất mát để làm một việc cao đẹp. - **Thiết tha:** Tha thiết, có tình cảm sâu xa gắn bó.

• Câu đố vui địa lí.

1- Địa lí em đã thuộc lòng,
Kể tên những tỉnh ở trong có “bình” ?

2- Sông gì chín nhánh thật dài,
Sông gì hiện rõ ở ngoài không trung ?

• Bài tập.

I - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: TRƯỜNG, SƯỜNG hay XƯỜNG

- 1- Những giọt _____ mai lóng lánh dưới ánh mặt trời.
- 2- Khi khuôn vác nặng quá, _____ sông dễ cong.
- 3- Mái tóc của ông em đã điểm _____ .
- 4- Ba em mở _____ mục tiết kiệm ở ngân hàng.
- 5- Tổ tiên chúng ta đã hi sinh _____ máu để bảo vệ non sông.
- 6- Hôm nay là ngày khai _____ tiệm ăn của bác Năm.

Đặt câu:

sường mù - anh trưởng lớp - ốm dơ xương

II - Thêm dấu trên các tiếng in nghiêng:

- 1- Cười người chớ khá *cuoi* lâu,
Cười người hôm *truoc* hôm sau người cười.
- 2- Phụng hoàng *đau* chón cheo leo,
Sa chân lỡ *buoc* phai theo đàn gà.
- 3- Bao giờ mưa thuận *gio* hòa,
Thay lông đổi *canh* lại ra phụng hoàng.
- 4- Đố ai *quet* sạch lá rừng,
Đề ta khuyên gió gió *đung* rung cây.
- 5- Bầu ơi thương *lay* bí cùng,
Tuy rằng khác *giong* nhưng chung một giàn.

Đặt câu:

Viết mỗi câu có tiếng: TRƯỜNG, SƯỜNG và XƯỜNG

Giải nghĩa:

- *Sương mai*: Hạt nước đọng lại lúc sáng sớm. - *Trường mục*: Một chỗ để tiền ở ngân hàng. - *Khai trương*: Ngày đầu tiên mở tiệm.

- **Địa lí.**

Thánh Địa Mỹ Sơn

Mỹ Sơn thuộc xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên cách thành phố Đà Nẵng khoảng 70 km về phía Tây nam trong một thung lũng kín đáo.

Mỹ Sơn là thánh địa Ấn Độ giáo của **vwong quốc** Champa (nước Chiêm Thành). Những dòng chữ ghi trên **bia** sớm nhất ở đây có vào khoảng thế kỉ thứ 4 cho biết vua Bhadresvara đã xây dựng ngôi đền để dâng cúng lên thần Siva. Hơn hai thế kỉ sau đó, ngôi đền đầu tiên đã bị thiêu hủy vì hỏa hoạn. Vào đầu thế kỉ thứ 7, vua Sambhuvarman đã xây dựng lại ngôi đền bằng những vật liệu bền hơn, còn tồn tại đến ngày nay. Các triều vua sau đó đều tu sửa các đền tháp cũ và xây dựng thêm đền tháp mới cho các vị thần của họ.

Với hơn 70 công trình **kiến trúc** bằng gạch đá được xây dựng từ thế kỉ thứ 7 đến thứ 13, Mỹ Sơn đã trở thành trung tâm kiến trúc quan trọng nhất của vương quốc Champa.

Giải nghĩa:

- **Thánh địa:** Đất thánh. - **Vương quốc:** Nước theo chế độ quân chủ (có vua). - **Bia:** Tấm đá lớn có khắc chữ để làm mộ chí hoặc khắc những điều để người đời ghi nhớ. - **Kiến trúc:** Xây dựng theo kiểu mẫu có tính nghệ thuật.

- **Bài hát vui**

Hoan Hô, Hoan Hô

Hoan hô! Hoan hô! Chúng ta cùng ca.
 À A Á chúng tôi phục anh rất nhiều rồi.
 À A Á chúng tôi phục anh rất nhiều .

Bài làm ở nhà 10

• Điền vào chỗ trống.

Hãy tìm danh từ, động từ hay từ hợp nghĩa để điền vào những câu còn trống.

- 1- Chưa bao giờ Liên bị phạt vì không làm _____ .
- 2- Trước cửa lớp em _____ sân chơi rất rộng.
- 3- Thầy cô Văn Lang _____ tận tâm.
- 4- Chúng em _____ lời cha mẹ.
- 5- Các cháu _____ ông bà.
- 6- Làm gì cũng cần phải có _____ nhẫn mới được.
- 7- Làm ơn _____ hộ tôi lá thư này.
- 8- Làm ơn _____ quyển sách này cho thư viện.
- 9- Tôi kính mến _____ .
- 10- Mọi người _____ tôi.
- 11- Tôi và bạn tôi _____ rất thân với nhau.
- 12- Chúng tôi luôn luôn _____ lẫn nhau.

• Câu hỏi Địa lí.

- 1- Thánh địa Mỹ Sơn ở nơi đâu nước Việt ?
- 2- Ai đã xây cất thánh địa Mỹ Sơn và vào lúc nào ?
- 3- Tả sơ về thánh địa Mỹ Sơn ?
- 4- Mỹ Sơn là trung tâm kiến trúc quan trọng của nước nào ?

• Câu hỏi:

Trả lời các câu hỏi theo bài “Mẹ”

1. Tìm xuất xứ bài “Mẹ”?
2. Vì sao “Mẹ” là danh từ đẹp nhất ?
3. Lời mẹ ru con như thế nào ?
4. Chép lại các câu thơ tả tình thương của Mẹ dành cho con.
5. Mỗi tình đẹp nhất trên thế gian này là gì ?
6. Tìm đại ý bài “Mẹ”.

• **Chép lại và thêm dấu.**

Vua Có Lòng Nhân

Lý Thánh Tôn là một ông vua nhân từ, có lòng thương dân. Một năm, trời rét lắm, vua nghĩ đến những người tù phải giam trong ngục, bèn bảo các quan rằng:

- “Trẫm ở trong cung, ăn mặc như thế này mà còn rét. Nhưng kẻ nghèo khổ, những tù phạm phải trời buốt, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc thì khổ đến đâu !”

Nói rồi, vua truyền lấy chan chiếu phát cho những người nghèo và tù nhân. Lại có một hôm, đang buổi chiều, có công chúa đứng hầu bên cạnh. Vua chỉ vào công chúa mà bảo rằng:

- “Long trẫm yêu dân cũng như yêu con của trẫm vậy. Kẻ tù này về sau, hình phạt gì cũng giam bỏ đi.”

Theo Quốc Văn Giáo Khoa Thư

Giải nghĩa:

- **Nhân từ:** Hiền lành, có lòng thương người. - **Ngục:** Nhà tù. - **Trẫm:** Tiếng của vua xưng với mọi người. - **Cung:** Nơi vua ở. - **Tù phạm:** Người bị tù. - **Công chúa:** Con gái vua.

• **Bài tập**

1- Chép lại các câu văn tả việc làm nhân từ của vua Lý Thánh Tôn ?

2- Trong những từ sau đây, hãy chép lại từ nào được coi là viết đúng chính tả:

Tiếng kêu chan chác	hay	tiếng kêu chan chát
Trát phẩn	hay	chát phẩn
Nhà chậ hẹp	hay	nhà chậ hẹp
Dao sắc bén	hay	dao sắc bén
Ngục tù	hay	ngự tù
Nghèo khổ	hay	nghèo khổ

- **Tập đọc & Chính tả**

Trong Phòng Khách

Cuối tuần trước, ông bà ngoại cho Mai và Tâm tới chơi nhà cậu Hoàng.

Cậu Hoàng giàu có nhất trong họ. Căn nhà của cậu mới xây thật là rộng rãi, sáng sủa. Ở cổng vào là phòng khách. Căn phòng này không rộng lắm nhưng trang trí khá đẹp. Trên tường treo rải rác mấy bức tranh màu lồng trong khung kính. Sát tường là chiếc tủ đựng đầy những vật kỉ niệm. Giữa phòng đặt chiếc bàn thấp hình bầu dục. Trên bàn có bình hoa tươi. Chung quanh là mấy chiếc ghế bành rộng. Cậu Hoàng thường tiếp khách ở đây.

Vừa thấy ông bà ngoại tới, cậu Hoàng vội vàng chạy ra mời ngay vào phòng khách.

Giải nghĩa:

- **Sáng sủa:** Có nhiều ánh sáng chiếu vào. - **Trang trí:** Bày biện, sửa sang cho đẹp mắt. - **Lồng:** Đặt vào trong. - **Kỉ niệm:** Những sự việc đã qua đáng ghi nhớ. - **Ghế bành:** Ghế rộng, có lưng tựa và chỗ để tay ở hai bên.

- **Tập làm văn:**

Tả cảnh một đám giỗ (bài dài ít nhất 300 từ).

- **Tập chép & Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần và chép mỗi bài một lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc và chính tả:

“Mẹ” và “Trong Phòng Khách”.



BÀI MƯỜI MỘT

◆ Bài giảng - Chính tả.

Nguyễn Trãi

Ông Nguyễn Trãi người tỉnh Hải Dương, Bắc Việt Nam là bậc **đệ nhất công thần** đời Hậu Lê. Ông đỗ **Thái Học Sinh** năm mới 21 tuổi.

Sau đó, quân Minh sang cướp nước ta và bắt cha ông là Nguyễn Phi Khanh dẫn về Tàu. Nguyễn Trãi định theo sang **Kim Lăng** để **phụng dưỡng** cha già nơi **đất khách**. Khi đến **ải Nam Quan**, vâng lời cha dạy, ông trở về quyết tâm trả nợ nước, báo thù nhà. Nguyễn Trãi tìm đến giúp Lê Lợi và được tôn làm quân sư để lo việc chống quân Minh. Suốt 10 năm kháng chiến, ông luôn ở cạnh Lê Lợi để tổ chức mọi việc quân sự, chính trị. Sau khi đánh đuổi được quân Tàu ra khỏi nước, ông vâng lệnh Bình Định Vương Lê Lợi làm ra bài "**Bình Ngô Đại Cáo**". Đây là một áng văn kiệt tác trong nền văn học Việt Nam. Nguyễn Trãi được phong tước Quan Phục Hầu và sau được phong Quốc Lão.

Khi vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi) mất năm 1433, ông cáo quan xin về hưu trí tại núi Côn Sơn, Hải Dương năm 1439.

Giải nghĩa:

- **Đệ nhất công thần:** Vị quan có công nhất trong triều đình. - **Thái Học Sinh:** Tiến sĩ. - **Kim Lăng:** Một tỉnh bên Trung Hoa. - **Phụng dưỡng:** Chăm sóc, nuôi dưỡng cho người bề trên (cha mẹ). - **Đất khách:** Ý nói nước Trung Hoa. - **Ái Nam Quan:** Cửa ải biên giới giữa Việt Nam và Trung Hoa. - **Bình Ngô Đại Cáo:** Bản công bố cho quốc dân về việc đánh đuổi giặc Ngô (Trung Hoa) ra khỏi nước. - **Quốc Lão:** Tiếng gọi kính trọng người tài đức có công với đất nước.

● Câu đố vui sử kí.

Hai vai nợ nước thù nhà,
Đuổi quân Tô Định, sơn hà dựng xây.
Hiếm trong lịch sử Đông, Tây,
Chị em cùng giữ một ngai vương quyền.

• **Bài tập.**

I - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: DẠ, DẠY hay DẬY

- 1- Em thức _____ sớm để đi học.
- 2- Người ham mê cờ bạc là người _____ dốt.
- 3- Bà _____ bé Oanh đánh vần Việt ngữ.
- 4- Mỗi sáng Chủ Nhật, ba em đi _____ Việt ngữ.
- 5- Khi lời ca chấm dứt tiếng vỗ tay vang _____ cả hội trường.
- 6- Những bông hoa _____ mọc ngoài đồng cũng rất đẹp.

Đặt câu:

dại khờ - dậy trưa - dạy học

II - Thêm dấu trên các tiếng in nghiêng:

- 1- Dạy con từ *thuơ* còn thơ,
Dạy vợ từ *thuở* ban sơ *moi* về.
- 2- Lời nói không *mat* tiền mua,
Lựa lời mà nói cho *vua* lòng nhau.
- 3- Phú quý sinh lễ *nghia*,
Bần cùng sinh *đao* tặc.
- 4- Cây xanh thì lá *cung* xanh,
Cha mẹ hiền lành để *đuc* cho con.
- 5- Có nghèo mới *biet* con hiếu,
Có thiếu mới biết bạn *hiên*.

Đặt câu:

Viết mỗi câu có tiếng: **DẠ, DẠY và DẬY**

Giải nghĩa:

- *Dại dốt*: Thiếu khôn ngoan. - *Hoa dại*: Hoa mọc ngoài đồng không ai trồng. - *Ban sơ*: Lúc đầu. - *Đạo tặc*: Trộm cướp.

• Văn phạm.

Tính Từ

Tính từ là tiếng thường đi liền với tiếng danh từ hay đại danh từ để chỉ cái tính, cái chất, cái thể, cái dáng... của danh từ hay đại danh từ đó.

Ví dụ : Bé Oanh *ngoan*. (*ngoan* chỉ tính nết)
 Đất sét *mềm*. (*mềm* chỉ tính chất)
 Tháp chuông *cao*. (*cao* chỉ cái dáng)

Có 2 loại tính từ :

1- Tính từ đơn chỉ có một tiếng.

Ví dụ : Hoa *thơm*. (*thơm* là tính từ đơn)
 Cam *ngọt*. (*ngọt* là tính từ đơn)

2- Tính từ ghép có 2 hay nhiều tiếng.

Ví dụ : Thầy giáo *tận tâm*. (*tận tâm* là tính từ ghép)
 Học trò *chăm chỉ*. (*chăm chỉ* là tính từ ghép)

Tính từ có khi được dùng như động từ.

Ví dụ : Cái hoa này *thơm* lắm. (*thơm* và *ngọt* ở đây không còn là tính từ nữa mà là động từ)
 Trái cam này *ngọt* lịm.

• Bài hát vui

Vui Đến Trường

Nhật Ngân

Vui, vui quá! Sáng nay cuối tuần.
 Theo Ba Mẹ ra phố, em đi đến trường.
 Học Việt Ngữ thật vui, học được tiếng Mẹ Cha.
 Học những gì thiết tha với quê hương cội nguồn.
 Vui, vui quá! Sáng nay em vui thật vui.
 Vui, vui quá! Sáng nay em vui thật vui.

Bài làm ở nhà 11

• Điền vào chỗ trống.

Hãy tìm danh từ, động từ hay tính từ để điền vào những câu còn trống cho hợp nghĩa.

- 1- Buổi sáng _____ mọc ở phương Đông.
- 2- Buổi chiều mặt trời _____ ở phương Tây.
- 3- Tuyết _____ trắng xóa như bông.
- 4- Lá vàng _____ đầy mặt đất.
- 5- Gió biển _____ từng cơn mát rượi.
- 6- _____ biển vỗ ào ào vào gành đá.
- 7- Nước chảy mãi, đá cũng phải _____ .
- 8- Trăng rằm tháng tám tròn và _____ nhất trong năm.
- 9- Những cụm mây trắng _____ trên bầu trời.
- 10- Lửa _____ đỏ rực cả một góc trời.
- 11- Trời nóng, đá đông lạnh _____ ra nước.
- 12- Nước đun sôi _____ thành hơi bay lên.

• Bài tập :

- 1- Tìm những tính từ trong câu sau đây :
“Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ,
Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh”
- 2- Viết hai câu có tính từ đơn.
- 3- Viết hai câu có tính từ ghép.
- 4- Viết hai câu có động từ vốn là tính từ.

• Câu hỏi Việt sử:

Trả lời các câu hỏi theo bài “Nguyễn Trãi”

1. Vì sao Nguyễn Trãi định theo cha sang Kim Lăng bên Tàu?
2. Nguyễn Phi Khanh đã khuyên con là Nguyễn Trãi những gì ?
3. Trong 10 năm kháng chiến, Nguyễn Trãi giúp Lê lợi ra sao ?
4. Khi quân Tàu bị thua về nước, Nguyễn Trãi đã viết bài gì nổi tiếng ?
5. Tìm đại ý bài “Nguyễn Trãi”.

- **Chép lại và thêm dấu.**

Bạn Học

Toi có nhiều bạn học ở trường. Các bạn tôi chẳng ai giống ai: bé, lớn, cao, thấp đủ cả. Người thì giàu có sung túc, kẻ thì khiêm tốn thanh bần. Có bạn thật hiền lành ngoan ngoãn, có bạn lại nghịch phá đảo đê. Tôi coi bạn nào cũng như bạn nào. Tôi không an hiếp ai, không xác xược với ai.

Toi nhường nhịn và yêu quý các bạn tôi như anh chị em một nhà vậy!

Quốc Văn Giáo Khoa Thư

Giải nghĩa:

- **Sung túc:** Đầy đủ về vật chất. - **Khiêm tốn:** Không tự kiêu, tự mãn. - **Thanh bần:** Nghèo mà trong sạch. - **Xác xược:** Tỏ ra vô lễ, khinh thường mọi người.

Câu hỏi.

- 1- Tìm các tính từ trong bài trên và đặt ba câu.
- 2- Tìm ba từ ghép có tiếng “bạn” và đặt ba câu.
- 3- Trong những từ sau đây, hãy chép lại từ nào được coi là viết đúng chính tả:

Trông giống nhau	hay	trông đồng nhau
Xung túc	hay	sung túc
Chân tay	hay	châng tay
Tỉ mỉ	hay	tỉ mi
Khiên tốn	hay	khiêm tốn
Sáng sũa	hay	sáng sửa

- **Tập đọc -- Học thuộc lòng**

Đối Với Họ Hàng

Ta năng thăm viếng họ hàng,
Cho tình gia tộc ngày càng thêm thân.
Cô, dì, chú, bác xa gần,
Có năng đi lại tình thân mới bền.
Ở sao nội ngoại đôi bên,
Mọi người quý mến, không phiền trách ta.
Kính trên nhường dưới thuận hòa,
Viếng thăm giúp đỡ thì xa hóa gần.

Nguyễn Hữu Bào.

Giải nghĩa:

- **Năng:** Thường thường. - **Gia tộc:** Gồm nhiều gia đình có cùng một tổ tiên. - **Họ nội:** Họ hàng bên cha. - **Họ ngoại:** Họ hàng bên mẹ. - **Thuận hòa:** Hòa thuận, sống êm ấm, không cãi nhau.

- **Tập làm văn:**

Tả một buổi tiệc họp mặt bà con thân quyến trong gia đình em (bài dài hơn 300 từ).

- **Tập chép & Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần và chép mỗi bài một lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc và chính tả:

“Nguyễn Trãi” và “Đối Với Họ Hàng”.



BÀI MƯỜI HAI

◆ Bài giảng - Chính tả.

Lời Xua

Đây Nam Quan, núi non vây *trùng điệp*,
Đường quanh co chiều khuất nẻo chiều sương.
Bóng *cổ nhân* đâu rồi ?! *Lời tâm huyết*
Như còn vang trong tiếng gió thê lương. . .

Đây Nam Quan, ôi! biên thùy *quạnh quẽ*,
“Con về đi! than khóc mãi làm chi ?
Còn nợ nước, thù nhà, bao mối *hệ*,
Con vì cha *nuốt lệ* buổi phân li. . .

Bao uất hận, gắng nguyện lòng nhớ mãi;
Bao tình thương con dâng lại non sông.
Hãy trông cha trong cảnh chiều *quan tái* !
Mối thù này, quyết chẳng đội trời chung ! . . .”

Lời căn dặn của cha già *tử biệt*,
Đã muôn đời cấu tạo đáng *hiên ngang* !
Thiên lịch sử bốn nghìn năm nước Việt,
Đã nhờ ai, còn rạng ánh *vinh quang* ? . . .

Hồ Mộng Thiệp
(Ngàn Năm Gởi Mây Bay)

Giải nghĩa:

- *Trùng điệp*: Liên tiếp nhau, hết lớp này đến lớp khác. - *Cổ nhân*: Người xưa, bạn cũ. - *Lời tâm huyết*: Lời nói phát xuất từ đáy lòng. - *Quạnh quẽ*: Vắng vẻ, gây cảm giác lạnh lẽo. - *Hệ*: Dòng tộc. - *Nuốt lệ*: Ngăn dòng nước mắt. - *Quan tái*: Quan ải. - *Tử biệt*: Xa nhau khi chết. - *Hiên ngang*: Vững vàng, tự tin. - *Vinh quang*: Vẻ vang, rạng rỡ.

Ghi Chú: Lời xua ở đây là lời của Nguyễn Phi Khanh khuyên con là Nguyễn Trãi khi Nguyễn Trãi muốn theo cha sang Tàu để lo chăm nom săn sóc.

• **Bài tập.**

I - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: QUAN, QUANG hay QUANH

- 1- Thời xưa, một _____ tiền có 600 đồng tiền.
- 2- Mắt là một giác _____ trong cơ thể người ta.
- 3- Hôm nay, trời _____ đặng, không có một gợn mây.
- 4- _____ cảnh ở hội chợ Tết thật là nhộn nhịp.
- 5- Đường lên tu viện thật là _____ co, khúc khuỷu.
- 6- Công việc nhà nông bận rộn _____ năm suốt tháng.

Đặt câu:

quan trọng - quang cảnh - quanh quẩn

II - Thêm dấu trên các tiếng in nghiêng:

- 1- Chị kia có quan *tien* dài,
Có bị gạo *năng* coi ai ra gì.
- 2- Hỡi anh đi *duong* cái quan,
Dừng chân *đung* lại em than vài lời.
- 3- Thiếp liều đôn *ganh* đôi quang,
Bán buôn nuôi mẹ *chang* sang mặc chàng.
- 4- Nguyên người quanh *quat* đầu xa,
Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh. (Kiều)
- 5- Quanh năm buôn *ban* ở ven sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng. (Trần Tế Xương)

Giải nghĩa:

- **Giác quan:** cơ quan cho biết cảm giác. - **Quang đặng:** Sáng sủa. - **Quang cảnh:** Cảnh vật và những hoạt động quanh đó. - **Quanh năm suốt tháng:** Suốt năm suốt tháng. - **Quanh quất:** Gần bên chứ không xa.

- **Tập đọc & Chính tả.**

Hiếu Học

Sự học là chìa khóa để mở mang *trí tuệ, kiến thức*. Sự học còn là khôn ngoan tìm hiểu những cái hay, cái đẹp của người khác để áp dụng cho chính ta. Ở thời đại nào, người ta cũng quý sự học. Chữ nghĩa, bằng cấp thường được coi như một tiêu chuẩn để đo lường tài năng mọi người. Ngày xưa rất trọng “kê sĩ”, tức là người có học, nên mới có câu: “*nhất sĩ, nhì nông*”. Cha mẹ thường khuyên bảo con cái chăm lo đèn sách, vợ hiền cũng thường *tần tảo* nuôi chồng ăn học thành tài. Tuy nhiên, mục đích quan trọng nhất của sự học vẫn là “học để nên người hữu ích cho chính bản thân, gia đình và tổ quốc.”

Sang xứ người, người Việt vẫn luôn luôn giữ tinh thần hiếu học. Cha mẹ vẫn thường khuyên con cái “học đến nơi đến chốn.” Nhiều học sinh, sinh viên Việt Nam đã là những thành phần ưu tú và dẫn đầu về kết quả học hành ở các cấp Tiểu, Trung và Đại Học.

**Theo Em Học Việt Ngữ tập 6
(Trung Tâm Việt Ngữ Hồng Bàng)**

Giải nghĩa:

- *Trí tuệ*: Khôn ngoan, sáng suốt. - *Kiến thức*: Tầm hiểu biết do sự học hỏi. - *Nhất sĩ, nhì nông*: Sự sắp hạng trong xã hội: hạng nhất là người học trò, hạng nhì là người làm ruộng. - *Tần tảo*: Chỉ sự làm lụng vất vả và đảm đang của phụ nữ.

- **Câu đố vui.**

Họ Nhà "Cà" (xem giải đáp trang 79)

- | | |
|-----------------------|----------------------|
| 1. Cà gì lạnh ngắt ? | 2. Cà gì khó đi ? |
| 3. Cà gì thấy sợ ? | 4. Cà gì lấp lánh ? |
| 5. Cà gì lang thang ? | 6. Cà gì không hột ? |
| 7. Cà gì nổ đòn ? | 8. Cà gì một hột ? |
| 9. Cà gì nhăn nhó ? | 10. Cà gì khó nói ? |
| 11. Cà gì thấy ghét ? | 12. Cà gì đỏ chét ? |
| 13. Cà gì khó người ? | Đố mà tìm ra ! |

Bài làm ở nhà 12

• Điền vào chỗ trống.

Hãy tìm danh từ, động từ hay tính từ để điền vào những câu còn trống cho hợp nghĩa.

- 1- Vì tương lai chúng ta phải chăm chỉ _____.
- 2- Ở nhà mẹ _____ cho cả nhà ăn.
- 3- Chị em Mai _____ bằng xe đạp.
- 4- Thầy cô _____ dễ hiểu.
- 5- Học trò _____ năng học bài.
- 6- Bà _____ em bé ngủ.
- 7- Ông _____ chuyện cổ tích cho các cháu nghe.
- 8- Thợ _____ đóng bàn ghế gỗ.
- 9- Thợ hồ xây cát _____ cho mọi người ở.
- 10- Có công _____ sắt có ngày nên kim.
- 11- Trọng _____ mới được làm thầy. (Tục ngữ)
- 12- Người khôn ăn _____ thật thà,
Tuy là nói ít nhưng mà thâm sâu. (Tục ngữ)

• Câu hỏi:

Trả lời các câu hỏi theo bài “Lời Xưa”

1. Tìm xuất xứ bài “Lời Xưa”?
2. Cảnh ải Nam Quan như thế nào? Gọi cho tác giả điều gì?
3. Nguyễn Phi Khanh khuyên con những gì?
4. Lời căn dặn của người cha già Nguyễn Phi Khanh đã mang đến kết quả gì?
5. Tìm đại ý bài “Lời Xưa”.

- **Tập đọc & Chính tả.**

Làm Cơm

Sáng Chủ Nhật, Mai giúp mẹ làm bếp. Bà Hiền bảo con:

- “Mai nấu cơm và pha trà nhé ! Mẹ làm món ăn.”

Mai lấy gạo ra vo . . . Rồi cô bật điện hai bếp để đun nước và đặt nồi nấu cơm. Vừa trông chừng bếp, cô vừa súc ấm để pha trà. Bà Hiền thái thịt heo để kho với nước dừa, làm cá nấu với dưa chua. Rồi bà rửa mấy bì đậu, đem cắt miếng để rán.

Mai nấu cơm và pha trà xong thì nhặt rau diếp và rau thơm.

Lát sau, mâm cơm đã xong. Những miếng đậu rán phồng vàng, bát canh cá bốc hơi thơm làm cho Tâm và Oanh càng thêm đói bụng.

Theo tài liệu Bộ Quốc Gia Giáo Dục, V.N.C.H.

Giải nghĩa:

- *Nhóm lửa:* Bắt đầu đốt lửa. - *Bì đậu:* Một miếng đậu sống mua ở tiệm (làm bằng đậu nành). - *Rán:* Chiên.

- **Bài Tập:**

- 1- Giải nghĩa: Làm cơm, làm món ăn, thái thịt.
- 2- Tìm ba từ ghép có tiếng “làm” và đặt ba câu vừa tìm.
- 3- Tìm ba tính từ ghép và đặt ba câu.

- **Tập chép & Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần và chép mỗi bài một lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc và chính tả:

“Lời Xưa” và “Làm Cơm”

BÀI MƯỜI BA

◆ Bài giảng - Chính tả.

Nhà Bác Học Thomas A. Edison

Năm 1877, ông Thomas A. Edison, nhà bác học Hoa Kỳ đã làm thế giới phải ngạc nhiên khi ông sáng chế ra máy hát, thu và phát được tiếng người. Sau đó, người ta lại kinh ngạc một lần nữa khi ông **phát minh** ra đèn điện, sáng tỏ như ban ngày. Rồi tới máy quay phim, thứ máy đã đảo lộn cả thế giới **ngộ lạc**.

Ông Edison thường chỉ chợp mắt một lúc trên chiếc giường sắt kê trong phòng thí nghiệm sau bao giờ mê mải tìm tòi. Mặc dù bị điếc trước mười tám tuổi và chỉ đi học có vài tháng, ông Edison đã để lại cho **hậu thế** hơn một ngàn loại phát minh. Ông hoàn bị **máy điện tín**, máy chữ và phát minh ra thứ đèn bão cho thợ mỏ dùng dưới hầm.

Nhà **thiên tài** đó đã nêu được nhiều **thành tích** bằng cách nào? Và sự bí mật của thành công đó là gì? Ông Edison giải đáp những thắc mắc đó bằng một câu giản dị: “Đó là khả năng chịu khó bám sát vào sự vật.”

Đêm 18 tháng 10 năm 1931 là đêm **cử hành** đám tang ông Edison. Tất cả đèn điện trên đất Hoa Kỳ đều tắt trong một phút để tỏ **lòng ai điếu** con người đã đem ánh sáng cho Mỹ quốc năm mươi hai năm về trước.

Theo Thế Giới Tự Do

Giải nghĩa:

- **Nhà bác học:** Người học rộng, biết nhiều. - **Phát minh:** Tìm ra cái gì mới có ảnh hưởng tới xã hội. - **Ngộ lạc:** (Ngộ: hơi khác lạ -- Lạc: vui), ý nói thích thú. - **Hậu thế:** Thế hệ sau. - **Máy điện tín:** Máy dùng kí hiệu Morse để liên lạc. - **Thiên tài:** Tài năng nổi bật hơn hẳn mọi người (như là trời phú cho). - **Thành tích:** Việc làm có kết quả rõ rệt. - **Cử hành:** (Cử: cất lên -- Hành: làm), ý nói bắt đầu làm lễ. - **Lòng ai điếu:** Lòng thương xót người đã chết.

• **Bài tập.**

I - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: NHÂN, NHAN hay NHANH

- 1- Em thích ăn bánh chưng có _____ thịt và đậu xanh.
- 2- Người lái xe _____ quá sẽ bị cảnh sát phạt.
- 3- Tôi xin trình bày một bài hát có _____ đề là “Lòng Mẹ”.
- 4- Các bạn hãy đi _____ chân lên kéo trẻ chuyến xe buýt.
- 5- Học hành chăm chỉ là nguyên _____ chính giúp em thi đậu.
- 6- Hàng quán _____ nhẵn bên đường.

- Đặt câu:

lòng nhân - nhan sắc - nhanh chóng

II - Thêm dấu trên các tiếng in nghiêng:

- 1- Chồng *gian* thì vợ làm lành,
Miệng *cuoi* chúm chim: Thừa anh giận gì !
- 2- Ở cho có *đuc* có nhân,
Mới mong *đoi* trị được ăn lộc trời.
- 3- Vi nhân *bat* phú,
Vi *phu* bắt nhân. (Thành ngữ)
- 4- Con có cha như *nha* có nóc,
Con không cha như *nong* nọc đứt đuôi.
- 5- Ai ơi chớ *voi* cười nhau,
Cười người hôm *truoc* hôm sau người cười.

- Đặt câu:

Viết mỗi câu có tiếng: **NHÂN, NHAN** và **NHANH**

Giải nghĩa:

- *Nhan đề:* Đầu đề. - *Nhanh chân:* Bước mau. - *Nguyên nhân:* Cái có đầu tiên gây ra một sự việc. - *Vi nhân bắt phú, vi phú bắt nhân:* Làm điều tốt thì không giàu, mà hễ làm giàu thì thường làm điều xấu. - *Nhan sắc:* Sắc đẹp trên mặt người.

- **Việt sử.**

Văn Học Thời Vua Lê Thánh Tôn

Nhờ thời gian dài sống trong hòa bình, văn học Việt đã phát triển mạnh và tiến bộ. Vua Lê Thánh Tôn (1460-1497) sai ông Ngô Sĩ Liên viết bộ Đại Việt Sử Kí gồm hai bộ. Bộ đầu có 5 quyển từ thời Hồng Bàng đến Thập Nhị Sứ Quân. Bộ sau có 10 quyển từ thời Đinh Tiên Hoàng tới Lê Thái Tổ. Vua sai các quan ở các vùng vẽ lại địa đồ núi, sông và chép sự tích của mỗi địa phương và gửi về **bộ Hộ** để làm quyển địa dư cho nước ta. Nhà vua định lại phép **thi Hương, thi Hội** để tuyển chọn nhân tài. Ngài thường làm chủ khảo các kì **thi Đình** để chọn tiến sĩ và mở rộng nhà Thái học. Phía trước là nhà Văn Miếu, phía sau là nhà Thái Học, ngài còn cho làm thêm các phòng ốc cho sinh viên ở, kho Bí Thư để chứa sách. Sự học càng ngày càng mở mang thêm. Năm 1462, cả 12 **trường thi** có tới 60.000 người dự thi. Vào năm 1484, nhà vua cho dựng 11 tấm bia tiến sĩ tại Văn Miếu thành Thăng Long. Trong số người trẻ tuổi thi đậu, có Tiến Sĩ Nguyễn Nhân Thiệp (15 tuổi), Trạng Nguyên Vũ Kiệt (20 tuổi). Nhà vua thường ngâm thơ, cùng với triều thần lập ra Quỳnh Uyển Cửu Ca có cả thầy là 28 người cùng nhau ngâm thơ. Ngài còn sai ông Thân Nhân Trung và Đỗ Nhuận làm bộ Thiên Nam Dư Hạ Tập gồm 100 quyển, về hình luật đời Hồng Đức. Ngài cũng làm ra quyển Thân Chính Kí Sự, kể lại việc ngài đi đánh Chiêm Thành, Lão Qua và Mường.

Giải nghĩa:

- **Bộ Hộ:** Một cơ quan chuyên lo việc trong nước. - **Thi Hương:** Người đậu gọi là Cử Nhân, đậu vớt gọi là Tú Tài. - **Thi Hội:** Kì thi sau khi đậu kì thi Hương. Người đậu gọi là Tiến Sĩ (hay ông Nghè). - **Thi Đình:** Kì thi sau khi đậu thi Hội, chỉ lấy có ba người. Đậu đầu gọi là Trạng Nguyên, đậu kế gọi là Bảng Nhôn và sau chót là Thám Hoa. - **Trường thi:** Trung tâm khảo thí.

- **Giải đáp.**

- | | | |
|--------------|-------------|-----------------------|
| 1- Cà rem | 2- Cà thọt | 3- Cà nông (súng lớn) |
| 4- Cà rá | 5- Cà bông | 6- Cà rớt |
| 7- Cà pháo | 8- Cà na | 9- Cà răng |
| 10- Cà lăm | 11- Cà chón | 12- Cà chua |
| 13- Cà cuống | | |

Bài làm ở nhà 13

• Điền vào chỗ trống.

Hãy tìm danh từ, động từ hay tính từ để điền vào những câu còn trống cho hợp nghĩa.

- 1- Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá _____, bông _____ lại chen nhị vàng . . . (Ca dao)
- 2- Hôm nay trời _____ trên 100⁰ F.
- 3- Bác sĩ _____ rồi biên toa thuốc cho bệnh nhân.
- 4- Nhạc sĩ _____ những bản nhạc cho ca sĩ hát.
- 5- Nha sĩ chữa _____ cho những ai bị đau răng.
- 6- Hôm nay nắng to mà trời lại _____.
- 7- Gân mực thì _____, gân đèn thì _____. (Tục ngữ)
- 8- _____ giữ gìn an ninh trật tự trong thành phố.
- 9- Ca sĩ _____ những bài hát trước khán thính giả.
- 10- Chúng ta phải kính trọng các cụ _____.
- 11- _____ bào chữa cho các tội nhân ở tòa án.
- 12- Núi đồi ở Việt Nam không _____ lắm.

• Câu hỏi:

Trả lời các câu hỏi theo bài “**Thomas A. Edison**”

1. Tìm xuất xứ bài "Thomas A. Edison"?
2. Năm 1877, ông Thomas A. Edison đã sáng chế ra máy gì ?
3. Hãy kể thêm các phát minh của ông Edison ?
4. Ông trả lời về bí mật của sự thành công như thế nào ?
5. Khi ông mất, người ta tỏ lòng thương xót ông bằng cách nào ?
6. Tìm đại ý bài "Thomas A. Edison".

Chép lại và thêm dấu.**Rau Muống**

Ở Việt Nam, rau muống mọc trên các ao hồ, là loại rau dân chúng rất hay ăn. Người ta hái và bó (cột) nhiều ngọn với nhau thành từng mớ hay bó. Các ngọn rau có nhiều lá. Người ta nhặt nhưng lá sau, lá ưa và bỏ củống già đi rồi đem luộc hoặc xào hay nấu canh. Xào rau thì phải dùng dầu ăn hay mỡ và thường cho thêm tỏi hoặc thịt bò. Nấu canh thường nấu với tôm hay thịt heo. Rau muống luộc chấm với tương ăn rất ngon. Con nước luộc rau đem chan (trộn) vào cơm mà ăn với cà pháo cũng thú vị.

Theo Quốc Văn Giáo Khoa Thư

Giải nghĩa:

- **Bó (cột):** Dùng dây buộc nhiều vật lại với nhau. - **Tương:** Một loại nước chấm làm bằng đậu nành. - **Chan (trộn):** Cho dấm nước vào bát cơm. - **Cà pháo:** Một loại cà quả nhỏ bằng đầu ngón tay màu trắng hoặc hơi tím, đem muối ăn rất giòn (như pháo nổ).

• Bài tập.

- 1- Giải nghĩa: mớ rau, nhặt rau, xào rau.
- 2- Tìm ba từ ghép có tiếng “rau” và đặt ba câu.
- 3- Tìm hai tính từ và hai động từ trong bài trên.
- 4- Trong những từ sau đây, hãy chép lại từ nào được coi là viết đúng chính tả:

Cỏ mọc xanh rì	hay	cỏ mọc xanh rì
Người ta hái rau	hay	người ta háy rau
Xào rau thì phải dùng giầu ăn	hay	xào rau thì phải dùng dầu ăn
Người thợ làm việc tỉ mỉ	hay	người thợ làm việc tỉ mỉ

• Tập làm văn:

Tả quang cảnh những ngày hội chợ Tết (bài dài hơn 350 từ).

- **Hình ảnh quê hương.**

Một Thứ Quà Của Lúa

Cơn gió mùa hè lướt qua đám sen trên hồ, đem theo mùi thơm của lúa, như báo trước về mùa của một thứ quà *thanh nhã* và *tinh khiết*.

Các bạn đã nghĩ thấy gì khi đi qua những cánh đồng lúa xanh ? Kìa những hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, thoảng hương thơm của bông lúa đầu mùa. Trong cái vỏ xanh kia, một giọt sữa trắng thơm *phảng phất hương vị* ngàn hoa cỏ.

Dưới ánh nắng, giọt sữa dần dần đông lại, bông lúa càng ngày càng cong xuống, nặng vì cái chất quý trong sạch của trời.

Thạch Lam

Giải nghĩa:

- *Thanh nhã*: Trông đẹp, ưa nhìn. - *Tinh khiết*: Trong sạch. - *Phảng phất*: Thoảng qua. - *Hương vị*: Mùi vị thơm.

- **Viết sử.**

Trả lời các câu hỏi theo bài “**Văn Học Thời Vua Lê Thánh Tôn**”

- 1- Kể tên bộ sử viết dưới thời vua Lê Thánh Tôn ?
- 2- Nhà vua cho dựng bia tiến sĩ để làm gì ?
- 3- Ai soạn ra bộ Thiên Nam Dư Hạ Tập ?
- 4- Ai soạn ra quyển Thân Chính Kí Sự ?

- **Tập chép & Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần và chép mỗi bài một lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc và chính tả:

“**Nhà Bác Học Thomas A. Edison**” và “**Một Thứ Quà Của Lúa**”.

BÀI MƯỜI BỐN

♦ Bài giảng - Chính tả.- Học thuộc lòng.

Cách Ăn Ở

Ở cho có *đức* có *nhân*,
 Mới mong *đời trị* được ăn *lộc* trời.
 Thương người *tắt tả ngược xuôi*,
 Thương người *lỡ bước*, thương người *bơ vơ*.
 Thương người ôm đất trẻ thơ,
 Thương người tuổi tác già nua *bần hàn*.
 Thương người *cô quả, cô đơn*,
 Thương người đói rách lâm than kêu đường.
 Thấy ai đói rét thì thương,
 Rách thương cho mặc, đói thương cho ăn.
 Thương người như thể thương thân,
 Người ta *phải bước* khó khăn đến nhà.
 Đồng tiền bát gạo mang ra,
 Rằng đây cần kiệm gọi là *làm duyên*. . .

Nguyễn Trãi
(Gia Huấn Ca)

Giải nghĩa:

- **Đức:** Cách ăn ở hiền lành, hợp với đạo lý. - **Nhân:** Lòng thương người. - **Đời trị:** Xã hội yên ổn và trật tự. - **Lộc:** Được hưởng kết quả như ý. - **Tắt tả:** Dáng đi nhanh, vội vàng, vất vả. - **Ngược xuôi:** Theo chiều hướng ngược nhau. - **Lỡ bước:** Gặp không may. - **Bơ vơ:** Lẻ loi, không nơi nương tựa. - **Bần hàn:** Nghèo khổ và đói rét. - **Cô quả:** Con có cha mẹ chết, vợ có chồng chết (có nhi và quả phụ). - **Cô đơn:** Chỉ có một mình. - **Phải bước:** Gặp lúc. - **Làm duyên:** Ý ở đây là cơ hội giúp đỡ làm quen do một duyên cớ nào đó.

• **Bài tập.**

I - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: HÀN, HÀNG hay HÀNH

- 1- Hôm nay trời nóng quá, _____ thữ biểu chi 95⁰ F (35⁰ C).
- 2- Học sinh phải sắp _____ ngay ngắn trước khi vào lớp.
- 3- Bác Ba có một cửa _____ tạp hóa ở San Jose.
- 4- Má em thường đi _____ hương.
- 5- Vũ là một thợ _____ rất giỏi.
- 6- Khi gặp người _____ khát, em nên giúp đỡ.

Đặt câu:

bản hàn - cửa hàng - khách bộ hành

II - Thêm dấu trên các tiếng in nghiêng:

- 1- Nhiều điều phủ lầy *gia* gương,
Người trong một *nuoc* phải thương nhau cùng.
- 2- Thương thì *qua* ầu cũng tròn,
Không thương thì bò hòn cũng *meo*.
- 3- Nhà khó cậy *vo* hiền,
Nước loạn nhờ *tuong* giỏi.
- 4- Nhập gia *tuy* tục,
Nhập giang tùy *khuc*.
- 5- Sai một li, đi *mot* dặm.

Đặt câu:

Viết mỗi câu có tiếng: **HÀN, HÀNG hay HÀNH**

Giải nghĩa:

- **Hàn thữ biểu:** Dụng cụ đo nhiệt độ. - **Cửa hàng tạp hóa:** Tiệm bán nhiều đồ lặt vặt. - **Đi hành hương:** Đi thăm di tích của một tôn giáo. - **Giá:** Đồ dùng để treo hay gác vật. - **Nhập gia:** Vào nhà. - **Nhập giang:** Vào sông.

- **Địa lí.**

Cố Đô Huế

Huế từ xa xưa đã được các chúa Nguyễn chọn làm **thủ phủ** của xứ “**Đàng Trong**” và chính thức trở thành kinh đô dưới thời vua Quang Trung Nguyễn Huệ.

Nằm ở bờ bắc sông Hương, toàn thể kiến trúc của cố đô Huế được xây dựng trên một diện tích hơn 500 **Hectare** đất. Ba vòng thành theo thứ tự từ ngoài vào trong gồm có: Kinh Thành, Hoàng Thành và Tử Cấm Thành. Kinh Thành được vua Gia Long xây dựng từ năm 1805 và sau đó được vua Minh Mạng tiếp tục hoàn thành vào năm 1832. Tại đó, các vua triều Nguyễn đã cho xây dựng khá nhiều thành quách, cung điện và các công trình của **hoàng gia**. Hoàng Thành (Đại Nội) nằm ở giữa Kinh Thành là nơi đặt các cơ quan cai trị của chế độ **quân chủ** và là nơi thờ tự các vua chúa đã **quá cố**. Tử Cấm Thành nằm trong Hoàng Thành là nơi dành riêng cho vua và gia đình vua.

Với các di tích kiến trúc và các thắng cảnh hùng vĩ, cố đô Huế đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới.

Giải nghĩa:

- **Thủ phủ:** Thành phố quan trọng nhất của một vùng. - **Đàng Trong:** Vùng đất phía Nam sông Gianh do chúa Nguyễn cai trị được chia cắt dưới thời Trịnh Nguyễn phân tranh (1558-1772). Vùng đất phía Bắc sông Gianh là “Đàng Ngoài” do chúa Trịnh cai trị - **Hectare:** Đơn vị diện tích bằng 100 are hay 10.000m². - **Hoàng gia:** Họ hàng nhà vua. - **Quân chủ:** Chế độ có vua đứng đầu. - **Quá cố:** Ý nói người đã chết.

- **Ca dao.**

1- Con đòng học thói chua ngoa,
Họ hàng ghét bỏ người ta chê cười.

2- Chim khôn tránh bẫy tránh dò,
Người khôn tránh tiếng hồ đồ mới khôn.

Bài làm ở nhà 14

• Điền vào chỗ trống.

Hãy tìm danh từ, động từ hay tính từ để điền vào những câu còn trống cho hợp nghĩa.

- 1- Nhà bác học chăm chú _____ trong phòng thí nghiệm.
- 2- Bức tranh _____ được mọi người ưa thích.
- 3- _____ lái máy bay chuyên chở hành khách.
- 4- _____ đo, cắt và may quần áo.
- 5- Mùa thu là mùa của lá _____ úa.
- 6- Y tá phụ _____ chữa trị cho bệnh nhân.
- 7- Ngọn núi _____ nhất ở Việt Nam là ngọn Hoàng Liên Sơn.
- 8- Thuyền trưởng chỉ huy _____ trên tàu.
- 9- _____ làm việc trong nhà máy hay hầm mỏ.
- 10- Thương gia mua _____ về bán cho mọi người mua dùng.
- 11- Quân nhân _____ bờ cõi, chống giặc ngoại xâm.
- 12- Mật _____ chết ruồi. (Tục ngữ)

• Câu hỏi.

Trả lời các câu hỏi theo bài “Cách Ăn Ở”

1. Tìm xuất xứ bài “Cách Ăn Ở”?
2. Muốn trở nên người có nhân có đức, ta phải cư xử như thế nào ?
3. Kể những người trong xã hội cần sự giúp đỡ của chúng ta ?
4. Khi có người gặp khó khăn đến nhà xin giúp đỡ, ta phải làm sao ?
5. Hãy kể những việc tốt mà em đã làm ?
7. Tìm đại ý bài “Cách Ăn Ở”.

Chép lại và thêm dấu.

Ông Già và Bốn Người Con

Một ông lão làm ruộng có bốn người con trai. Một hôm ông gọi cả bốn người con lại trước một cái bàn, trên để một bó đuợa và một túi bạc. Ông bảo rằng:

- “He con nào bê đợa đợc bó đuợa này thì ta cho túi bạc.”

Bốn người con, mỗi người thu một luợt, nhưng không ai bê đợc. Ông già ben coi bó đuợa ra, bê đợc tung chiefer một nhu chơi. Thay vậy, các con cùng lên tiếng:

- “Neu bê tung chiefer một thì đẽ chang kho gì, thua cha.”

Người cha bảo:

- “Nay các con, nhu thế thì các con nen nhớ: Muợn có sức mạnh phải hợp quần. Khi ta chết rồi, các con luôn nhớ đẽn chuyen bó đuợa này. Phải thương yêu và đùm bọc nhau thì mỗi đũ sức mạnh lam nhưng việc kho khan.”

Theo Quốc Văn Giáo Khoa Thư, V.N.C.H.

Giải nghĩa:

- **Túi bạc:** Túi đựng tiền. - **Hợp quần:** Đoàn kết lại với nhau. - **Sức mạnh:** Sự mạnh mẽ có thể đảm đương nhiều việc nặng, khó khăn.

Câu hỏi.

- 1- Giải nghĩa: ông lão, bó đuợa, bê gậy.
- 2- Tìm ba từ ghép có tiếng “bê” và đặt ba câu.
- 3- Chép lại những câu văn tả hành đợng của người cha ?
- 4- Đặt câu với các từ: răn, rặng, gian, giang.

• Câu hỏi Địa lí.

- 1- Huế đợc chọn làm kinh đô dưới thời vua nào ?
- 2- Hãy tả Kinh Thành ?
- 3- Hãy tả Hoàng Thành ?
- 4- Hãy tả Tử Cấm Thành ?

- **Tập đọc & Chính tả.**

Thương Yêu Đồng Loại

Đã sinh ra ở trên đời, ai là người dám tự hào là mình không bao giờ gặp tai nạn hiểm nghèo ? Và lại lương tâm con người sẽ không cho phép ta khoanh tay ngồi nhìn đồng bào bị nạn !

Ngoài sự tàn phá về chiến tranh, lại còn bao nhiêu thiên tai khác lúc nào cũng sẵn sàng đổ xuống đầu mọi người. Vậy cho nên sự đoàn kết, lòng tương trợ phải được nêu cao để người nào cũng nhận thấy bổn phận của mình đối với đồng loại.

Trong lúc này, người Việt chúng ta phải coi nhau như chân tay. Phải chia sẻ cùng nhau mọi nỗi vui buồn. Phải yêu thương giúp đỡ lẫn nhau. Ngoài ra, mọi người hãy chung lưng, sát cánh với nhau để làm việc mới có thể sinh tồn được.

Doãn Quốc Sỹ

Giải nghĩa:

- **Đồng loại:** (đồng:cùng -- loại:loài) Ý ở đây là người cùng trong một nước. - **Tự hào:** Lấy làm hài lòng về cái tốt đẹp mà mình có. - **Hiểm nghèo:** Nguy hiểm đến mức khó thoát khỏi tai họa. - **Lương tâm:** Lòng thiện (tốt) con người sẵn có. - **Thiên tai:** Tai họa do trời gây nên (bão, lụt, động đất, núi lửa). - **Sinh tồn:** Sống còn, không để bị tiêu diệt.

- **Tập làm văn:**

Tả quang cảnh ngày phát phần thưởng của trường Việt Ngữ Văn Lang (bài dài hơn 350 từ).

- **Tập chép & Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần và chép mỗi bài một lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc và chính tả:

“Cách Ăn Ở” và “Thương Yêu Đồng Loại”.

BÀI THI MẪU CUỐI KHÓA

Thầy cô dùng bài thi mẫu này để soạn đề thi mà các em đã học trong các tuần lễ vừa qua

1. Chính tả.

Viết một trong ba bài tập đọc hay chính tả do thầy cô chỉ định trước cho các em.
Tìm đại ý bài chính tả.

2. Học thuộc lòng.

- Viết một trong hai bài học thuộc lòng:
 - a- Đầu bài:
 - b- Đầu bài:
- Tìm đại ý bài học thuộc lòng.

3. Văn phạm.

- Định nghĩa động từ và đặt hai câu ví dụ.
- Định nghĩa tính từ và đặt hai câu ví dụ.

4. Đặt câu.

Đặt hai câu với mỗi tiếng sau đây:
dại khờ - dậy trưa - dạy học

5. Tìm từ, đặt câu.

Tìm ba từ ghép có tiếng "nhà" và đặt ba câu.

6. Sử kí.

Soạn ba câu hỏi.

7. Địa lí.

Soạn ba câu hỏi.

8. Tập làm văn.

Chọn một trong hai đề sau:
a- Tả cây.
b- Tả cảnh.



NGŨ VỤNG ĐÁ HỌC

A

Ái Nam Quan: Cửa ải biên giới giữa Việt Nam và Trung Hoa.

Ân cần: Niềm nở, chu đáo.

Áo cánh: Áo ngắn tay mặc vào mùa hè.

Âu yếm: Biểu lộ tình yêu thương dịu dàng bằng hành động, cử chỉ, lời nói.

B

Bần hàn: Nghèo khổ và đói rét.

Bán nguyệt: Nửa mặt trăng, ý nói nửa vòng tròn.

Ban sơ: Lúc đầu.

Bảo tàng: Lưu giữ những hiện vật có giá trị lịch sử, văn hóa, văn minh.

Bao trùm: Bao phủ tất cả.

Bát ngát: Rộng lớn, bao la.

Bìu đậu: Một miếng đậu sống mua ở tiệm (làm bằng đậu nành).

Bia: Tấm đá lớn có khắc chữ để làm mộ chí hoặc khắc những điều để người đời ghi nhớ.

Bình diện: Khía cạnh về sự việc.

Bình Ngô Đại Cáo: Bản công bố cho quốc dân về việc đánh đuổi giặc Ngô (Trung Hoa) ra khỏi nước.

Bó (cột): Dùng dây buộc nhiều vật lại với nhau.

Bộ Hộ: Một cơ quan chuyên lo việc trong nước.

Bơ vơ: Lẻ loi, không nơi nương tựa.

Bỏ: Xê ra.

Bổn phận: Trách nhiệm phải làm.

C

Cà pháo: Một loại cà quả nhỏ bằng đầu ngón tay màu trắng hoặc hơi tím, đem muối ăn rất giòn (như pháo nổ).

Cảm động: Cảm thấy thương (khi thấy cảnh nghèo khổ của người khác).

Cám vàng bên nhau: Ý nói hàng tốt hay đắt tiền được bán liền bên hàng rẻ tiền hay hàng xấu.

Cảm xúc: Rung động trong lòng do tiếp xúc với sự việc gì.

Cân cam sành: Một kí lô (2.2 lbs) cam loại vỏ dày và sần sùi.

Cần thiết: Rất cần phải có mới được.

Cảnh vật: Những gì bày ra trước mắt ta.

Cất: Dựng lên.

Câu đối: Đồ trang trí treo thành cặp song song gồm hai tấm bằng gỗ hay vải hoặc giấy dài trên có viết câu đối.

Cầu kì: Khác thường, không giản dị.

Cậu còn gọi là **bác:** Anh hoặc em trai ruột của má.

Cô đơn: Chỉ có một mình.

Cổ nhân: Người xưa, bạn cũ.

Cô nhi viện: Nhà nuôi trẻ mồ côi.

Cô quả: Con có cha mẹ chết, vợ có chồng chết (cô nhi và quả phụ).

Cơ quan: Bộ phận chính trong cơ thể con người.

Công chúa: Con gái vua.

Công chúa: Con gái vua.

Cử hành: (Cử: cất lên -- Hành: làm), ý nói bắt đầu làm lễ.

Cửa hàng tạp hóa: Cửa tiệm bán nhiều mặt hàng.

Cửa hàng tạp hóa: Tiệm bán nhiều đồ lặt vặt.

Cung: Nơi vua ở.

CH

Chan (trộn): Cho dấm nước vào bát cơm.

Chào đời: Sinh ra.

Chia rẽ: Làm cho xa nhau, không đoàn kết.

Chiếm đóng: Dem quân đi chiếm đất đai của nước khác.

Chiêu mộ: Tập hợp người để làm một việc gì.

Chợ Bến Thành: Tên của một chợ thuộc thành phố Sài Gòn, Việt Nam.

Chóp chép: Nhóp nhép, chép miệng

D

Dại dột: Thiếu khôn ngoan.

Dán hình: Dùng keo dính hình vào.

Dán mắt: Nhìn đăm đăm, chăm chú.

Dan tay: Nắm tay nhau.

Dang nắng dầm mưa: Chịu cực khổ, làm việc dưới mưa và nắng.

Dang: Một loại cây leo trên rừng.

Dáng người: Tướng người.

Danh lam thắng cảnh: Nơi có di tích nổi tiếng hoặc có phong cảnh đẹp.

Danh lợi: Danh tiếng và lợi lộc cá nhân.

Dát: Làm mỏng kim loại bằng cách đập, cán; gắn từng mảnh trên bề mặt, thường để trang trí.

Di sản thiên nhiên: Giá trị tinh thần và vật chất về thiên nhiên của văn hóa thế giới.

Di sản văn hóa: Giá trị tinh thần và vật chất của nền văn minh thế giới.

Diễn tả: Làm cho nội dung, tư tưởng, tình cảm được tỏ rõ bằng ngôn ngữ.

Dụng binh: Tài điều khiển quân sĩ, tài bày mưu đánh trận.

Duyên dáng: Có duyên, trông xinh xắn, dễ ưa.

Dượng (hay chú): Chồng của dì.

Đ

Đại bại: Thua to, thua trận hoàn toàn.

Đại dương: Biển lớn như Thái Bình Dương.

Đãi: Mời ăn.

Đàng Trong: Vùng đất phía Nam sông Gianh do chúa Nguyễn cai trị được chia cắt dưới thời Trịnh Nguyễn phân tranh (1558-1772). Vùng đất phía Bắc sông Gianh là "Đàng Ngoài" do chúa Trịnh cai trị

Đàng: Đường đi.

Đạo tặc: Trộm cướp.

Đạt được: Có được.

Đất khách: Ý nói nước Trung Hoa.-

Đầu hàng: Xin chịu thua, phục tùng.

Đậu phộng: Còn gọi là đậu phụng hay lạc.

Đê mê: Say mê, thích thú.

Đệ nhất công thần: Vị quan có công nhất trong triều đình.

Đệm lụa: Lót lụa ở giữa cho êm.

Đền đáp: Trả lại tương xứng những gì người khác làm cho mình.

Đi hành hương: Đi thăm di tích của một tôn giáo.

Điều trị: Chữa bệnh.

Đô hộ: Nắm giữ và điều khiển tất cả bộ máy chính quyền.

Đối đáp: Trả lời lại, cư xử với người chung quanh.

Đời đời: Mãi mãi, luôn luôn.

Đời trị: Xã hội yên ổn và trật tự.

Đồng loại: (đồng:cùng -- loại:loài) Ý ở đây là người cùng trong một nước.

Đức: Cách ăn ở hiền lành, hợp với đạo lí.

E

Em ho ngực mẹ tan tành: Khi con ho thì mẹ cũng cảm thấy đau ngực như con.

G

Gặt: Cắt lúa chín.

Gốc rễ: Phần dưới thân cây lúa, gần đất, có rễ.

Gọi lên: Nhớ đến.

Gọi tả: Gọi lên bằng hình tượng cho có thể hình dung được.

GH

Ghế bành: Ghế rộng, có lưng tựa và chỗ để tay ở hai bên.

GI

Gia tộc: Gồm nhiều gia đình có cùng một tổ tiên.

Giá: Đồ dùng để treo hay gác vật.

Giặc Minh: Giặc Tàu.

Giấc mộng: Những điều thấy trong giấc ngủ.

Giác quan: cơ quan cho biết cảm giác.

Gian dối: Dối trá, gian xảo.

Gian khổ: Vất vả và khổ sở.

Gian nhà: Ngôi nhà nhỏ.

Giang hồ: Phiêu lưu, nay đây mai đó.

Giáng phúc: Ôn trên ban phúc xuống.

Giáng sinh: Ra đời (nói về Chúa Jesus).

Giang sơn: Sông và núi, đất đai của một nước.

Giang tay ra: Giang tay nắm vào nhau.

Giang: Một loại tre.

Giáo đường: Nhà thờ.

Giới trẻ: Nhóm người trẻ tuổi.

H

Hà hiếp: Lấn áp, đè nén bằng quyền lực.

Hải sản: Các vật lấy từ biển như cá, tôm, cua . . .

Hàn thử biểu: Dụng cụ đo nhiệt độ.

Hào hùng: Có khí thế mạnh mẽ và sôi nổi.

Hào kiệt: Người có tài năng và chí khí hơn người bình thường.

Hậu thế: Thế hệ sau.

Hệ: Dòng tộc.

Hectare: Đơn vị diện tích bằng 100 are hay 10.000m².

Hi sinh: Chịu mất mát để làm một việc cao đẹp.

Hi vọng: Trông mong, mong chờ.

Hiểm nghèo: Nguy hiểm đến mức khó thoát khỏi tai họa.

Hiên ngang: Vững vàng, tự tin.

Hiếu: Lòng kính yêu và biết ơn.

Họ ngoại: Họ hàng bên mẹ.

Họ nội: Họ hàng bên cha.

Hoa đại: Hoa mọc ngoài đồng không ai trồng.

Hòa thuận: Sống vui vẻ với nhau, không có cãi cọ.

Hoa văn: Hình trang trí có tính đặc thù của từng vùng.

Hoài: Mãi không ngừng.

Hoàng gia: Họ hàng nhà vua.

Hoang mang: Sợ sệt và bối rối.

Hoành phi: Biển gỗ khắc chữ Hán thường treo ngang giữa gian nhà để thờ hay trang trí.

Hồn nhiên: An nhiên.

Hôn tới tấp: Hôn liên tiếp, không ngừng.

Hồng hào: Đỏ hồng.

Hồng hồng: Hơi hồng.

Hồng Thập Tự: Hội Chữ Thập Đỏ.

Hông: Mong.

Hợp quân: Đoàn kết lại với nhau.

Huấn luyện: Giảng dạy và luyện tập.

Hùn hạp: Góp chung lại.

Hùn vốn: Góp chung tiền vốn với nhau.

Hùng đông: Trời vừa hé sáng.

Hùng hực: Bốc lên mạnh mẽ, liên tục.

Hưng thịnh: Phát triển tốt đẹp và giàu có.

Hùng vĩ: To lớn, tạo nên ấn tượng mạnh mẽ, hùng dũng.

Hương vị: Mùi vị thơm.

Hữu dụng: Có ích.

K

Kết Quả: Sự thành tựu của một việc làm

Kỉ niệm: Những sự việc đã qua đáng ghi nhớ.

Kiến thức: Tầm hiểu biết do sự học hỏi.

Kiến trúc: Xây dựng theo kiểu mẫu có tính nghệ thuật.

Kim Lăng: Một tỉnh bên Trung Hoa.

Kính trọng: Tôn trọng và quý mến.

Kính: Tôn trọng người nhiều tuổi hơn mình.

KH

Khắc nghiệt: Gắt gao đến mức khó chịu đựng được.

Khai trương: Ngày đầu tiên mở tiệm.

Khế ước: Giấy giao kèo về việc mua bán, thuê mượn.

Khí thế: Sức mạnh tinh thần.

Khiêm tốn: Không tự kiêu, tự mãn.

Khiêu chiểu: Giả vờ đánh để khiêu khích.

Khởi nghĩa: Tập hợp lực lượng nổi dậy, lật đổ chế độ đang đô hộ.

Không dung: Không tha thứ.

Khúc khuỷu: quanh co liên tiếp một quãng dài.

L

Làm duyên: Ý ở đây là cơ hội giúp đỡ làm quen do một duyên cớ nào đó.

Lâm nhảm: Nói nhiều mà không có ý nghĩa gì.

Lâm sản: Các vật lấy từ rừng như gỗ, nầm . . .

Lảng vảng: Còn quanh quẩn.

Lên lon: Được lên chức cao hơn.

Lỡ bước: Gặp không may.

Lòa xòa: Lòng thông, xõa xuống.

Lộc: Được hưởng kết quả như ý.

Lời tâm huyết: Lời nói phát xuất từ đáy lòng.

Lòng ai điều: Lòng thương xót người đã chết.

Long lanh: Lóng lánh, nhấp nháy.

Lông mao: Lông của loài vật.

Lòng mẹ như bình nước sôi: Lòng người mẹ cũng cảm thấy nóng như bình nước sôi vậy vì người mẹ nóng lòng sốt ruột mong cho con chóng khỏi bệnh.

Lòng nhơn: Lòng thương người.

Lông vũ: Lông của loài chim.

Lông: Đặt vào trong

Luật gia: Người chuyên nghiên cứu pháp luật.

Lực điền: Người nông dân khỏe mạnh.

Lương tâm: Lòng thiện (tốt) con người sẵn có.

Lướt thướt: Ý nói còn trải dài một cách yếu ớt.

Lưu thông: Máu chảy đi khắp nơi

Lý Thái Tổ: Tức là vua Lý Công Uẩn khai sáng nhà Hậu Lý. Trị vì từ năm 1010 đến năm 1028. –

M

Mà cả: Mặc cả, trả giá thấp hơn giá người bán nói.

Mãng: Mạnh to.

Máy điện tín: Máy dùng kí hiệu Morse để liên lạc.

Mày ngài: Lông mày đậm giống như mình con ngài.

Mồ côi: Đứa trẻ bị chết cha hay mẹ hoặc cả cha mẹ.

Mợ: Vợ của cậu.

Mộc mạc: Giữ được nguyên tính tự nhiên.

Mục đồng: Trẻ chăn trâu.

N

Nam chinh: Đánh nhau về hướng Nam.

Nạm kim tuyến: Có gắn chỉ vàng óng ánh.

Nâng niu: Chăm chút, yêu quý.

Năng: Thường thường.

Nao nức: Rộn ràng, xốn xang.

Náo nhiệt: Nhộn nhịp, nhiều hoạt động ồn ào.

Non sông gấm vóc: Ý nói đất nước đẹp và quý giá.

Nuôi dưỡng: Cho ăn, dạy dỗ ân cần.

Nuốt lệ: Ngăn dòng nước mắt.

NG

Ngại khó: Sợ khó khăn.

Ngất ngưỡng: Cheo leo, không vững.

Ngày mai: Ngày sau trong tương lai.

Ngầy ngật: Chóng mặt, hơi say.

Ngày ngày: Hàng ngày.

Ngộ lạc: (Ngộ: hơi khác lạ -- Lạc: vui), ý nói thích thú.

Ngộ quá: Lạ quá.

Ngủ mê man: Ngủ rất say, không biết gì cả.

Ngục: Nhà tù.

Ngược xuôi: Theo chiều hướng ngược nhau.

Người thiên cổ: người chết.

Nguyên nhân: Cái có đầu tiên gây ra một sự việc.

NH

Nhà bác học: Người học rộng, biết nhiều.

Nhan đề: Đầu đề.

Nhan hiểm: Ác độc ngầm, không thể biết trước được.

Nhan sắc: Sắc đẹp trên mặt người.

Nhân: Lòng thương người.

Nhân nghĩa: Thương người và yêu chuộng lẽ phải.

Nhân từ: Hiền lành, có lòng thương người.

Nhanh chân: Bước mau.

Nhập gia: Vào nhà.

Nhập giang: Vào sông.

Nhất sĩ, nhì nông: Sự sắp hạng trong xã hội: hạng nhất là người học trò, hạng nhì là người làm ruộng.

Nhiễm trùng: Bị vi trùng gây bệnh.

Nhóm lửa: Bắt đầu đốt lửa.

PH

Phải bước: Gặp lúc.

Phẩm giá: Giá trị riêng của con người.

Phăng phất: Thoảng qua.

Phát minh: Tìm ra cái gì mới có ảnh hưởng tới xã hội.

Phất phới: Bay qua lại theo chiều gió.

Phi lao: Loại cây thông trồng để lấy bóng mát và để giữ cát ở các bãi biển.

Phì nhiêu: Đất tốt, nhiều màu mỡ.

Phò mã: Con rể vua.

Phong hóa : Phong tục, tập quán và nếp sống của một xã hội.

Phong lưu: Khá giả, giàu có.

Phong tước: Ban cho chức tước, quyền hành.

Phụng dưỡng: Chăm sóc, nuôi dưỡng cho người bề trên (cha mẹ).

QU

Quá cố: Ý nói người đã chết.

Quân chủ: Chế độ có vua đứng đầu.

Quan tái: Quan ải.

Quang cảnh: Cảnh vật và những hoạt động quanh đó.

Quang đãng: Sáng sửa.

Quanh năm suốt tháng: Suốt năm suốt tháng.

Quanh quất: Gần bên chứ không xa.

Quạnh quẽ: Vắng vẻ, gây cảm giác lạnh lẽo.

Quấy nhiễu: Phá phách, không để cho yên ổn.

Quây quần: Tụ họp lại, xúm xít lại trong không khí thân mật, đầm ấm.

Quốc Lão: Tiếng gọi kính trọng người tài đức có công với đất nước.

R

Răn dạy: Dạy bảo.

Rán: Chiên.

Ranh giới: Biên giới.

Ranh mãnh: Tinh ma, quỷ quái, hay chọc phá kẻ khác.

Rào rạt thương mến: Thương yêu rất nhiều.

S

Săn sóc: Trông nom chu đáo, tận tình.

Sáng sửa: Có nhiều ánh sáng chiếu vào.

Siêu việt: Vượt hẳn lên trên những cái thông thường.

Sinh tồn: Sống còn, không để bị tiêu diệt.

Sự tử: Sự chết.

Sức mạnh: Sức mạnh mẽ có thể đảm đương nhiều việc nặng, khó khăn.

Sum họp: Tụ họp lại một cách vui vẻ.

Sừng sững: Đứng thẳng, đứng trơ ra.

Sung túc: Đầy đủ về vật chất.

Sương mai: Hạt nước đọng lại lúc sáng sớm.

T

Tài nguyên: Nguồn lợi thiên nhiên như đất đai, hầm mỏ .

Tầm thước: Vừa phải, không cao, không thấp.

Tàn tảo: Chỉ sự làm lụng vất vả và đăm đàng của phụ nữ .

Tàn tật: Bị tật khiến cho mất khả năng hoạt động bình thường.

Tật nguyên: Tàn tật.

Tắt tả: Dáng đi nhanh, vội vàng, vất vả.

Tây chinh: Đánh nhau về hướng Tây.

Tê liệt: Không còn hoạt động được.

Tiến bộ: phát triển hơn, tốt hơn trước.

Tiến cử: Giới thiệu người có tài để làm việc.

Tiêu hóa: Biến thức ăn thành chất nuôi dưỡng cơ thể.

Tín hiệu: Dấu hiệu để thông tin, liên lạc.

Tín ngưỡng: Lòng tin, và sự tôn thờ một tôn giáo.

Tín nhiệm: Tin cậy mà giao phó công việc.

Tinh khiết: Trong sạch.

Tử biệt: Xa nhau khi chết.

Tư cách: Nói về đạo đức của một người.

Tự hào: Lấy làm hài lòng về cái tốt đẹp mà mình có.

Tù phạm: Người bị tù.

Tương: Một loại nước chấm làm bằng đậu nành.

Túi bạc: Túi đựng tiền.

TH

Tha thiết: Có tình cảm ân cần, đậm đà.

Thái Học Sinh: Tiến sĩ.

Thắng cảnh: Cảnh đẹp nổi tiếng.

Thanh bản: Nghèo mà trong sạch.

Thánh địa: Đất thánh.

Thanh nhã: Trông đẹp, ưa nhìn.

Thành phố du lịch: Thành phố có nhiều người tới thăm viếng vì có phong cảnh, đền đài, hoặc các sinh hoạt đặc biệt.

Thành tích: Việc làm có kết quả rõ rệt.

Thi Đình: Kỳ thi sau khi đậu thi Hội, chỉ lấy có ba người. Đậu đầu gọi là Trạng Nguyên, đậu kế gọi là Bảng Nhôn và sau chót là Thám Hoa.

Thi Hội: Kỳ thi sau khi đậu kỳ thi Hương. Người đậu gọi là Tiến Sĩ (hay ông Nghè).

Thi Hương: Người đậu gọi là Cử Nhân, đậu vớt gọi là Tú Tài.

Thiên tai: Tai họa do trời gây nên (bão, lụt, động đất, núi lửa).

Thiên tài: Tài năng nổi bật hơn hẳn mọi người (như là trời phú cho.).

Thiệt tha: Tha thiết, có tình cảm sâu xa gần bó.

Thủ phủ: Thành phố quan trọng nhất của một vùng.

Thuận hòa: Hòa thuận, sống êm ấm, không cãi nhau.

Thực lực: Sức mạnh thực sự.

TR

Trái nằng trờ trời: Thời tiết thay đổi khác thường dễ sinh ra đau ốm (bệnh).

Trẫm: Tiếng của vua xưng với mọi người.

Trang trí: Bày biện, sửa sang cho đẹp mắt.

Trí tuệ: Khôn ngoan, sáng suốt.

Trình tấu: Trình diễn bản đàn trước khán thính giả.

Trìu mến: Tổ sự thương yêu qua cử chỉ, lời nói, hành động.

Trời sinh, trời dưỡng: Trời sinh ra, trời nuôi dưỡng.

Trùng điệp: Liên tiếp nhau, hết lớp này đến lớp khác.

Trùng tu: Sửa sang lại.

Trương mục: Một chỗ để tiền ở ngân hàng.

Trường thi: Trung tâm khảo thí.

Truyền thuyết: Truyện dân gian truyền miệng về các nhân vật, kì tích lịch sử.

V

Vấn: Quán chung quanh.

Vi nhân bất phú, vi phú bất nhân: Làm điều tốt thì không giàu, mà hễ làm giàu thì thường làm điều xấu.

Vinh quang: *Vẻ vang, rạng rỡ.*

Vồ vập: *Chụp lấy.*

Vỗ về: *An ủi, làm yên lòng.*

Vòng cà: *Luống cà.*

Vương quốc: *Nước theo chế độ quân chủ (có vua).*

X

Xa xỉ: *Hàng lèo loẹt, không cần thiết.*

Xác xược: *Tỏ ra vô lễ, khinh thường mọi người.*

Xích mích: *Cãi cọ.*

-----oOo-----

Tài Liệu Tham Khảo:

- **Việt Nam Tự Điển.**
Hội Khai Trí Tiến Đức.
- **Việt Nam Tự Điển.**
Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ.
- **Tự Điển Việt Nam.**
Thanh Nghị.
- **Địa Lý Việt Nam.**
Nguyễn Khắc Ngữ.
- **Hán Việt Tự Điển.**
Nguyễn Văn Khôn
- **Việt Sử Toàn Thư.**
Phạm Văn Sơn
- **Việt Nam Sử Lược.**
Trần Trọng Kim
- **Việt Nam Danh Nhân Tự Điển..**
Nguyễn Huyền Anh
- **Thơ Tuổi Thơ.**
Nguyễn Hữu Bào
- **Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển.**
Dương Quảng Hàm
- **Tục Ngữ Phong Dao.**
Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc
- **Một Phía Trời Thơ.**
Thi Đàn Lạc Việt, 1955
- **Giải Văn Học Nghệ Thuật.**
Làng Văn, 1992
- **Quốc Văn Giáo Khoa Thư.**
- **Ngàn Năm Gởi Mây Bay.**
Hồ Mộng Thiệp.
- **Chúng Em Cùng Học.**
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang.
- **Quốc Văn Lớp 3.**
Hoàng Thế Mỹ
- **Tài Liệu của Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Sài Gòn**

QUỐC CA VIỆT NAM CỘNG HOÀ

Lưu Hữu Phước

Này Công Dân ơi Đứng lên đáp lời sông núi Đồng lòng cùng
 đi hy sinh tiếc gì thân sống. Vì tương lai Quốc dân, cùng
 xông pha khói tên, làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền. Dù
 cho thầy phôi trên gươm giáo, thù nước lấy máu đào đem
 báo Nòi giống lúc biển phải cần giải nguy, người Công Dân
 luôn vững bền tâm trí, hùng tráng quyết chiến đấu làm cho khắp nơi vang
 tiếng người nước Nam cho đến muôn đời Công Dân ơi! mau hiến thân dưới
 cờ Công Dân ơi Mau làm cho cờ đỏ, thoát cơn tàn phá, và
 vang nòi giống xứng danh nghìn năm giống giống Lạc Hồng

VĂN LANG HÀNH KHÚC

Thương Xuân



Về Văn Lang ta vui chúng ta cùng quay về nguồn
Lòng hăng say ta vui chúng ta cùng xây dựng đời



Về nơi đây hôm nay chúng ta cùng xây đời mới
Rồi mai đây quê hương sẽ vang lừng thế hệ mới



Hãy cùng sánh vai Vì non sông góp công vì quê hương đấu
Hướng về nước Nam Lòng ta luôn quyết tâm cùng nhau đi đắp



tranh xây Cho khắp nơi chan hoà mừng vui
Cho khắp nơi reo mừng đoàn viên



Anh chị em hồi mau về đây ta cùng tô thắm cho đời



sau Cho nước non mai này sẽ thanh bình nơi nơi
Cho cháu con Tiên Rồng sẽ sống đời yên vui

NGÔI TRƯỜNG VĂN LANG

Thượng Nhàn

Nơi Văn Lang em vui học vui Em siêng
 Nơi Văn Lang em luôn học chăm Em hăng
 năng trau dồi tiếng Việt Em sẽ là học sinh gương
 say đến trường mỗi tuần Em sẽ là trò ngoan trong
 mẫu Cho xứng là giọng giống Rõng Tiên
 lớp Cho xứng lòng thương mến thầy cô
 Em luôn luôn nghe theo thầy cô Chăm viết
 chăm đánh vần chữ Việt Em sẽ thành một người hữu
 ích Cho xứng là giọng giống Việt Nam
 Văn Lang ơi thầy cô yêu mến dạy cho em lễ
 Văn Lang ơi trường em yêu dấu là nơi em ra
 phép làm người. Em không quên những lời khuyên bảo
 sức học hành. Em mong sao đến ngày khôn lớn
 Để mai sau xứng thành người dân
 Sẽ mang cống hiến về quê hương

VIỆT NAM

Phạm Duy



Việt Nam Việt Nam nghe tự vào đời Việt Nam hai câu nói bên vành nôi Việt



Nam nước tôi Việt Nam Việt Nam tên gọi là người Việt Nam hai câu nói sau cùng đi lia



đời Việt Nam đây miền xanh tươi Việt Nam đem vào sông núi Tự do công bình bác ái muôn



đời Việt Nam không đời xương máu. Việt Nam kêu gọi thương nhau Việt Nam đi xây đắp yên vui dài



lâu Việt Nam trên đường tương lai lửa thiêng soi toàn thế giới. Việt Nam ta nguyện tranh đấu cho



đời. Tình yêu đây là khí giới. Tình thương đem về muôn nơi. Việt Nam đây tiếng nói đi xây tình



người... Việt Nam Việt Nam Việt Nam quê hương đất nước sáng



ngôi Việt Nam Việt Nam Việt Nam muôn đời

VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG NGẠO NGHỀ

Nguyễn Đức Quang

1. Ta như nước dâng dâng tràn có bao giờ tàn. Đường dài ngút ngàn chỉ nột trận cười vang
 2. Ta như giống dân di tràn trên lò lửa hồng. Mặt lạnh như đồng cùng nhìn về một xa

vang. Lê sau bàn chân gông xiềng của thời xa xăm. Đôi mắt ta rực sáng theo nhịp xích kêu loang
 xam. Da chan mồ hôi nhễ nhại cuộn vòng gân tưới. Ôm vết thương rỉ máu ta cười dưới ánh mặt

xoang. Ta khua xích kêu vang dậy trước mặt mọi người. Nụ cười muôn đời là một nụ cười không
 trời. Ta khuyên cháu con ta còn tiếp tục làm người. Làm người huy hoàng phải chọn làm người dân

tươi. Nụ cười xa vời nụ cười của lòng hồn sỏi. Bước tiến ta tràn tới tung xiềng vào mặt nhân
 Nam. Làm người ngang tàng điểm mặt mày của trần gian. Hỏi những ai gục xuống ngoi dậy hùng cường đi

gian. ĐK. Máu ta từ thành Văn Lang dồn lại. Xương da thịt này cha ông
 lên.

miệt mài Từng ngày qua, cười ngạo nghề đi trong đau nhức không ngời

chúng ta thành một đoàn người hiên ngang trên bàn chông hát cười đùa

vang vang. Còn Việt Nam triệu con tim này còn triệu khối kiêu hùng (2. Ta như giống.....)